

I THÁNG 8 NĂM 1970

BACH KHOA

năm mười bốn

TRẦN VĂN TÍCH lược khảo về dược liệu Đông-
Y * BÙI DUY TÂM sự tổng hợp Đông Y và Tây
Y... * TRÀNG THIÊN cái « u-mặc » trong hội
nghị Văn bút quốc tế ở Hán-thành * LÂM NGŨ
ĐƯỜNG : « U-mặc » ở Tây-phương và Đông-phương
* CUNG GIỮ NGUYÊN ngôn ngữ ma thuật * TỪ
TRÌ khoảng trống chính trị ở Á-châu * VIỆT PHƯƠNG
chiến cuộc Trung-Đông và tương lai của Do-thái *
XLÂN QUANG nhận xét về một vài cuốn sách do
người Tây-phương viết về Yoga * THE UYÊN căn
nhà người mẹ * LÊ VĂN THIÊN xuất ngoại bằng trực
thăng võ trang * ĐINH NGUYỄN thuốc độc * LÊ THÚY
HỒNG huyết mạch miền Nam * TRẦN THỊ THÁI
HÒA mất * **SINH HOẠT**
*thời sự quốc tế * thời sự khoa
học * thời sự văn nghệ **

326





SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

- ▶ *associe :*
- L-LYSINE
 - VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
 - PANTOTHENATE DE CALCIUM
 - GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard - PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H K H O A

Số 326 ngày 1 - 8 - 1970

TRẦN VĂN TÍCH <i>lược khảo về dược-liệu Đông-Y</i>	5
BÙI DUY TÂM <i>sự tổng hợp Đông và Tây-Y trong chương-trình giảng huấn tại trường Đại-học Y-khoa Huế</i>	17
CUNG GIỮ NGUYỄN <i>ngôn ngữ ma thuật</i>	21
XUÂN QUANG <i>nhận xét về một vài cuốn sách do người Tây- phương viết về Yoga</i>	27
VIỆT PHƯƠNG <i>chiến cuộc Trung - Đông và tương lai của Do - Thái</i>	33
THỂ UYÊN <i>căn nhà người mẹ (đoản văn)</i>	41
LÊ VĂN THIÊN <i>xuất ngoại bằng trực thăng võ trang (bút ký)</i>	47
ĐỊNH NGUYỄN <i>thuốc độc (truyện ngắn)</i>	55
LÊ THÚY HỒNG <i>huyết mạch miền Nam (thơ)</i>	64
TRẦN THỊ THÁI HÒA <i>mất (thơ)</i>	65
TỪ TRÌ <i>khoảng trống chính trị Á - châu</i>	66
VÕ PHIẾN <i>cái « u-mặc » (humour) trong hội nghị Văn bút quốc tế ở Hán-thành</i>	67

SINH - HOẠT

TỪ TRÌ <i>thời sự thế giới</i>	81
TRÀNG THIÊN — THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	85

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Chủ bút :
Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon
Điện-thoại : 25.539
H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG LAI
133 Võ-Tánh Saigon
GIÁ : 50đ Công sở : 100 đ
Cao Nguyên và Miền Trung :
thêm cước phí máy bay

Sách mới sẽ phát hành giữa tháng 8 70

SỬ KÝ CỦA TƯ MÃ THIÊN

GIẢN CHI và NGUYỄN HIẾN LÊ giới thiệu, trích
dịch và chú thích

Tư Mã Thiên là nhà văn lớn nhất, đ u khổ nhất, có tâm trạng u uất nhất của Trung Hoa chịu sống nhục đề hoàn thành bộ *sử ký*; cảnh già thật cô độc, không ai biết chết năm nào và ở đâu.

Sử học, tư tưởng, chí hướng cao cả và tâm sự bi thảm của ông gửi cả vào bộ đó mà về phương diện nghệ thuật, Lỗ Tấn khen là bộ *Ly Tao không vãn*, về phương diện sử học, tất cả các học giả Đông, Tây đều nhận là *một công trình vĩ đại làm vẻ vang cho nhân loại*, hơn hẳn các bộ sử của Hérodote, Tacite. Ảnh hưởng của nó tới văn hóa Trung Hoa chỉ đứng sau các bộ Kinh của Khổng Tử, Lão Tử và Trang Tử.

Chavannes ở Pháp, Watson ở Mỹ đã dịch nhưng chưa trọn bộ vì tác phẩm lớn quá : 130 thiên, 526.500 chữ.

Ở nước ta, trước Thế chiến, Nhung Tống mới trích dịch được ít đoạn ngắn, nhưng giới thiệu sơ sài không chú thích, mà lại không dịch trọn một thiên nào nên độc giả không thấy được cái bi hùng cuộn cuộn trong bộ sử mệnh mông đó.

Lần này hai ông Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê trích dịch nhiều hơn, giới thiệu và chú thích kỹ cũng như đã giới thiệu *Chiến Quốc Sách*. Nhà xuất bản Lá Bối sẽ in thành một cuốn dày. (Giấy mỏng, công in tăng, nên số in phải hạ chế, bạn nên đặt trước ở hiệu sách quen; chắc gì đã không thể tái bản). Một cố gắng tốt bụng của tác giả và nhà xuất bản,

Nhà xuất bản Lá Bối
120 Nguyễn Lâm Cholon

Lược khảo về

DU'ỢC - LIỆU ĐÔNG - Y

Dụng dược như dụng binh
Sinh sát quan đầu hệ phủ khinh.
HẢI-THƯỢNG LÂN-ÔNG

Cách đây hằng mấy mươi thế-kỷ, khi vua Thần-Nông, một ngày nào đó, tạm định-cư bộ-lạc du-mục của mình trên một trền sông, suy gẫm lẽ huyền-bí của vũ-trụ, cảm-thông được cấu-trúc ảo-diệu của càn-khôn, phát-giác ra rằng mỗi cá-nhân trong đám lễ-thứ dưới quyền lãnh-đạo của mình là một tiểu vũ-trụ thu hẹp trong đại càn-khôn bao-la, đề rồi từ đó, suy-diễn ra rằng con người sống trong thiên-nhiên, được thiên-nhiên hỗ-trợ nhưng cũng bị thiên-nhiên đe-dọa, nên cần khai-thác thiên-nhiên, cần lợi-dụng ngoại-giới, rồi cụ-thể hơn, ngài bắt đầu nếm cỏ cây đang khoe muôn màu muôn sắc xung-quanh mình, đề lựa ra vị lành vị độc, thì, khi vua Thần-Nông làm như vậy, Đông-Y đã bước vào kỷ-nguyên dụng dược chính-thức.

Rồi cuộc sống du-mục chấm dứt. Đám người giang-hồ bám vào đất-đại phì-nhiều, mỗi ngày mỗi tăng nhân-số. Cuộc sống xã-hội hình-thành với tất-cả những phong-tục, lễ thói, quy-cử, luật lệ càng ngày càng phức-tạp. Vấn-đề xử-dụng dược-chất cũng song song phát-triển, càng ngày càng đa dạng, càng ngày càng tinh-vi.

Cho đến nay dược liệu Đông-y đã

trở thành một kho tàng vô giá, mặc nhiên chứng-minh tinh-cách quá tham-lam của đề-tài bài tham-luận này.

Thực vậy, có không biết bao nhiêu khía cạnh cần và đáng đề-cập đến khi biên-khảo về dược-liệu cổ-truyền. Nhưng bởi vấn-đề quá bao la, nên sau đây, kẻ viết chỉ xin và chỉ dám « kính nhi viễn chi », nói phớt qua về một vài đường nét của Đông dược, nhìn dưới nhãn-quan của một kẻ theo Tây-học. Tiếp theo bài này, chúng tôi sẽ trình bày về nền dược-liệu Tây-Y, đề rồi trong một bài thứ ba, cố-gắng phân-tích và quy-nạp những điểm khả dĩ xem là dị-đồng trong phương-thức dụng dược của hai nền y-lý.

Chút ít lịch-sử của môn dược-liệu Đông-phương.

Trước hết, tưởng cần định-nghĩa môn dược-liệu-học. Dược-liệu-học là khoa-học nghiên-cứu các vị thuốc thảo-mộc, động vật và khoáng-vật. Quá-trình phát-triển của bộ môn khoa-học này khá dài, nhưng vì thuộc lĩnh-vực Tây Y nhiều hơn, nên sẽ được phân-tích chi-tiết trong bài tới.

Riêng ở phương Đông chúng ta, môn dược liệu có thể coi như được

khai-sinh từ năm 2838 trước dương-lịch khi — như đã nói ở trên — *Thần-Nông* phân-tích thảo-mộc và soạn ra tập *Bản-thảo* đầu tiên.

Tập *Nội-Kinh Tố-Vấn* của *Hoàng-Đế*, cuốn sách y-học cổ nhất ra đời vào khoảng 2698 trước Tây-lịch kỷ-nguyên, cũng bao gồm nhiều chương về dược-liệu-học.

Đến đời nhà Minh, năm 1595, *Lý-thời-Trần* thu góp tất-cả kinh-nghiệm thời xưa để soạn và xuất-bản cuốn *Bản-thảo cương mục*, tập dược-liệu vĩ-đại phong-phú nhất Trung-Y. Tập này gồm 52 cuốn, ghi tất cả 12.000 vị thuốc và đơn thuốc. Đây là công-trình nghiên-cứu trong 32 năm, vào hạ-bán thế-kỷ thứ 16. Không những chỉ là một pho bệnh-lý-học và trị-liệu-học, đây còn là một tư-liệu về sinh-vật-học, chú trọng về phân-loại các dược-chất thuộc ba loại khoáng, thực và động. Ngoài ra, còn có những chương về bào-chế, hóa-tính, dinh-dưỡng, và cả vũ-trụ-học, triết-học, sử-học. Riêng về mặt dược-liệu, trong cuốn này có 1892 vị thuốc, phân chia ra :

1094 vị thuốc thảo-mộc,
444 vị thuốc động-vật,
354 vị khoáng-chất.

Sách đã được dịch ra các tiếng Pháp (du Halde 1735), Anh (P. Smith 1871), Đức, La-tinh, Nga, Nhật-bản, Việt-Nam... Đặc-biệt, sách đã đề-cập đến bệnh giang-mai, xuất-hiện ở Trung-Hoa vào khoảng 1505 - 1506, và đã được Đông-Y trị-liệu — vào thời ấy cũng như ngày nay — bằng thủy-ngân với thỏ phục-linh.

Ở Việt-Nam, tập dược-liệu đầu tiên được xuất-bản năm 1429 thời Lê-Thái-Tổ, đây là cuốn *Bản-thảo thực-vật toàn-yếu* của *Phan-Phu-Tiên*. Tập này biên-soạn từ cuối đời nhà Trần, trong đời nhà Hồ, thời kỳ quân Minh đô-hộ (1407-1413) và hoàn-thành vào

năm 1429. Phan-Phu-Tiên sống vào cuối đời nhà Trần, dưới thời Quang-Thái, và đỗ Thái-học-sinh.

Tập dược-liệu có giá-trị thứ hai là cuốn *Nam-dược thần-hiệu* của *Tuệ-Tĩnh*. *Tuệ-Tĩnh*, tên thực là Nguyễn-bá-Tĩnh, sống về đời Trần (thế-kỷ thứ 14), là một thầy thuốc quê ở Nghĩa-phú, huyện Cẩm-giàng, phủ Thượng-hồng, tỉnh Hải-dương (do đó có danh-hiệu là Hồng-Nghĩa). Sau người xuất-gia đầu Phật và lấy pháp-hiệu là *Tuệ-Tĩnh*. Trong cuốn *Nam-dược thần-hiệu*, *Tuệ-Tĩnh* nêu rõ giá-trị của các vị thuốc Nam, theo cụ, bồi với người Nam, thuốc Nam thích-lợp và tốt hơn. Cuốn sách kê rõ danh-tính, công-dụng và cách dùng 630 vị thuốc, kèm theo một tập 13 đơn thuốc và 37 cách chữa các chứng sốt. Cuốn sách này được các nhà khắc chữ ở Liễu-Tràng đệ trình lên chúa Trịnh năm 1717. Chúa Trịnh thấy có vài chỗ sai-lầm, cho xét lại, thêm một số tài-liệu và giao Trương Y-Học khắc rồi xuất-bản vào năm 1725.

Nhà Minh thấy nước ta có vị danh-y chuyên dùng thuốc nam làm giảm giá thuốc bắc nên gửi điệp sang đơn cụ qua chữa bệnh cho Tống-vương-phi. Năm Nhâm-thìn (1412), cụ theo lệnh vua Trần sang sứ nhà Minh chữa khỏi vương-phi được phong là Đại-y thiên-sư, rồi cùng một số y-sư khác bị giam giữ ở thành Kim-lăng không được về nước. Những sách thuốc cụ soạn ra đều bị nhà Minh tìm mua hầu hết, chỉ còn sót lại bốn pho *Nam-dược thần hiệu*, *Tuệ-Tĩnh y-thư*, thập tam phương gia-giảm và thương-hàn tam thập thất trùng pháp.

Cụ *Tuệ-Tĩnh* vắng mặt ở nước ta, nên thuốc Nam phát triển chậm. Phải chờ tới cụ Lãn-ông, tên thực là Lê-hữu-Trác, nghề thuốc Việt-Nam mới thực có cơ-sở vững chắc. Cụ Lãn-Ông (1721-1792) sinh quán ở Liễu-xá, huyện

Đường-hào (huyện Yên-mỹ, tỉnh Hưng-yên ngày nay). Trước cụ là một nhà võ, sau vì ốm, được một danh-y họ Trần chữa khỏi. Trong khi nằm điều-trị ở nhà họ Trần, cụ đọc sách thuốc và thông hiểu lý-luận y-học. Sau khi khỏi bệnh, cụ về Nghệ-an là nơi quê mẹ, nghiên-cứu trong mười năm soạn ra bộ sách gọi là *Lân Ông tâm linh* hay *Y tôn tâm linh*, xuất-bản năm 1772, gồm 66 quyển, một bộ sách bao gồm cả y-lý, dược liệu. Cụ còn mở trường đào-tạo y-sinh, truyền-bá tư-tưởng và quan-niệm của mình về y-học. Do đó được nhiều người biết tới và cụ Lân-Ông được coi như người sáng-lập ra nghề thuốc Việt-Nam. (1)

Ngoài các bộ dược liệu kể trên, còn nhiều tập sách nhỏ khác kê những đơn thuốc có giá-trị như tập *Vạn phương tập nghiệm* gồm 8 quyển xuất-bản năm 1763 do Nguyễn-Nho đồ trạng-nguyên dưới thời Cảnh-Hưng cùng soạn với Ngô-văn-Tĩnh cũng đồ trạng-nguyên thời đó. Tập *Nam bang thảo mộc* do Trần-nguyệt-Phương xuất-bản năm 1858, trong đó tác-giả dựa vào kinh-nghiệm bản-thân đề kê-cứu khoảng một trăm cây thuốc.

Trong thời Pháp thuộc, có hai bộ sách hữu giá nói về cây cỏ Việt-Nam: bộ *Flore Générale de L'Indochine* của M.H. Lecomte, và bộ *Catalogue des Produits de l'Indochine* của Ch. Crévost, Ch. Lemarié và Pételot. Hai cuốn này có ưu điểm là đóng góp một phần vào việc giúp đối chiếu tên các vị thuốc trong nước ta với các tên quốc-tế.

Tổ-chức khai-thác dược-liệu cổ truyền ở Việt-Nam

Do vị-trí địa-lý, nước Việt-Nam chúng ta có nhiều điều-kiện thuận-tiện

đặc-biệt cho việc khai-thác các vị thuốc động-vật và thực-vật.

Quốc-gia chúng ta ở vào vùng khí-hậu nhiệt-đới, rừng chiếm khoảng một phần ba diện-tích toàn quốc, cây cỏ quanh năm xanh tốt, súc vật trong rừng có thức ăn đầy đủ. Thêm vào đấy, nước ta lại có những vùng khí-hậu mát-mẽ như cao-nguyên vùng Tây-Bắc Bắc-Việt, miền Nam Trung-Việt, Cha-pa, Tam-đảo, Đà-lạt, cho nên ta sẵn có và có thể di-thực nhiều cây cỏ của khí-hậu ôn-đới và hàn-đới.

Theo sự thống-kê trước đây, trong số 12.000 loài cây thuộc 208 họ thực-vật ở Việt-Nam có tới hơn 1350 loài đã được dùng làm thuốc. Thực-tế ta thấy tỷ-lệ cây được dùng làm thuốc còn cao hơn nhiều. Nhưng việc khai-thác các cây thuốc mọc hoang chưa được đồng đều, việc thống-kê chưa được đầy-đủ.

Nhìn chung, có thể nói tuyệt nhiên chưa hề có một kế-hoạch nào của chính-quyền hay các đoàn-thể y-học. Trái lại, việc khai-thác dược-liệu cổ-truyền hoàn-toàn thuộc trong tay tư nhân, lẻ tẻ, tản mạn, bao gồm:

— các ông bà lang ở địa-phương tự trồng, tự hái hoặc tự đi thu thập các vị thuốc mọc hoang hay các súc vật săn bắn được hay nuôi được ở quanh vùng,

— một số hàng thuốc ê, nay đây mai đó, vừa bán thuốc vừa thấy ở đâu có cây thuốc thì ngừng lại khai-thác để đem về thành-phố bán, từ đó phân-phối đi các nơi trong nước.

— các cửa hàng thuốc của tư-nhân

(1) Một bài khảo-luận về Hải-Thương Lân-Ông sẽ được đăng tên tạp-chí này vào thượng tuần tháng 11 tới, nhân dịp sinh-nhật lần thứ 250 của cụ.

ở thành-phố lớn, vừa bán sỉ, bán lẻ, vừa thu mua của quần-chúng để xuất-cảng. Việc khai-thác để dùng trong nước và xuất-cảng, tuy chưa có kế-hoạch, nhưng số lượng hàng năm cũng rất lớn, có lẽ không dưới vài nghìn tấn.

Nhưng đáng tiếc là việc nghiên-cứu để khai-thác trên cơ-sở khoa-học không có. Mĩa mai hơn nữa, một số các vị thuốc được xuất-cảng sang Trung-Hoa hay các nước khác để rồi quay trở lại Việt-Nam sau khi đã chế-biến, hoặc chọn lựa với nhãn-hiệu thuốc Bắc hay thuốc Tây !!

Cách đặt tên thuốc theo Đông-Y

Người ngoài y-giới, và ngay cả một số đồng-nghiệp của chúng tôi trong giới Tây-Y, khi nghe những vị thuốc Đông-Y có tên như Sứ quân tử, Lưu ký nô hoặc ô đầu, ngưu tất v.v.. chắc không khỏi băn-khoăn thắc mắc, không hiểu tại sao những dược-liệu ấy lại có tên lạ lùng như vậy.

Thực ra, những tên thuốc Trung-dược nói riêng, Đông-dược nói chung, đều bao-hàm ý-nghĩa thâm-thúy, chính-xác, vì tiền-nhân đã căn-cứ vào một số tiêu-chuẩn hoặc đặc-tính để đặt tên các vị thuốc.

Nhìn chung, Đông-Y có phần thiên về xử-dụng thực-vật và động-vật trong kho-tàng dược-phẩm của mình. Vị thảo-mộc hay động-vật được Đông-Y dùng hoặc gồm toàn bộ cây cối hay con vật hoặc chỉ gồm một hay nhiều bộ-phận của cây cối hay con vật.

Chẳng hạn, Đông-Y dùng vỏ rễ lưu, quả thuốc phiện, hạt mã tiên, lá cà độc dược, cành có lá và hoa của Bạc-hà, củ của gừng v.v. Đông-Y dùng toàn-bộ

con sâu ban-miêu, con rết, hoặc chỉ dùng xác con ve sầu (thuyền-thoái), phân con quy (quy phấn), nhưng con hươu (lộc nhung), mai cá mực (ô tặc cốt), nhựa cóc (thiêm tô), sỏi mật bò (ngưu hoàng)...

Đối với những dược-liệu được xử-dụng, Đông-Y có nhiều cách để đặt tên.

Trước hết, có thể dựa vào địa-phương xuất-xứ của dược-liệu. Chẳng hạn trong một quốc-gia, có thể có nhiều vùng cùng sản-xuất một vị thuốc, nhưng miền nào sản-xuất, nhiều hơn thì Đông-Y có thể mượn tên địa-phương đó mà định danh. Chẳng hạn vị Ba-đậu có nhiều ở Ba sơn, Trường sơn mọc nhiều nơi núi Thường, Thực tiên là thảo-sản của đất Thực, Cao-ly sâm là vị thuốc quý của nước bạn Triều-Tiên...

Đối với những vị thuốc nhập-cảng từ nước ngoài, Đông-Y và nhất là Trung-Y có thể đặt tên theo hai cách: dịch âm nhưng không có nghĩa, chẳng hạn Mạn-đà-la (1) (hay Mạn sà la hoa), Kha lê lạc; hoặc thêm tiếng Hồ hay tiếng Phiên đằng trước vị thuốc, để chỉ rõ quốc-gia xuất-xứ, ví dụ Hồ tiêu, Phan mộc miết, bởi những cây này chính tại Trung-Hoa vẫn có và cũng đã có tên rồi.

Trong phạm-vi dùng địa-phương để định danh dược-liệu, Đông-Y có khi còn căn-cứ vào tác-dụng của thuốc sản-xuất ở một địa-phương xét thấy tốt hơn ở các khu-vực khác để đặt tên. Chẳng hạn, Hoàng liên vì màu vàng nên có tên, nhưng thứ Hoàng liên sản-sinh ở Tứ-xuyên tương-đối tốt hơn ở các nơi khác nên được gọi là Xuyên Hoàng liên. Bắc tế tân được công-nhận là tốt hơn tế

(1) Mạn cà la, theo một số học-giả, là danh-từ Đông-Y dùng để chỉ cây cà độc dược của ta (nhưng giáo-sư Huard lại không đồng-ý). Mạn đà la phiên âm chữ Ấn-độ (Phạn ngữ) mandragore, có nghĩa màu sắc rục-rờ.

tân ở các miền khác. Vị Bối mẫu có loại Xuyên bối mẫu hay Triết bối mẫu, tùy theo nguồn gốc ở Tứ-xuyên hay Triết-giang. Tân hội bì là loại trần bì sản-xuất ở huyện Tân-hội tỉnh Quảng-Đông...

Cũng có thể do hình-dạng của vị thuốc, gọi ý một vật gì trông tương-tợ, nên Đông-Y gán luôn cho dược-liệu liên-hệ một tên gọi hình. Vị câu-đăng có hình cong tựa lưỡi câu, môa ô-đầu hơi giống đầu con quạ đen. Nhũ-hương là một thứ nhựa cây nhỏ xuống đông lại thành hình giọt trông như đầu vú, lại có mùi thơm; Tri-mẫu nguyệt là do chữ chi mẫu « (trứng kiến) vì lúc mầm cây mới mọc lên trông giống trứng loài kiến. Mộc hồ điệp, ngưi tất, câu tích, sa nhân... đều có hình-thái gần giống loài bướm, loài trâu, loài chó, hạt sạn... Nhân sâm là củ sâm có dạng hình người, ai cũng biết.

Thuốc còn có thể được người xưa đặt tên theo *ngũ sắc*. Một dược-thảo sắc trắng mọc liên-tiếp nhau, được mệnh-danh bạch cập. Thanh đại có sắc xanh, Hồng hoa màu đỏ, Huyền sâm sắc đen, Tử thảo sắc tía. Bồ kết được Đông-Y gọi là huyền đao, vì trái trông giống thanh Đờ-long-đao đen tuyền của Trương-Vô-Ky.

Ngũ vị tân toan cam khổ hàm cũng được Đông-Y dùng như một tiêu-chuẩn trong lúc định danh dược-liệu. Cam thảo ai nếm cũng thấy vị ngọt. Khổ sâm là loại sâm có vị đắng. Vị tế tân ắt hẳn nếm phải thấy cay. Xa hương, đinh hương, hồi hương đều là những thứ thuốc có mùi thơm nhiều hay ít. Ma hoàng là một cây thuốc có vị cay tê lại màu vàng (ma nghĩa là cay cay tê tê).

Do *đặc-tính sinh-học* của dược-liệu,

Đông-Y cũng phân-biệt nhiều vị. Nhũ đông là loại thuốc vẫn tươi tốt dù khí lạnh mùa đông, giỏi chịu thời tiết rét. Tang ký sinh là loại thuốc sống bám vào cây dâu. Muốn có vị bán hạ thành thực, phải chờ tiết trọng hạ (tháng năm âm lịch), tức là vào giữa mùa hè. Hạ cô thảo là loài thảo-mộc mà hoa lá sau ngày hạ chí mới khô, khả dĩ thu hái được. Ô tặc cốt — tức là mai con mực — là xương một loài động-vật mà Đông-Y cho là hay dùng kể nghi binh để sinh sống: theo tiền-nhân, con mực thường nổi lên mặt nước, dùng thân mình làm mồi như giống chim, nhất là quạ; ô tặc có nghĩa tên cướp của loài quạ đen.

Theo một hướng tương-đối rộng-rãi hơn, Đông-Y căn-cứ vào *bộ-phận* thực-vật hoặc súc-vật được dùng làm thuốc để đặt tên. Cúc hoa là hoa cây cúc, quế chi là cành cây quế, cát căn là củ và rễ sắn dây, quất bì là vỏ trái quất, tô tử là hạt cây tô điệp. Tương-tự như vậy, hồ cốt là xương cọp, tê giác là sừng tây ngưu, thuyên y là vỏ con ve, lộc nhung là nhung con hươu...

Khi một cá-nhân có công tìm kiếm-phát-hiện một vị thuốc thì *tên của người* ấy có thể được mượn để dùng cho vị thuốc liên-hệ. Xưa có vị sử quân ở Phiên châu chuyên dùng một vị thuốc để chữa các chứng bệnh của trẻ con, nên dược-liệu ấy được gọi là hạt của ông sử quân (sử quân tử), sau đọc trại là sử quân tử. Lưu ký nô là loại thuốc do một danh-nhân họ Lưu, thuở bé nghèo khổ phải đi ở đợ, tìm ra. Một ngày xa xưa nào đó, có một người nào đó mắc bệnh được tha nhân mách một vị thuốc uống khỏi, nên, để ghi lại *kỷ-niệm*, vị thuốc từ ngày ấy về sau được gọi là khiên ngưi. Đổ-trọng, Tử trường khanh, Hà thủ ô...

đều được đặt tên theo cùng một phương-thức.

Cuối cùng, bằng vào công-năng của vị thuốc đối với bệnh-tật, Đông-Y cũng dùng một phương-pháp đặt tên khá độc-đáo. Cho nên, loại thuốc ngừa chữa được các chứng phong thì gọi là phòng phong; ích mẫu là thuốc sản-khoa, chuyên-dược của các bà mẹ mỗi khi sinh đẻ. Quyết minh tử là một thứ hột làm cho thông suốt, sáng sủa vì có công-dụng giúp mắt thêm tinh tường. Bởi theo hán-tự, tục-đoạn có nghĩa là nối lại những gì đã bị đứt gãy, nên loại thuốc nào có khả năng tiếp gắn gân xương thì có tên là tục đoạn. Ngược lại, cây lá ngón, mọc nhiều ở núi rừng Việt-Bắc, gọi nhớ đến cụ Tiên-Điền, vì đã được Đông-Y gọi tên là Đoạn-trường thảo : y-học cổ-truyền xem đây là một thứ cỏ cực độc, một người khỏe mạnh chỉ cần uống hai, ba lá tươi, kèm theo chén rượu đủ chết nhẹ nhàng trong vài giờ (nhưng như thế chẳng rõ có bị đứt ruột không ?)

Phân-loại dược-vật

Đề tiện cho việc nghiên-cứu và giới-thiệu các dược-liệu, Đông-Y thường phân-chia dược-phẩm thành nhiều loại. Cùng với tuế-nguyệt, trải đời này qua đời khác, đã có nhiều phương-thức phân-loại dược-vật được đề ra.

Xa xưa hơn cả, là lối phân-loại của *Thần-Nông Bản-thảo kinh*, chia dược-vật thành ba loại thượng, trung, hạ : *thượng phẩm, trung-phẩm* và *hạ-phẩm*. Đây là một lối phân-loại đơn giản, dựa vào công-hiệu của dược-chất, nhưng đầu đơn-giản vẫn là căn-bản để vạch ra phương-hướng cho đời sau bổ-xung tu-chỉnh.

Đời Bắc-Tề, *Từ Chi-tài*, căn cứ vào công-dụng của dược-vật, qui-nạp thành mười loại, mà Đông-Y quen gọi là *thập-tễ* : tuyên, thông, bồ, tiết, kinh, trọng, sắc, hoạt, táo, thấp.

Tuyên ứng vào một số thuốc có mùi thơm, có thể giúp khơi thông, giảm thiểu nghẽn trở, như sinh khương, quất bì...

Thông gồm những vị có công-năng sơ thông thấp trệ, đưa vất-khí ra theo đường tiêu, như thông thảo, phòng kỷ.

Bồ chỉ những vị thuốc có tác-dụng bồi-dưỡng cơ-thể suy nhược, yếu đuối, chẳng hạn nhân sâm, thực địa.

Tiết quy-nạp những dược-chất được dùng để đưa ta độc trong cơ-thể ra ngoài theo hai đường tiêu-tiên và đại-tiên, như đình lịch, đại hoàng...

Dược-chất có tính *khinh* được chỉ định cho cơ-thể suy-nhược, vì là những thuốc nhẹ, dễ phát tán : ma hoàng, cát căn là những đại-biểu.

Trọng dành cho các dược-chất có công-năng bình can, an thần, trấn nghịch như tử thạch, thiết phấn...

Mẫu-hệ, long cốt v.v... vì đặc-tính thu liễm, cố thoát nên được mô-tả là sắc.

Hoạt chỉ những vị thuốc làm cho hoạt lợi tiểu âm hậu âm, có tác-dụng khử trệ, như Đông quỳ tử, du bạch bì...

Táo — có nghĩa là táo thấp — bao gồm một số dược-chất có tính lợi tiểu trừ thấp như tang bạch bì, xích tiêu đậu...

Thấp dành cho những vị thuốc tư âm, có công-năng nuôi dưỡng các chất dịch trong cơ-thể, giúp nhuận lại những nơi bị khô cằn như tử thạch anh, bạch thạch anh, địa hoàng, mạch môn ma tử nhân.

Lý-thời-Trân, nhà dược-học lỗi-lạc nhất của Trung Y, trong bộ *Bản-thảo cương mục* lừng danh trong Y-giới Đông Tây, đã tổng hợp hết thấy dược vật, chia thành mười sáu bộ: thủy, hỏa, thổ, kim, thạch, thảo, cốc, thái, quả, mộc, trùng, lân, giới, thú, nhân và phục khí.

Thủy dĩ nhiên gồm những dược chất thuộc về nước. Tuy vậy, cũng có đến 43 thứ, chia làm hai loại *thiên* và *địa*. Thủy thuộc về hiên như nước mưa, sương mù, băng tuyết... Thủy thuộc về địa có thể là nước suối, nước giếng, nước đọng lại ở vết bánh xe chạy dọc đường...

Bộ *hỏa* có 11 thứ, như dương hỏa, âm hỏa, loại hỏa, tang sài hỏa, thán hỏa, đấng hỏa...

Sáu mươi một thứ thuộc về *thổ*, như Đông bích thổ, Phục long can, Hoàng thổ, Lương phượng trần..

Bộ *kim* có 28 thứ như tự nhiên đồng, Mạt đá tăng, Thiết lạc...

Thủy-ngân, hùng hoàng, thạch cao, hoạt thạch, Lộ cam thạch v.v... được xếp vào bộ *thạch*, quy nạp 32 thứ.

Bộ *thảo* có lẽ là phong-phú nhất, gồm đến 610 thứ, và vì vậy được tế phân thành mười loại: *son thảo* (nhân sâm, hoàng kỳ, cam thảo, tri mẫu...), *phương thảo* (đương quy, xuyên khung, bạch chỉ, mộc hương..), *thấp thảo* (mộc tặc, thanh hao, ích mẫu, hạ khô thảo, Lưu ký nô..), *độc thảo* (đại hoàng, thương lục, phụ tử, bán hạ, đại kích..), *man thảo* (sử quân tử, thổ phục linh, ngũ vị tử..), *thủy thảo* (trạch tả, xương bồ, hải táo, thủy bình, bồ hoàng..), *thạch thảo* (thạch hộc, kim tinh thảo, bạch long

tu.), *đài loại* (địa y, viên y..), *tạp thảo* (bách thảo hoa, tinh khẩu biên thảo..). Loại thứ mười gồm những cây cỏ đã có tên nhưng chưa dùng.

Cốc chỉ những loại thực-vật có hạt dùng để ăn như gạo là lúa nếp, lương là lúa tẻ, thực là đậu, mạch là lúa mì, thứ là kê, tặc là bắp. Hồ ma, tiểu mạch, đại mạch, ngạnh, mễ, ý dĩ v.v. đều thuộc họ này.

Thái tức là rau. Bản thảo cương mục liệt vào mục này những thứ như bạch giới, vân đài, mã xỉ hiện, bồ công anh, hành, tỏi, cà rốt (1), môn, bí đao, cà, mộc nhĩ.

Quả gồm các loại trái cây như đào, lý, táo, lê...

Mộc có 180 thứ chia làm 5 loại, như Trắc bá, tân di, hậu phác, đỗ trọng, sơn thù, kim anh ..

Trùng là danh-từ chung để chỉ loài động-vật dùng làm dược-liệu (chứ không phải chỉ dành riêng cho loài sâu bọ, bởi chữ trùng ở đây là ba chữ trùng ghép lại thành một chữ trùng). Được sắp xếp vào bộ này có thể kể Mạt phong (con ong mật), Đường lang (con ngựa trời), huỳnh hỏa (con đom đóm), cáp giới (con tắc kè)..

Vì chữ lân có nghĩa là vảy, nên bộ *lân* bao gồm các loại rắn, cá, tôm...

Cũng tương-tự như vậy, chữ giới nghĩa là vỏ, nên *giới* tộc chỉ loài trùng có vỏ như rùa, ba ba, cua, vỏ bào ngư..

Thú bao gồm cầm và thú. Cầm chỉ loài chim có hai chân và cánh như gà,

(1) Cà rốt được Trung-Y gọi là Hồ-la-bặc: cây nguồn gốc đất Hồ, có vị như vị cây la bặc (cải củ).

hình hồng, chim nhạn... Thú là loài muông có bốn chân, không cánh, như trâu, dê, chó, ngựa..

Lý tiên-sinh xếp vào bộ nhân những thứ như tóc rối, móng tay, móng chân, răng, nước bọt, mồ hôi, nước tiểu, thiên linh cái...

Cuối cùng, phục khí là những vật dụng hằng ngày, như tơ cũ, áo lót trong, giày cũ, mũ cũ, cùng những thứ chần mẫn chiếu của người chết.

Nói tóm lại, tuy sự phân-loại phức-

tạp, nhưng nhìn chung, Đông-Y chú yếu dùng hai phương-thức, hoặc cứ vào công năng hoặc dựa trên thuộc-tính của dược-vật. Phân loại theo công-nhiệu của dược-vật rất tiện cho việc ứng-dụng trên lâm-sàng trong khi phân-loại theo bản-tính của dược-chất lại thích-hợp cho việc nghiên-cứu dược-học.

(Còn tiếp 1 kỳ)

Bác sĩ TRẦN-VĂN-TÍCH

Kỳ tới : Quy-luật cơ-bản
về dụng dược

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng - Có sinh tố C - Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

ASPRO



trị :
**CÁM CÚM
ĐAU NHỨC**

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Sự tổng - hợp Đông và Tây Y

trong chương trình giảng - huấn tại trường Đại - học
Y - khoa Huế

L. T. S Trên Bách-Khoa số 316 (1-3-1970) chúng tôi đã giới thiệu với bạn đọc trong mục Sinh-hoạt về Trường Đại-học Y-khoa Huế và Y-lý Đông phương được giảng dạy tại đó. Để bạn đọc rõ hơn quan-niệm tổng hợp Đông-y và Tây-y của Giáo sư Bùi-Duy-Tâm, Khoa trưởng Đại học Y-khoa Huế, người đương thực hiệ nhòai bão xây dựng một nền Y-học Việt-Nam, chúng tôi xin đăng nguyên văn dưới đây bài thuyết trình của ông tại Hội-nghị Giáo dục Y-khoa họp tại Tân-gia-ba từ 22 đến 24/6/70.

Thưa quý đồng nghiệp,

A/— Thay mặt một trường Đại-học Y-khoa nghèo nàn và kém may mắn trong một Quốc-gia đương bị chiến tranh tàn phá, tôi xin chân thành gửi đến quý đồng nghiệp lời chào thân ái và nồng nhiệt nhất của chúng tôi.

Nước chúng tôi, suốt trong 25 năm, ngay sau Thế chiến II, đã lâm vào một cuộc chiến tranh oan trái và tàn khốc nhất.

Trường Đại-học Y-khoa của chúng tôi, ở nơi kinh-thành cổ-kinh và thơ mộng, có thể là nhất Đông-Nam-Á, nhưng lại ở ngay vùng gi vi-tuyến phân chia đất nước, nên đã một lần là bãi chiến trường mà kết quả là : một số giáo-sư, nhân-viên và sinh-viên bị giết hay mất tích. Trường sở phải di cư tới một nơi khác an toàn hơn trong 2 năm. Hiện nay trường mới trở về chốn cũ được mười tháng và tiếp tục hoạt-động vẫn trong sự đe dọa của chiến tranh. Nhưng với sự hăng hái và can đảm của 300 sinh-viên và 30 giáo-sư, chúng tôi quyết tâm cố gắng phục-vụ bệnh nhân, cải tiến chương trình giáo-dục Y-khoa và góp phần vào sự tiến bộ của Khoa-học.

Từ một nơi ngập khói lửa chiến tranh tôi xin khiêm tốn trình với quý đồng-nghiệp những gì chúng tôi đã suy-tư và đã thực hiện.

B/ - Trước hết, tôi xin trình bày các lý do mà tôi đã thêm vào sự giảng-huấn Y-học thái-tây thường lệ, một chương trình Y-học Đông-phương cho các sinh-viên của Đại-học Y-khoa Huế (Việt-nam).

-1/ Nếu nền Y-học thái-tây thành công hoàn toàn trong việc trị

bệnh tật thì mọi sự thêm thắt sẽ là vô ích. Nhưng tôi thiết tưởng quý đồng nghiệp đều đồng ý với tôi rằng: «Y-học Tây-phương hiện đại còn có rất nhiều thiếu sót: nguyên nhân bệnh lý chưa được sáng tỏ cho nhiều bệnh, nhất là tâm bệnh và bệnh thần kinh, sự chữa bệnh thường hơi muộn vì phải căn cứ vào các vết thương cơ-thể (lésions organiques), và cách trị bệnh còn rất giới hạn và ngược với tự nhiên, thí-dụ hay dùng thuốc độc và việc giải phẫu cắt bỏ (chirurgie ampulatrice). Chúng tôi muốn bổ khuyết *vo đó* bằng các kiến-thức y-học Đông-phương. Có nhiều người cho rằng: «Y-học Đông-phương cùng một lúc với văn minh Đông-phương đã có một thời-kỳ vàng son sáng rực nhưng nay đã ngưng trệ tất phải có lý do hay sự sai lầm nào và như thế thì không đáng đề ý». Tôi xin trả lời ngay: «Nền văn-minh nào cũng có lúc rực sáng lên rồi tắt dần, không phải vì sai lầm, nhưng vì *luật tuần-hoàn* cũng như việc sinh tử của Con Người hay sự tàn nở của Bông Hoa: cứ đi hết chu-kỳ của mình là sẽ cùng đường và ngưng trệ. Nhưng hạt của bông hoa tàn sẽ là mầm mống cho một sức sống mới và những thế-hệ tuy cứ theo nhau mất đi, nhưng những kiến-thức của con người thì tồn tại và cần thiết cho sự tiến hóa của nhân loại: *nhanh hay chậm là do sự khôn khéo trong việc thu lượm cái cũ để bổ khuyết và làm toàn vẹn cái mới*».

-2/ Có nhiều người cho rằng: «Sự tổng hợp Đông và Tây Y trong chương-trình đào tạo người thầy thuốc là không thể thực hiện được vì hai nền Y-học đó có các phép suy luận và phương pháp hoàn toàn khác nhau.» Tôi rất đồng ý rằng Đông và Tây dựa trên những căn-bản lý-huyết và thực hành hoàn toàn khác nhau. Nhưng cũng chính vì thế nên người thầy thuốc mới cần thu lượm cả hai loại kiến-thức, vì bằng quan-niệm và phương-pháp của Đông-Y, người ta tìm thấy nguyên nhân, cách chữa bệnh và lối trị bệnh của một số bệnh một cách dễ dàng mà Tây-Y, với lối suy-luận và phương pháp khác nhau lại cảm thấy lúng túng hay ngược lại cũng vậy.

Trên thực tế, ở nước tôi, người bệnh chữa thuốc tây không khỏi thì tìm đến ông lang ta: kết quả không phải luôn luôn thỏa mãn, nhưng tỉ-số thành công rất đáng đề ý. Theo kinh nghiệm riêng của tôi thì Đông-Y rất hay trong cách trị *các tâm bệnh* còn Tây Y lại rất hiệu quả trong ngành *giải phẫu và vụn* (chirurgie plastique): sở đoản của Đông-Y thường là sở trường của Tây-Y hay ngược lại. Nhiều nhà Vật-lý học đã nghĩ rằng biết đâu nguyên-nhân của ung-thư lại dễ thấy nếu ta thay đổi hệ-thống tọa-độ trong sự áp-dụng vật-lý vào việc tìm kiếm cơ-chế của bệnh ung-thư.

-3/ Y-học Đông-phương nhìn con người một cách *tổng hợp*, một cách toàn diện. Những quan-niệm rất đa-cương đó, trải qua mấy ngàn năm, đến nay vẫn đúng. Nguyên-lý «Âm-Dương» tương hợp của đời xưa cũng phù hợp cho thuyết nguyên-tử của thời nay vậy. Vì cho rằng vạn vật đều luôn luôn *biến dịch* nên Đông-phương rất ngại đi vào chi tiết cứng nhắc. Do đó các quan-niệm của Đông-phương đúng cho muôn đời nhưng vì quá tổng-hợp quá đa-cương nên lại hơi mù mờ và thiếu thực-tế.

Y-học Tây-phương thời Hippocrate là một nền Y-học tổng-hợp nhưng bắt

đầu từ thời Galens đến nay, Tây-Y đi sâu quá vào chi tiết bằng óc phân tích mà lãng quên tinh thần tổng-hợp. Biết một cơ-quan trong cơ-thể một cách cặn kẽ chi li là điều rất đáng quý, nhưng cứ tập trung tại đó mà không chịu xét bệnh trên bình diện con người toàn thể sống trong một gia-đình, xã-hội và chịu ảnh-hưởng của thời-tiết cùng lực khí ngũ vận trong vũ-trụ như thế là rất thiếu sót và tai hại. Chúng tôi xin kể một câu chuyện vui của nước tôi về 4 ông thầy bói mù tả voi như sau : Ông sờ tai voi thì nói voi hình đẹp, ông sờ bụng voi thì kêu voi hình bầu, ông sờ chân voi thì cho rằng voi như cây cột còn ông sờ đuôi voi thì kết luận voi hình dài dài cong cong.

Thực ra tôi không muốn thiên về bên nào : Tổng-hợp hay Phân-tích. Nhưng tốt hơn cả là bắt đầu từ cái nhìn toàn-diện rồi đi vào từng chi-tiết cần nhấn mạnh, rồi lại đi lên cái toàn-thể và lại xuống từng phần hay nói một cách khác : *cách vật rồi trí trí rồi cách vật* . . . thành một vòng không mối « hoàn vô đoan » hay đúng hơn là một hình xoắn-ốc cứ lên xuống hoài mà không bao giờ phải trở lại điểm cũ cả.

Chân giá-trị của Y-học Đông-phương, qua bao ngàn năm tới nay, là điều không thể chối cãi được. Gần đây các nước Tây-phương nghiên cứu, học hỏi, thí nghiệm, thực hành và chấp nhận hiệu-quả của Đông-Y nhất là trong lãnh vực châm-cứu. Chúng ta có thể kể các Viện châm-cứu tại Paris, Berlin và Moscou . . . Có điều lạ hơn nữa là Hahnemann và học trò của ông là Weihe, ở trời Âu, không biết gì về khoa Châm-cứu, dùng các phương-pháp khoa-học Âu-Tây, đã tìm ra được hơn 250 điểm trùng với và có tính chất giống như 365 huyết trên các kinh-mạch của khoa Châm cứu Đông-phương. Khoa Homéopathie của Tây-phương cũng gần tương tự với nhiều nguyên-tắc Đông-Y.

Do đó, việc giảng dạy Y-học Đông-phương tại các Y-khoa Đại-học là một việc mà các quốc-gia nên làm. Riêng đối với các nước Đông-phương, tôi thiết tưởng là một việc không nên không có. Với phương-ien eo hẹp hơn, nếu chúng ta đi cùng một con đường với Tây-phương thì dĩ nhiên bao giờ chúng ta cũng giữ phần đuôi và luôn luôn phải phụ thuộc vào kỹ-thuật, rồi tới kinh-tế, xã-hội và sau cùng là văn-hóa và tinh-thần. Chúng tôi thiết tưởng mỗi dân-tộc nên cố gắng góp cái tinh-hoa và độc đáo của mình vào lâu-đài kiến-thức của nhân-loại, vì chúng ta không thể kiêu-bãnh được nếu cứ tiếp tục cóp nhặt những sáng-kiến của người khác và như thế chúng ta trở nên ít ích-lợi cho sự tiến-bộ của nhân-loại

C/— Khi đem các kiến-thức Y-học Đông-phương vào việc đào tạo người Y-sĩ hiện-đại, tôi không đồng ý việc tổ chức thành hai trường riêng biệt như hiện nay tại nhiều quốc-gia miền Đông-Á. Vì như thế tình trạng què quặt của cả hai học-phái vẫn tồn tại, còn chưa kể tới sự mâu-thuẫn không bỏ ích vètur-tướng và sự cạnh tranh không đẹp về nghề nghiệp của các Đông và Tây Y-sĩ. Dạy cùng trong một trường mà phân biệt làm hai môn riêng biệt cũng chưa đạt được mục-đích mà chúng ta đã bàn ở trên vì đó chỉ là một sự gán ghép bất đắc-dĩ, nhiều khi làm sinh-viên thêm hoang mang. Tôi muốn đề cập tới sự hòa hợp làm một nên tôi dùng danh-từ *tổng-hợp* và tôi xin giải thích :

Năm I và II : Với môn *Triết-lý về Y-học* : chúng tôi tập cho các sinh-viên biết dùng cái *Duyệt-Trí* của *Đông-phương* để nhìn cái toàn thể của vấn đề và tôi suy-luận thực-nghiệm của *Tây-phương* trong các chi-tiết cụ-thể.

Về *Cơ-thể-học* : Chúng tôi vẫn dạy như các trường *Y-khoa Tây-phương* khác, nhưng thêm phần *miêu tả Kinh Mạch* của *Đông-phương* để sinh viên hiểu rõ đường khí-lực chạy trong cơ-thể và nơi khí-lực vũ-trụ vô con người.

Năm III và IV : Trong khi dạy *Bệnh-lý học*, chúng tôi thấy ít có sự mâu-thuẫn nhau giữa *Đông* và *Tây*, mà lại bổ khuyết cho nhau một cách tài tình nữa. Đối với *Tây-Y*, giai-đoạn nung nấu (*période d'incubation*) rất khó định bệnh mà phải chờ tới khi có vết thương nơi *chủ-tạng* hoặc có phản-ứng của vi-trùng mới định rõ được phép trị liệu : hoặc cắt bỏ chỗ ung thối hoặc giết vi-trùng. *Đông-Y* thì quan tâm tới các nguyên-nhân đầu tiên làm cơ-thể suy yếu như : hàn khí, nhiệt khí, thấp khí, táo khí... nêu phép định bệnh và trị liệu khá rõ rệt ngay từ lúc bệnh mới chớm nở nhưng khi bệnh đã ăn sâu và trong *Lý (Viscères)* và vi trùng (*hậu quả của sự suy yếu của cơ-thể*) đã gia tăng nhiều thì chắc phải cần tới các thuốc *trụ-sinh*. Ngoài ra còn một số các triệu-hứng thường gặp ở *phòng mạch tư*, làm người thầy thuốc *Tây-Y* bối rối vì không miêu-tả trong sách *Bệnh-lý* thì lại được giải thích rõ ràng trong *Y-học Đông phương*.

Sinh-viên của trường chúng tôi cũng học *bắt mạch* vì chúng tôi thấy nó cũng có giá-trị như các phương pháp chẩn-bệnh của *Tây-phương* như : *Rọi kiếng*, *nghe tim phổi*, *ECG*, vân vân...

Năm V : Cũng như môn *Bệnh-lý-học* phần *trị liệu pháp* được tăng cường bằng các phương pháp *Đông-Y* như *Châm-cứu* vân vân... Một số bệnh như : nhức đầu, hoa mắt, hay nói điên, cuồng, tê thấp, nấc cụt vân vân... không được giải thích thoả đáng và khó trị đối với *Tây-Y* thì lại được tả rõ ràng và dễ trị bằng phương pháp *Đông-Y*.

Trong môn *Y-học phòng ngừa*, chúng tôi sẽ thêm vào môn *Dưỡng-thần* cũng tương tự như *vệ-sinh tâm-trí* hay *Zen* vậy. Tất nhiên không có sự khó khăn nào trong khi dạy *Lịch-sử Y-học* của cả *Đông* và *Tây*.

Trước khi ngừng lời, chúng tôi không quên thêm rằng : trong *lời tuyên thệ* của người thầy thuốc, bên cạnh tên của *Hippocrate* cũng có tên của vài vị *Y-tổ Đông-phương*.

BÙI-DUY-TÂM

ACTIVIT

THUỐC TRỊ LAO LỰC, BỒ MÁU, BỔ PHỔI
BỒ BỔ CƠ THỂ
CO CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN

Ngôn-ngữ ma-thuật

Ma-thuật là một chiến-lược về mặt hành động phù hợp với giai-đoạn giải-thích theo nhân-hình và vạn vật hữu-linh về mặt lý-thuyết. Đối với người mà tâm trí đang còn ở bậc ấy, không riêng gì những bộ lạc được xem là sơ-khai, luôn cả những xã-hội hiện đại gọi là tân-tiến, danh-từ dính liền với sự vật, nói lên bản-chất uyên-thâm của sự vật, thay thế cho sự vật.

Vì danh có giá-trị ma-thuật, cần phải bảo vệ thể-tích của vật nơi danh, không để cho kẻ thù nghịch hiểu biết và chiếm đoạt. Tục kiêng húy cốt chống lại tác-động ma thuật nguy-hại đến vận mệnh của mình. Chính người nếu biết được tên thánh thần ma quỷ, biết ngôn-ngữ để chuyển thông với họ, để kêu gọi họ, người cũng cầu van, sai khiến hoặc nhờ những đấng khác sai khiến để thực-hiện điều người mong muốn được. Khi đọc câu thần-chú hay vẽ bùa để cứu chữa một bệnh-nhân, thầy cúng hay thầy pháp cũng dùng những danh-từ có hiệu-năng để đuổi ma tà hay nhờ một đấng uy-quyền cao hơn ngăn cấm hoặc trừng trị thứ quỷ quái thất đức hay vi pháp. Trường-ca *Iliad* của Hi-lạp đầy sự can thiệp của thần thánh, và việc xung đột của người ở trần gian sinh ra sự căng-thẳng song song giữa các thánh thần nơi thiên-cung. Nhưng sự kêu gọi không cần thận

hay không đúng nghi-lễ một tên linh-thiên có thể gây cho mình những hậu-quả tai-hại, chẳng khác khi ta gọi xách mé một người đủ phương-tiện sửa trị sự vô lễ của mình. Thần thánh, nhân-vật đáng kính chỉ được nói đến nhờ biệt-hiệu, chức-vị hay lời uyên-khúc. Không những người uy-quyền hay thần thánh đòi hỏi sự kính nể tên riêng, mà thú dữ cũng hưởng một lối kiêng cử tương tự. Vì thú rừng không có tên riêng, người sơn cước tránh động đến tên chung của thú, như cọp hay hổ, thì gọi ông ba mươi, không dám nói xấu ông voi, vì ông ấy ở xa mấy cũng nghe biết và sẽ báo thù. Cũng may là người ta vững tin rằng voi đập đá hay rẽ cây thì quên tất cả mọi sự, và có thể xin cọp tha thứ lỗi lầm của những đồng-hương trong ngành bằng cách lập những miếu thờ cọp anh linh. Tên thật của người và thần thánh phải giữ kín, và chỉ tâm-truyền cho những bậc xứng đấng, những nhà tế lễ. Thành-phố La-mã xưa kia cũng có tên bí-mật, được các giáo-trưởng dấu cần thận sợ thành phố bị quân địch trù yểm. Tên ấy hình như là *Valentia*, có nghĩa là sức mạnh, cũng như nghĩa của chữ Hy-lạp *Roma*.

Giá-trị ma-thuật của danh từ được lan rộng nhờ luật liên-tưởng, theo lối tiếp-cận hay lối tương-tự. Những tiếng

đồng-thanh nhờ vậy hàm luôn một thứ nghĩa, chứa đựng một thứ hiệu-năng. Nhiều dân-tộc đã xây dựng môn y-khoa giản-dị dựa trên danh-từ và quan-hệ giữa những danh-từ, tập hay ký với nhau. Một vài ngẫu nhiên lại củng cố đức tin của những người được nghe nói đến ứng-dụng của một vài phương thuốc. Ngày nay tây được dùng chất bồ trong gan làm thuốc trị bệnh gan, thì xưa kia và nay ta đã biết ăn gan bồ gan, cũng như uống huyết bồ huyết. Trị bệnh sốt rét, chỉ cần dùng chia khoa rét ngâm vào nước để uống, vì lấy độc trị độc. Sự tin cậy của ngôn ngữ cho phép một số liên-tưởng, mà trong ngôn ngữ khác, lại không dùng được. Ta không nghe người Pháp uống hoa *oeille* để trị bệnh con mắt (*oeil*) hay ăn đậu xanh (*pois*) để cho lên cân (*poids*). Tuy vậy dân Pháp, cũng như mọi dân-tộc có lầm đi-đoan do danh-từ mà ra, như họ không tặng cho nhau kéo vì nó *cắt* thịt *hân-hữu*.

Trong ma-thuật của dân Trobriand, như Ma nowski nhận xét, không có một chỉ nào mà nghĩa không thể giải thích trên các-bản liên-tưởng, theo một dữ-kiện thần-tạo hay một khía-cạnh nào của nguyên tắc giao-cảm. Đó là thái-độ chung cho tất cả loài người đối với mọi thứ tiếng. Từ khi con người biết nói, người vẫn tin rằng biết một tên, biết dùng một động-từ hay áp-dụng đúng một âm-thanh, là được một quyền năng thần-nhiệm trong việc chuyển-thông giữa người với người.

Thuyết tâm-sinh-thành giúp cho việc so sánh sự phát-triển của con người với sự phát-triển của từng lớp xã-hội. Những căn-tắc sơ-khai cũng tìm thấy và chinh-phục ngoại-giới như thể đứa bé. Trẻ đã dùng hiệu-năng của chữ, có

tánh-cách ma-thuật. Nó thốt lên một tiếng, phát ra một âm thanh, thì những người lớn chung quanh vội vã thỏa mãn nhu-cầu của trẻ. Quan-điểm ấy được các nhà tâm-học như Piaget, Bühler hay William Stern bênh-vực trong những công-trình quan-sát và nhận-định đáng giá.

Nói chung về ma-thuật, có thể thấy phi-lý và khờ dại, nhưng không thể phủ-nhận hiệu-năng, hiệu-năng không phải đối với người ngoài cuộc, đối với người quan-sát khách-quan hay hoài-nghi, mà hiệu-năng đối với những người tin nơi ma-thuật. Điều thường xảy ra trong nhiều trường-hợp dùng ma-chước để chữa bệnh, là quả thật con bệnh lành. Phân-tích thì sẽ thấy muốn có kết-quả lạ lùng như thế cần phải ba yếu tố. Thầy phù-thủy phải tin nơi linh-nghiệm của bùa phép thần-chức, bao nhiêu kỹ-thuật của mình. Bệnh-nhân mình chữa, hay nạn-nhân mình muốn trừ, cũng phải tin nơi tài-năng của thầy phù-thủy hay người có bùa ngải. Thêm vào đó, là sự tin-tưởng và sự đòi hỏi của dư-luân cộng-đồng, nâng đỡ và định-đoạt những quan-hệ giữa người phù-thủy và các bệnh-nhân hay nạn-nhân.

Riêng về tiếng ma-thuật, nghĩa-lý và giá-trị cũng nhờ nơi ảnh-hưởng của chữ dùng có thể có, trong những nghi-thức nào đó được người nói như người nghe đồng chấp nhận, trong khung-cảnh văn-hóa chung có những tư-tưởng dù cho là ảo-tưởng, có những ý-kiến dù cho là thành-kiến, có những tập-quán về lý-luận, cảm-xúc và phản-ứng đồng đều trước một sự-việc.

Trong một xã-hội nhỏ bé như một bộ-lạc, cá-nhân chịu ảnh-hưởng của văn hóa chung một cách trực tiếp và mạnh mẽ. Môi-trường thu hẹp hơn nữa,

như những người quây quần chung quanh một bệnh nhân, hay thành-phần như người tham dự một lễ lạc vừa tôn-giáo vừa ma-thuật, rất thuận tiện cho sự truyền cảm, và nhất là *lây cảm*, tiếng Đức thông dụng từ Scheler là *Einfühlung*, một sự xâm lãng của tư-tưởng bên ngoài, một thái-độ đón nhận cảm-xúc và cơ-động, khiến cho mình có những phản-ứng và cử-chỉ mà bình-thường hay nếu tự-chủ mình sẽ không có. Ai đã ngồi lâu trong một am đồng bóng, khi nghe tiếng chầu vãn, thờ nui hương-trần, thấy cốt-đồng ngắt-ngư giữa đám say mê, cũng dễ lây cảm và nhập cuộc. Hay khi ta rơi vào vũ-trường nghe kích-động-nhạc, thấy những người cuồng nhiệt diễn tả với thân hình, với tay chân, khoá-trá của họ theo một tiết-tấu dứt gân, ta có thể thấy sự lây cảm nơi bộ tịch hay tiếng đập chân của những người xem, trong đó thường có ta nữa. Nơi đâu vẫn thấy tác-dụng của ánh-sáng mập mờ của đêm tối, của thâm cung, của ngọn lửa nơi khoảng rừng vắng, ánh sáng leo lét, pha màu hay lóng lánh màu của đồ trang trí, của tiếng nhạc với điệu quen thuộc đến buồn chán, nét mặt nghiêm-nghị của người hành-lễ hay dùng phép giữa những bộ mặt cũng nghiêm-nghị, trầm ngâm, của hương hoa xạ nến, và phụ họa với các tác-dụng ấy, ảnh-hưởng tiềm tàng của khí-hậu linh-thêng được nghe nói, được nhìn nhận, được bảo vệ.

Bệnh-nhân hay nạn-nhân là thành-phần của xã-hội hay đoàn-thể ấy, thụ-hưởng từ khi mới lớn lên bao nhiêu tín-điều chấp nhận như chân-lý vững chắc của muôn đời, đã từng biết đến những lễ-nghi với những hậu-quả rõ ràng, không hề nghi ngờ được. Bị đưa vào trong khung cảnh uy-nghiêm, khiếp-sợ

trước điều lạ lùng bao vây mình mà mình không biết nguyên-nhân và diễn biến, khiếp-sợ và kính-phục tài-năng phi-thường của thầy pháp, bệnh-nhân hay nạn-nhân không còn ý-thức được chân-hư, phân-biệt thực-tế với huyền-ảo tâm-thần đã trở nên nhược bại, giới-hạn cảm-xúc trở nên thấp-kém, sức kháng cự không còn, người đã bị «hợp hồn» như ta thường nói, hay ở trong tình-trạng thôi-mên, suy nghĩ và hành-động theo ý người hướng dẫn.

Có nhiều lý do khiến cho người ngoài cuộc, nghĩa là ngoài cộng đồng luật-lệ ma-thuật, nghi sự thành thật của thầy pháp hay thầy phù-thủy. Nhưng pháp-sư có thể là người lương-thiện khi thừa-kế kỹ-thuật ma-chước và dùng tiểu-xảo không xem là tiểu-xảo để phỉnh gạt, vì thâm-hoạch được kết-quả tốt, và hay hơn nữa, là có pháp-sư không nhận tiền của thân-chủ. Chắc hẳn có thứ pháp-sư không tin-tưởng gì mấy nơi ma-thuật, nhưng học được một số mảnh khoé để cầu lợi. Từ vậy, hạng này trước hay sau cũng vướng phải trò phỉnh gạt của mình, và trước kết quả màu-nhiệm mình thực-hiện được, lại tin một cách vững chắc nơi tài năng đặc biệt của mình. Điều này được một tài-liệu đáng tin cậy xác-nhận: một đoạn văn tự-sự của tên phù-thủy Quesalid, viết bằng tiếng Kwakiutl, tiếng của một bộ-lạc vùng Vancouver, Gia-nã-đại. Bản văn được Franz Doas, dịch nguyên-văn và đăng trọn trong một tạp-chí Hoa-kỳ (*The religion of the Kwakiutl, Columbia University Contributions to Anthropology, New-York, 1930*). Claude Lévi-Strauss đã lược dịch tài-liệu ấy trong *Anthropologie structurale*, Plon, Paris 1958, và phân-tích tâm-lý khá phức-tạp của thầy phù-thủy. Quesalid lúc đầu

là người không tin ma-thuật, muốn theo học để khám phá sự lừa bịp, nhưng rồi ngạc-nhiên về sự thành-công bịp bợm của mình, ngạc-nhiên về sự vinh-thắng của mình trong những cuộc thi-tài với các nhà pháp sư danh-tiếng, đóng luôn vai-tuồng phỉnh-gạt của mình và nhất-định không truyền bí-quyết cho ai. "Quesalid không trở nên một đại pháp-sư vì đã chữa lành bệnh. Ông ta chữa lành các bệnh-nhân vì ông là một đạipháp-sư ».

Hiệu-năng ma-thuật của ngôn-ngữ không chỉ có trong những xã-hội sơ-khai hay ở bước đầu của lịch-sử nhân loại. Hiệu-năng ma-thuật là một hiện-tượng dính liền với ngôn-ngữ, và đến nay, cũng được dùng đến dưới hình-thức khác, với tánh-cách đại-qui-mô hơn trước. Lối tự-kỷ ám-thị là một lối dùng ma-thuật của ngôn-ngữ đối với riêng mình. Emile Coué ở Pháp nổi tiếng vì đã truyền-bá phép tự-luyện để trở nên người có vóc cao, can-đảm, tự-chủ, hoạt-bát, thành-công, với những câu thần-chú lặp đi lặp lại hằng ngày : Tôi cao lớn. Tôi mạnh-dạn. Tôi muốn thành-công...

Lối khủng-bố tinh-thần cũng dùng tác-dụng ma-thuật của lời nói. Những người nham hiểm có thể hại người, với lời nói mà thôi. Cuộc âm-muru chỉ cần năm ba người không hề cho nạn-nhân biết có liên-hệ. Một người gặp nạn-nhân : "Chào anh Hai, lâu ngày không gặp, sao độ rày anh đau gì mà hư hao thế ? — Tôi mạnh khỏe lắm chứ, có đau gì đâu !" Tuy nói vậy, anh Hai đã vướng phải Einfühlung, nghi ngờ sức khỏe của mình, vội vã soi gương để nhận thấy một đôi dấu hiệu đáng ngại. Nếu vài hôm sau, một người

khác trong bọn âm muru lại gặp Hai : " - Anh đau mới dậy phải không ? Anh coi chừng, bây giờ có nhiều bệnh lạ lùng, đau sơ sơ tưởng không gì, mà vài bữa là chết, như ông gì trên kia, cũng tuổi như anh..." Nếu Hai được nghe vài ba người khác nhau nói một điều như thế, thì không mấy chốc phỏng-đoán của một vài đã trở nên điều "ai cũng nói", ý-nghĩ của một thiểu-số bịp bợm trở thành dư-luận đáng kể của thiên-hạ. Nếu Hai là người dễ cảm, anh sẽ đau, anh sẽ đi bác-sĩ, — và vì xưa nay, theo kinh-nghiệm, chúng ta chưa gặp một bác-sĩ đuổi bệnh-nhân về và cho là chẳng bệnh gì hết, hoặc chỉ mắc bệnh không tưởng, — anh Hai sẽ có bệnh. Đi từ thầy thuốc này qua thầy thuốc khác, và nếu bọn âm muru cứ tiếp tục phân công quấy phá, chỉ bằng lời nói, thì bệnh-tình anh ta có thể trở nên trầm trọng.

Tại-dụ trên như thế chuyện bông đùa. Nhưng đã có nhiều thí-dụ nghiêm chỉnh và bi-thảm hơn khi những báo chí, của một tổ-hợp, hay do một nhạc-trưởng điều khiển, hay chỉ vì lây-cảm, đồng tình triệt-hạ một người thù - nghịch (vì quyền-lợi kinh-tế hay chính-trị) bằng cách, trải qua những tháng ngày, liên-tục bêu xấu, khai thác mọi sơ-bở, chụp mũ, vu-cáo (Vu cáo đi, vu cáo đi, bao giờ cũng còn lại một chút gì. *Calomniez, calomniez, il en restera toujours quelque chose*), gây ra một dư-luận, dễ dàng biến thành sự thật không chối cãi được, khiến nạn nhân, trong sự nghi ngờ, trước sự khinh bỉ của người chung quanh, kể cả người thân-hích, chịu không nổi, phải quyên-sinh hay bỏ xứ mà đi, giúp cho thù-nghịch bằng chứng tội lỗi.

Cũng là vì lời nói, phụ thêm một biện-chứng điều-ngoại, nhà cách-mạng Nga Bakounin, trong thời-gian bị giam-cầm, đã trải qua con đường địa-ngục của tư-độc và rốt cục phải chấp nhận mình phản-đảng, phản-cách-mạng, phản-quốc-gia, không phải về những điều mình đã làm, nhưng về những tội-ác mà mình có thể, hay nhất định sẽ phạm trong tương-lai.

Những trường hợp trên, trong giới ma thuật, gọi là *thur*, gọi là *ém*, *yém*, *yèm*.. Cannon) trong *Woodoo Death, American Anthropologist, New York 1942*) có phân-tích diễn biến tâm-sinh-lý của người chết vì bị *thur*. Một người biết rằng mình đã bị *thur*, tin rằng mình sẽ chết, gia đình và thân-hữu đồng quan-điểm ấy. Cộng-đồng xa lánh, mọi người không những xem nạn-nhân như đã chết rồi, mà cho y là mối nguy-hại cho người chung quanh. Những lễ-nghi được tổ chức để tế sống, có nghĩa thúc dục nạn-nhân nên chết cho nhanh. Sức mạnh thể xác không còn giữ được nữa khi nhân-cách xã-hội đã tiêu tan. Năm 1956, một thổ-dân Úc, bị *thur* gần chết, được đem đến bệnh-viện Darwin cứu khỏi, tuyên-bố : «Chỉ vì phù-phép của pháp-sư da trắng mạnh hơn.»

Quyền-năng thần-nhiệm của chữ là nền-tảng thật-sự cho tin-tưởng của con người. Với sự trang-bị thể-lý của mình, người xây dựng văn-hóa mình (trong nghĩa rộng rãi ngày nay) nhờ sự hợp-tác của người đồng loại. Người chế-ngự được ngoại-cảnh vì có thể làm việc với người khác và nhờ người khác. Hiểu biết được những chữ đúng, những câu đúng, cho người quyền hành về hoạt-động của mình trong phạm-vi riêng. Nhưng quyền-năng của

chữ, lối xử-dụng chữ cũng phải dính liền với sự tin-tưởng rằng một lời thốt ra là lời linh thiêng. Chữ vừa có hiệu-năng tác-dụng vừa có ảnh-hưởng thần bí.

Nơi mỗi người vẫn có sự phát-triển lưỡng diện của ngôn-ngữ, có phần thiêng liêng, phần phạm-tục, phần thần-bí và phần duy-dụng. Khởi đầu dùng thứ tiếng vừa ma-thuật vừa thực-tiên, người trải qua những giai-đoạn mà hai thứ ngôn-ngữ lẫn lộn, cho đến khi văn-hóa của người lựa chọn một trong hai trọng-tâm để kết-tinh nơi những lời nói cổ-truyền của cộng đồng hay lời nói vì môi-trường sinh-sống và ảnh-hưởng của nhu-cầu phải điều-chỉnh, bổ-túc. Người sẽ không nhất quyết loại trừ một trong hai, nhưng sẽ tập-trung lời nói và hoạt động mình nơi cực quan-trọng hơn đối với riêng mình, người sẽ dùng ngôn-ngữ kỹ-thuật và khoa-học hay người thích dùng ngôn-ngữ của lễ-nghi, cầu nguyện, pháp-thuật, của quảng cáo, của tuyên-truyền chính-trị.

Trong xã-hội hiện-đại, trái với ý-nghĩ dựa trên sự phát-triển của kỹ-thuật và khoa-học cho rằng con người sẽ ham thích một ngôn-ngữ lương-thiện và chính-xác, một ngôn-ngữ hợp-lý và hợp-thời, người ta vẫn dùng quyền-năng ma-thuật của lời nói, và dùng mỗi ngày mỗi nhiều hơn bao giờ hết thứ xảo-ngôn, hư-ngôn, tương-đương với những chỉ-tệ lạm phát và không trừ-kim bảo đảm.

Quảng-cáo thương-mại là một phạm-vi quan-trọng của ngôn-ngữ ma-thuật. Khởi đầu với một lối truyền-tin, lối rao hàng cho nhiều người biết đến, một phương-tiện minh-bạch và hữu ích, quảng-cáo đã nhờ sự khôn-ngon xảo

quyết, vì sự cạnh-tranh cay nghiệt của xã-hội kỹ-nghệ, trở nên một khoa kỹ-thuật, một nghệ-thuật, một địa hạt hoạt-động với nhiều lợi-tức, biết dùng những sự phát-minh sau cùng của tâm-lý-học, xã-hội-học, mỹ-thuật. Không một xí-nghiệp nào ngày nay mà không có ngân-sách quảng-cáo. không một sản-phẩm nào mong có khách hàng mà không nhờ đến quảng-cáo. Giá-trị của món hàng thế nào, điều đó không quan-trọng. Kết quả dễ thấy là món hàng nào được quảng-cáo nhiều là thứ bán được. Phân-tích một vài quảng-cáo có thể thấy điều muốn chuyển cho khách-hàng không phải là giá trị, hay bằng chứng giá-trị, mà chỉ là một sự kêu gọi với những ảnh-tượng khác thuận lợi, là sự lập lại cho đến « nhập-tâm », để cho người phải mê-hoặc « Hút thuốc X... hay đừng hút thuốc ». « Những người lãnh-đạo đều mang đồng-hồ Y... » « Người ta chỉ sống một lần, hãy đi một chuyến trên tàu Z... » Hiệu-năng ma-thuật hiển-nhiên, vì những người có hoài nghi cho mấy, khi mua sắm hàng hóa vẫn không tránh được sự ám ảnh của quảng-cáo, của những danh-từ nhờ quảng-cáo mà nhớ đến ngay, dù có kinh-nghiệm về những món hàng thật sự tốt, thật sự tiện lợi hay không. Một bà bấy lâu quê mùa nhưng đã nhờ thời thế trở nên giàu và cũng như ai phải học làm sang. Căn sắm vài món đồ để bà con trong dịp Tết, bà vào một hiệu bán rượu ngoại-quốc. « Đây, có bán rượu *Mac-ten* không? — Dạ có chứ, đây có đủ các thứ rượu. — Mà thứ thiệt kia, tôi quen dùng thứ thiệt thôi — Dạ, đây chỉ có thứ thiệt. — Vâng, bán cho tôi một lít. » Chớ vội cười bà khách-hàng bấy lâu quen mua rượu đế. Bà đã say mê danh-từ, bà chỉ biết danh-từ, và không có khả-năng hay kinh-nghiệm để thử nghĩ có gì sau danh-từ ấy. Chính sự tôn-thờ

danh-từ đó mới làm giàu những người cho tiêu-thụ sản-phẩm mĩch nhờ quảng-cáo mà cũng làm giàu luôn những người chỉ có những đồ giả mà nhãn-hiệu đã được quảng-cáo rồi.

Chúng ta có thể say mê danh-từ nơi địa-hạt khác, địa-hạt dùng một thứ kỹ-thuật ma-chước của danh-từ. Từ khi một vài nhà lãnh-đạo làm ăn được với những lời nói hùng hồn và hồ đồ của mình, uy-quyền và tài-năng thường được làm với lời nói hung hăng bất chấp.

Từ khi nền dân-chủ xây-dựng với phát-biểu ý-kiến, hành-động cách-mạng hay tinh-thần ái-quốc được thay thế bằng lời nói. Với sự phát-minh kỹ-thuật phóng-đại âm-thanh, ghi truyền lời nói dưới mọi hình-thức, tuyên-truyền chính-trị trở thành thiết-yếu cho một chính-quyền — nhất là thứ chính-quyền mới mẻ hay đang còn bấp bênh không khác gì quảng-cáo cần thiết cho một xí-nghiệp. Sự lạm-phát ngôn-ngữ sự lạm-dụng danh-từ, cùng với sự man trá lộng trong việc xử-dụng phương-tiện chuyển-thông, đã làm cho phép ma-thuật hết hiệu-năng. Đem bánh vẽ thay thế cho dân-chủ và tự-do, chỉ phỉnh gạt đồng bào một vài lần là cùng. Gọi nước thù nghịch là *cop giấy* cũng chỉ hay những lần đầu, chỉ làm cho người trong nước mất tự-ty mặc-cảm khi quả thật mình đã đốt được thứ *cop* ấy. Bằng không, phải tìm những danh-từ khác, ma-thuật khác. Một trong những yếu-tố làm cho ma-thuật linh-nghiệm là sự đồng cảm của thành-phần trong cộng-đồng. Chế-độ cảnh-sát thường trợ-lực cho tuyên-truyền để tạo nên đồng-cảm đó. Nhưng xã-hội hiện-đại không có « vòng vôi » nào của mê-tin đóng kín hoàn-toàn được. Ma-thuật khác, mạnh hơn, hiệu năng hơn có thể đến từ không-trung.

CUNG-GIỮ-NGUYỄN

Nhận xét về một vài cuốn sách do người Tây - phương viết về Yoga

(Xem tiếp B. K. số 325)

Qua sự trình bày trên chúng ta thấy rằng 8 giai-đoạn của thuật Yoga kết-hợp chặt-chẽ với nhau bằng một liên-hệ cơ-thể, nghĩa là :

1/ Mỗi giai-đoạn, trong khi thực hiện mục-tiêu chủ-yếu của nó, một mặt ảnh-hưởng trở lại giai-đoạn trước, mặt khác chuẩn bị điều-kiện cho giai-đoạn sau.

Chẳng hạn : Pranayama (điều khí) trong khi tập-luyện hơi thở, nhằm điều-khiển, sử-dụng luồng Prana,

— Một mặt đưa luồng Prana trở lại kết-hợp với các asana, làm cơ-thể mau dẻo-dai và các asana mau tiến tới tình-trạng hoàn hảo.

— Mặt khác điều-khiển, vận-dụng luồng prana bắt buộc tập-trung tư-tưởng vào bên trong và như thế, chuẩn-bị điều-kiện để tiến sang giai-đoạn Pratyahara (xuất trần, ly thể).

2) Mỗi giai-đoạn chiếm một vị-trí theo một thứ-tự nhất-định, thứ-tự này không thể bị thay-đổi.

Chẳng hạn nếu đem Pranayama, giai-đoạn (4) xuống giai-đoạn (3) để đem Asana, giai-đoạn (3) lên giai-đoạn (4) thì tác-động của mỗi giai-đoạn sẽ bị xáo trộn, trái ngược với cái lý của Yoga.

Nếu tiến-hành luyện-tập đúng theo

quá-trình 8 giai-đoạn kể trên, tu-sĩ sẽ thấy mình tiến bộ đều đều và lần lượt vượt qua 8 giai-đoạn một cách vừa với sức mình.

Trái lại, nếu tách rời 8 giai-đoạn ra đem từng giai-đoạn tập riêng rẽ, tu-sĩ sẽ gặp những khó khăn vượt quá sức mình, dễ sinh chán nản.

Chẳng hạn, không đi suốt giai-đoạn Asana mà đột ngột tiến-hành tập riêng rẽ Pranayama, tu sĩ sẽ ngỡ ngác trước những lối thở kỳ lạ mà bộ máy hô hấp của mình chưa được chuẩn bị. Trái lại khi đi hết giai-đoạn Asana thì những lối thở đặc biệt của Pranayama, tự nó lần lượt xuất hiện.

Cũng như thế, không đi qua giai-đoạn Pranayama mà đột ngột tiến hành tập riêng rẽ Pratyahara, tu sĩ sẽ gặp những trở ngại vượt quá sức mình. Muốn thoát trần, ly thể mà chưa có chút khả-năng tập-trung tư-tưởng vào bên trong thì khi vừa nhắm mắt, tâm-thức đã tràn ngập bao nhiêu hình ảnh, bao nhiêu ý-nghĩ tạp-nhập xuất-phát từ cuộc đời bên ngoài, những hình-ảnh, những tư-tưởng tạp-nhập này hoàn-toàn vượt ra ngoài khả-năng chế-ngự, điều-khiển của mình.

Trái lại, nếu tiến sang Pratyahara

sau khi đã đi hết Pranayama, tu-si đã có một khả-năng tập-trung tư-tưởng vững chắc, dựa vào đó, lần lượt chế-ngự, trừ khử tác-động của cuộc đời bên ngoài.

Tóm lại, thuật Yoga với 8 giai-đoạn kết-hợp theo một thứ-tự nhất định, là một cái duy-nhất, đã được các vị Tồ sư Yoga xây-dựng, căn-cứ trên những nhận-thức chính-xác về quy-luật của sự giải-thoát và về cơ-cấu con người.

Tu-si Yoga, có tiến-hành luyện-tập đúng theo quá-trình này, mới thấy được những tác-động huyền diệu của thuật Yoga.

Dưới đây chúng ta sẽ xem thuật Yoga, với tính-chất duy-nhất của nó, đã hiện ra thế nào, dưới mắt của Philippe de Méric.

Trong Chương 1, trang 14 và 25, P. de Méric đã giải-thích 8 giai-đoạn của Yoga như sau :

1) *Yama* : những quy-ắc luân-lý không thay đổi, từ khi con người nhận thức vai trò chúa tể vạn vật của mình. (Préceptes moraux qui n'ont pas varié depuis que l'homme est conscient d'être le roi de la création)

2) *Niyama* : chỉ-hành những lễ-lễ đặc-biệt thuận-lợi cho việc thực-hành những qui-tắc luân-lý nơi trên. (Observances particulières favorisant l'application de ces préceptes).

3) *Asana* : Những tư-thế của cơ-thể giúp chúng ta giữ-gìn sức khỏe. (Attitudes corporelles pour nous entretenir physiquement).

4) — *Pranayama* : Bằng hô-hấp làm chủ hệ-thống thần-kinh. (Maîtrise du système nerveux par la respiration).

5) — *Pratyahara* : Làm cách nào khiến cho mỗi bắp thịt và khí-quan dẫn ra bằng cách làm tắt tâm-thức. (Comment détendre chaque muscle et organe par le retrait de la conscience).

6) — *Dharana* : Tập-trung tư-tưởng bằng cách đưa sự chú-ý đến những điểm khác nhau đặc-biệt, bên trong hay bên ngoài thân mình. (Fixation de la pensée par l'attention dirigée sur différents points particuliers, à l'intérieur ou à l'extérieur du corps).

7) *Dhyana* : Vận-dụng tư-tưởng sáng tạo tích-cực hay dẫn-dụ nhằm kiểm-soát các cảm-giác. (Utilisation de la pensée créatrice positive, ou suggestion, pour contrôler les sensations.)

8) *Samadhi* : Phát-triển trực-giác bằng một sự tập-trung tích-cực (développement de l'intuition par une intense concentration).

Chúng ta thấy rằng P. de Méric không là người nổi bật được cái liên-hệ cơ-thể kết-hợp 8 giai-đoạn của Yoga, cho nên ở Chương 14, trang 67, ông đã viết:

« ... Những giai-đoạn này không nhất định phải được tuần tự vượt qua... » (... ces étapes ne sont pas forcément à surmonter l'une après l'autre...).

Tuy-nhiên, khi đi sâu vào một vài giai-đoạn, cái liên-hệ cơ-thể ấy lại hiện lên trước mắt ông, cho nên ông lại viết, ở Chương 11, trang 121 :

« Asana (tư thế), bậc thứ 3 của Yoga, Pranayama (hô hấp), bậc thứ tư và Dharana (tập trung), bậc thứ sáu.. không thể tách rời nhau »

(Les asanas, (postures), 3^{me} degré du Yoga, le pranayama (respiration),

4^{me} degré et dharana (concentration), 6^{me} degré... sont indissociables).

Không thể tách rời nhau, tức là kết-hợp với nhau bằng một liên-hệ cơ-thể.

Nhưng người ta lại không khỏi ngạc-nhiên khi thấy P. de Méric nhận định rằng :

Pranayama, giai-đoạn thứ 4 và dharana, giai-đoạn thứ 6 không thể tách rời nhau (indissociable). Nếu giai-đoạn thứ 4 và giai-đoạn thứ 6 không thể tách rời nhau, vậy thì giai-đoạn thứ 5 Pratyahara nằm ở đâu, xen vô chỗ nào.

Nhận-định mâu-thuẫn và lúng túng ấy cho thấy tác-giả « Yoga cho mọi người » không nắm vững nội-dung tám giai-đoạn của Yoga.

Như đã trình-bày ở trên, chúng ta thấy đây là ảnh-hưởng của phương-pháp khoa-học, đem phân-tích tách rời ra từng mảnh, những cái đồng nhất.

Chúng ta cũng thấy rằng, khi phân-tích, cắt xén ra từng mảnh những cái đồng nhất, người ta bỏ mất, không nắm được, phần tinh-túy của sự-vật.

P. de Méric đã không nắm được phần tinh-túy của Yoga, khi ông nhận-định như sau về Samadhi, mục-đích tối hậu của Yoga :

« Samadhi là phát-triển trực giác bằng một sự tập-trung tích-cực (développement de l'intuition par une intense concentration). Samadhi thường được gọi là giai-đoạn phát tuệ. « Tuệ » là hình-thức cao nhất của trực-giác, cho nên bảo Samadhi là giai-đoạn phát-triển trực-giác là đúng. Nhưng bảo « phát-triển trực-giác bằng một sự tập-trung tích-cực » là phạm một sai lầm quan-trọng.

Cách đây khoảng 40 năm, nhà triết-học Pháp, Ô. Henri Bergson đã đưa ra một nhận-định chính-xác về trực-giác. H. Bergson phân-biệt hai lối nhận-thức :

1— Nhận-thức bằng suy-luận (pensée discursive). Lý-trí con người tuần-tự đi từ cái đã biết, tiến tới tìm hiểu cái chưa biết. Đây là lối nhận-thức chậm chạp, tuần-tự tiến-hành trong thời-gian và thường được vận-dụng trong các công việc nghiên cứu.

2.— Nhận-thức bằng trực-giác (intuition), được thực-hiện tức khắc bằng một thứ thông-cảm (une sorte de sympathie) giữa những cái đồng nhất. Đây là lối nhận-thức phổ-biến của giới triết-gia và văn-nghệ-sĩ.

Trực-giác có nhiều hình-thức, hình-thức thấp biểu-hiện trong lối nhận-thức của giác-quan, hình-thức tối cao là « Tuệ ».

Hai lối nhận-thức : suy-luận và trực-giác, đòi hỏi hai trạng-thái tâm-tư khác hẳn nhau.

Trong khi suy-luận, lý-trí con người tích-cực tập-trung ; bên ngoài trông thấy người đang suy-luận nhưu máy, bóp trán v.v.. Trái lại trực-giác nảy ra trong lúc tâm-tư con người dần ra nhẹ-nàng thoải-mái v.v...

Khi tiến vào Samadhi, tâm-thức tu-sĩ thanh-tĩnh tuyệt-đối và chính trong trạng-thái thanh-tĩnh tuyệt-đối ấy mới hòa-hợp với Bản-thể Chân như và từ đó phát « Tuệ ».

Bản-thể Chân-như là Chân Vô; nơi tu-sĩ, tâm-thức, sau bao nhiêu công phu luyện-tập, đạt đến trạng-thái Chân Vô. Cặp mắt của học-giả Tây-phương, với quan-điểm của khoa-học, quen thấy cái Hữu, không thấy được cái Vô, cho nên

chúng ta không lấy làm lạ khi P. de Méric nghiên-cứu Samadhi, đã thấy ở đó một sự tập-trung tích-cực thay vì một sự dẫn nở tụyệ-đổi.

Cái nhận-thức có tính - chất rời-rạc của P. de Méric về Yoga đã phản-ảnh trong cách ông ta bố-trí các chương mục của cuốn "Yoga cho mọi người".

1) Chia các asana thành từng loạt (série) : loạt thứ nhất, loạt thứ nhì, thứ ba, thứ tư ;

2) Giữa các loạt asana, ông xen vào những chương về luyện-tập tinh-thần như :

— Giữa loạt 1 và loạt 2 xen vào chương nhan-đề : "Tập luyện sự tập trung tư-tưởng có ý-thức" (Pratique de l'attention consciente), tức là giai-đoạn 5 : Pratyahara ;

— Giữa loạt 2 và loạt 3, xen vào chương nhan-đề : "Làm chủ tư-tưởng" (Maitrise de la pensée), tức là giai-đoạn 6 : Dharana ;

— Giữa loạt 3 và loạt 4, xen vào chương nhan-đề : "Khả-năng vô-tận của tư-tưởng chúng-ta" (Notre pensée peut tout), tức là giai-đoạn 7 : Dhyana ;

— Sau loạt asana thứ 4, ông trình-bày chương : "Lời khuyên đề đạt đến làm chủ sự hô-hấp", Pra ayama, tức là giai-đoạn 4.

Như đã trình-bày ở phần đầu, qua cặp mắt của một học-giả Tây-phương thuật Yoga đã bị méo mó như vậy, đó là một sự tấ-yếu vì 2 lý-do :

1-) Nhà học-giả Tây-phương bị ảnh-hưởng của quan-điểm và phương-pháp khoa-học :

— Về quan-điểm, nhiều sự vật thấy cái Hữu không thấy cái Vô.

— Về phương-pháp, phân-tích, cắt xén sự-vật, những cái đồng nhất thành manh mún.

2) Chủ - trương Tây-phương-hóa : gạt bỏ những cái gì không phù-t hợp với nhận-quan và nếp sống của người Tây-phương.

Chúng ta thấy chủ trương này thật rõ ràng trong cách trình-bày và bố-trí các chương-mục của cuốn "Yoga cho mọi người" và chính vì đây nguyên chủ-trương này mà tác-giả đã bỏ mất cái tinh-t túy của Yoga.

Philippe de Méric, như được giới-thiệu, đã nghiên-cứu và truyền-bá Yoga trên mười năm và cuốn "Yoga cho mọi người" đã được viết đăng-hoàng, kỹ-lưỡng, mà còn vấp phải những khuyết điểm như đã nêu ở trên. Nói gì đến những sách về Yoga do người Tây-phương viết có tính-ách chiêu hàng gọi khách.

Chẳng hạn cuốn "Yoga, một trường cân bằng và hạnh-phúc" (Le Yoga, une école d'équilibre et de bonheur), của Nhà xuất-bản "Marabout-Flash", cũng được bày bán tại các hàng sách ở Saigon

Đề lời cuốn sách hàng, tác-giả sách này đã không ngại bộp méo một cái tỉ-h-úy khác của Yoga như sau :

Về tư-thế ngồi kiết-già (Padmasana) tác-giả đã viết :

"Người Đông-phương thực-biện tư-thế này dễ dàng... vì họ đã quen ngồi như vậy từ ấu thơ. Nhưng các hạng người Tây-phương phải mất ít nhất một năm mới ngồi được. Vấn-đề đặt ra là thử hỏi tư-thế này, mặc dù có tính-chất hấp-dẫn và xinh đẹp, có thật

sự hữu-ích không? Chúng tôi xin đáp rằng **HOÀN TOÀN KHÔNG**.

Tư-thế «Ngồi tòa sen» không đem lại gì đặc-biệt, ngoại-trừ tập kiên-nhẫn. Tư-thế «Ngồi tòa sen» có thể là một tư-thế để trầm-tư, nhưng trầm-tư cũng có thể thực-hiện được với một tư-thế đơn giản « Ngồi kiêu Thọ may » v.v...

Nhận-định như trên về tư-thế «Ngồi kiết-già» thật là bóp méo sự thật quá nhiều.

Thực-tế, tư-thế «Ngồi kiết-già» có 3 đặc-điểm chủ-yếu mà không tư-thế nào khác có được :

- 1) Hai chân tréo nhau, hai bàn chân lật ngửa lên trên, hai đầu gối nằm sát dưới chiếu, tạo cho người tập một bàn tọa lớn, rộng hơn bất cứ cách ngồi nào khác. Bàn tọa càng rộng, thân-thể càng được yên tĩnh, thỏa-nái ;

- 2) Hai đầu gối nằm sát dưới chiếu, khiến cho hai đầu kia của xương bấp vể, nằm sâu trong hông, kênh lên, động đến những chakra (nơi tích-trữ prana) nằm ở vùng này, khiến cho prana phát ra thật nhiều ;

- 3) Trên một cái bàn tọa rộng lớn, xương sống trụ-đứng thẳng tắp từ dưới lên trên, mở rộng các huyết đạo chủ-yếu nằm dọc theo xương sống, khiến cho prana lưu-thông dễ-dàng.

Ba đặc-điểm này làm cho tư-thế «Ngồi kiết-già» là một tư-thế lý-tưởng, không tư-thế nào khác thay thế được.

Chỉ có thể, khi chưa ngồi kiết-già được, tạm ngồi bán già, để dần dần tiến lên ngồi kiết-già trọn vẹn.

Người Tây-phương, muốn phổ-biến Yoga trong đồng bào họ, bắt-buộc phải

tây-phương-hóa nó, đó là một điều tất-yếu. Nhưng, người Đông-phương khi nghiên-cứu Yoga qua các sách Tây-phương tưởng nên cảnh-giác cái bệnh Tây-phương-hóa này để cố-gắng lĩnh-hội cho được cái tinh-t túy của Yoga, mà với quan-điểm Đông-phương, chúng ta có khả-năng thực-hiện được.

Nền văn-hóa Tây-phương được xây-dựng trên khoa-học, chuyên nghiên-cứu cái Hữu-hình. Trái lại, nền văn-hóa Đông-phương, từ ngàn xưa, được xây-dựng trên cái Vô.

Các nền triết-học căn-bản của Đông-phương xem Chân Vô là bản-thể của vũ-trụ :

Trong Kinh Dịch của Nho-giáo, nguyên-thủy của vũ-trụ là Thái-cực, Thái cực là Thái-hư là Chân Vô.

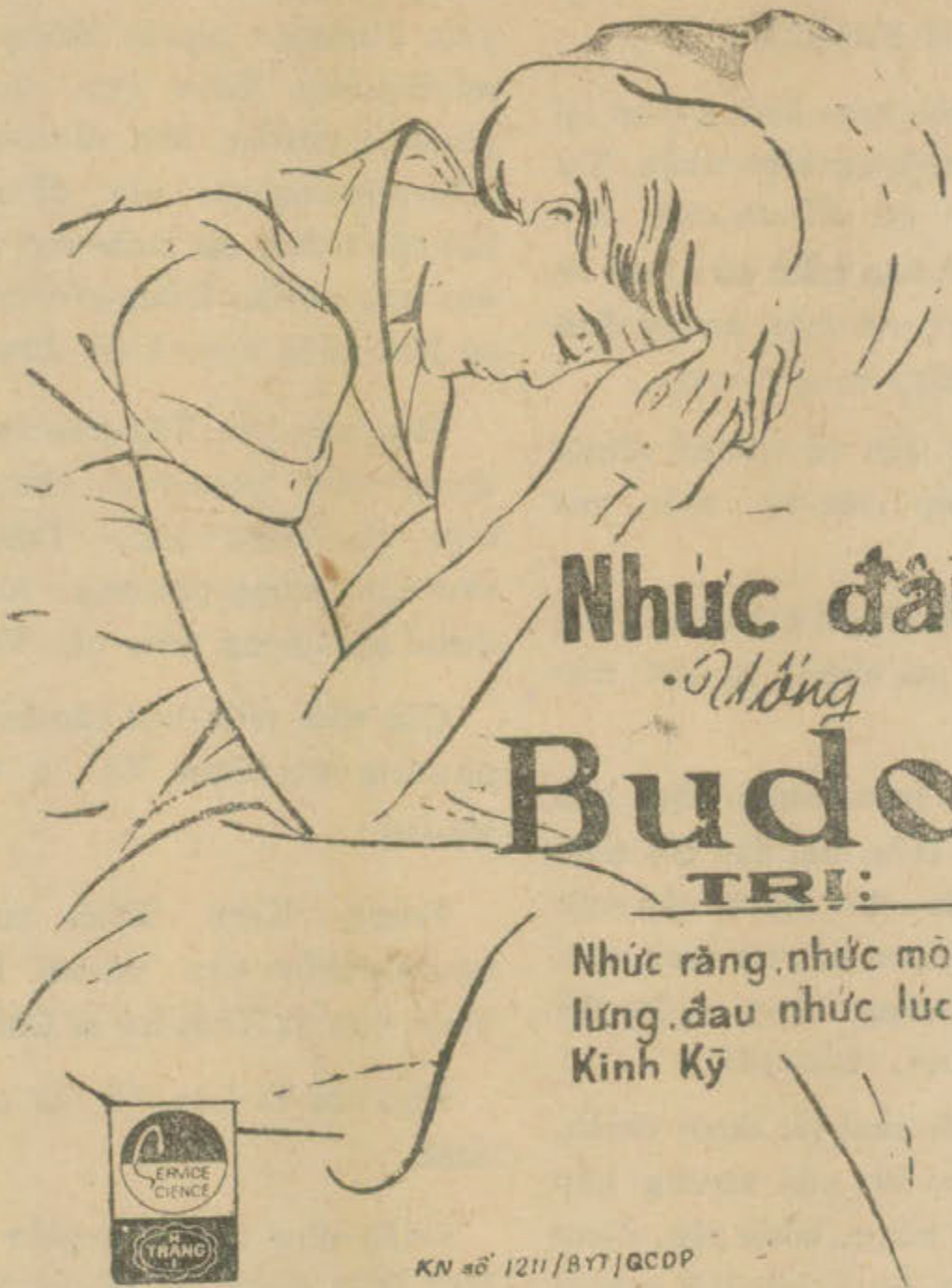
Đạo của Ô. Lão-Tử là một cái Vô danh.

Chân-như của Phật-giáo là Chân Vô. Đạo Phật được gọi là cửa Không. Thiên kinh vạn điển không diễn-đạt hết nội-dung cái KHÔNG của Nhà Phật.

Hiện nay, cái «Hữu» đã phát-triển đến mức tối cao của nó. Nhân-loại đang sống trong sự tranh-đua, ganh-tị, vận-dụng trí-thuật đến mức tối đa để tranh thắng với nhau.

Cái mà nhân-loại đang khát-khao, mong-mỏi là sự hòa-hợp, thông cảm, đoàn kết, tương thân...

Hòa-hợp, thông-cảm là bản-chất của cái Vô và cặp mắt của người Đông-phương được xây-dựng để thấy cái «Vô».



Nhức đầu

• Nhóng

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN số 1211/BYT/QCĐP

GÍA BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt-san **BÁCH-KHOA**

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	3800 đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	2000 đ
		o o o		
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2800 đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1400 đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	700 đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên, có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty quản-lý tạp-chí Bách - Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ. T. 25.539

Chiến cuộc Trung-Đông và tương lai của Do - thái

● VIỆT-PHƯƠNG

Cùng với cuộc chiến tranh Đông-Dương (ta phải gọi bằng danh-từ này từ khi quân đội Đồng-minh mở rộng chiến tranh sang Kampuchia), cuộc chiến tranh Trung-Đông là hai khu vực nóng bỏng của thế-giới ngay nay.

Chưa ai tìm được một giải-pháp nào cho cả hai cuộc chiến đó và cũng chưa ai có thể tiên đoán ngày nào Hòa-bình sẽ trở lại. Tại cả hai cuộc chiến, người ta đều nhìn thấy đủ mặt các đại-cường, nhưng chưa đại-cường nào tìm được ra một biện-pháp để cho tiếng súng ngưng nổ mà quyền lợi của họ không bị hy-sinh.

Nhìn vào cuộc chiến Trung-Đông, ta thấy Do-thái vẫn chủ động tấn công, hàng ngày mở những cuộc không tập và đột kích vào nhiều cơ-cấu phòng thủ then chốt của các nước trong phe Ả-rập nhất là Ai-cập. Phe Ả-rập, mặc dầu người nhiều, đất rộng, đã không trả đũa lại được bằng những đòn đích đáng. Trước sự đe dọa của Do-thái có một lực lượng quân-sự mạnh hơn, các nước Ả-rập đoàn-kết chặt chẽ quanh Tổng thống Nasser của Ai-cập, đã có phản ứng quyết liệt, nhất định không chịu nhượng bộ. Những

phần-tử quá khích như những lãnh-tụ thuộc phong trào giải-phóng Palestine, đứng đầu là ông Arafat, nhất định tử chiến với Do-thái và đòi xóa hẳn nước này trên bản đồ thế-giới. Trong cuộc chiến đấu chung, họ muốn gạt bỏ tất cả những phần-tử lưng chừng muốn thỏa-hiệp với kẻ thù. Gần đây, du-kích quân Palestine đã tìm cách hạ bệ vua Hussein xứ Jordanie vì ông vua này có vẻ khiếp sợ Do-thái và muốn nhượng bộ. Đặc biệt thái-độ cứng rắn của kháng-chiến quân Palestine được Bắc-kinh nhiệt liệt ủng-hộ, nhưng lại bị Mac-turkhoa và cả Tổng-thống Nasser chỉ trích cho là mắc mưu của C.I.A Mỹ, gây chia rẽ nội-bộ Ả-rập để tạo điều-kiện can thiệp có lợi cho Do-thái. Lập-trường hiện nay của phe Ả-rập được thể-hiện trong thái-độ của Le Caire. Ngày 17-6, Cộng-hòa Ả-rập Thống-nhất vừa công bố sẵn sàng ngưng bắn với các điều-kiện sau đây.

— Do-thái phải thi hành quyết-nghị của Hội-đồng Bảo-an Liên-hiệp-quốc trong đó có việc triệt thoái hoàn toàn khỏi các lãnh-thổ chiếm đóng.

— Phục-hồi các quyền chính đáng của nhân-dân Palestine,

— Hội-đồng Bảo-an L.H.Q phải đứng ra bảo đảm những cam kết trên của Do-thái.

Lập trường đó cũng còn cách xa lập-trường của Do-thái, nhất định không chia rời bỏ những đất họ mới chiếm được từ năm 1967. Họ hoàn toàn tin tưởng vào ưu-thế quân-sự của mình, cho rằng cứ phát-huy tốt độ ưu-thế đó là phe Ả-rập tất phải e ngại không dám động đến họ nữa. Vì thế cho nên mỗi khi phe Ả-rập tấn công, họ trả đũa lại, mạnh hơn gấp bội, gây cho những nước Ả-rập láng-gềng thiệt hại tối đa. Phe Ả-rập càng say đòn lại càng quyết liệt.

Thái-độ của cả hai phe đã làm cho cuộc chiến Trung-Đông mỗi ngày một thêm nóng bỏng. sự can thiệp của các đại-cường về phía bên này hay phía bên kia chỉ chế dầu thêm vào lửa mà không dập tắt được ngọn lửa đó đi.

Trước tình trạng đó, vấn-đề Trung-Đông sẽ được giải-quyết ra sao? Dưới đây là ý-kiến của ông Nahum Goldman viết trong tạp-chí Foreign Affairs. Ông Goldman là một người Mỹ gốc Do-thái, có địa-vị và danh vọng trong xã-hội Hoa-kỳ Ông đã từng quan tâm đến việc giải quyết vấn-đề Do-thái, tiếp xúc với nhiều nhân vật quốc-tế như cố Tổng-Thư-ký Liên-hiệp-quốc Dag Hammarskjold, cố lãnh-tụ Do-thái Ben Gourion, cựu Ngoại-trưởng Hoa-kỳ Dean Acheson và đã từng đưa ra nhiều giải-pháp về vấn-đề này.

Ông Goldman đã quan-niệm giải-quyết vấn-đề Do-thái như thế nào đề ra khỏi bế tắc ngày nay?

Do-thái là một dân-tộc có một tôn-giáo đặc biệt, có một lịch-sử lâu đời. Nhưng cũng không có một dân-tộc nào trên thế-giới lại có một số phận bi đát

và một sức sống mãnh liệt như dân-tộc Do-thái. Từ đầu kỷ-nguyên Thiên-Chúa họ đã bị đánh đuổi ra khỏi đất nước ở vùng Jérusalem và sống tha phương cầu thực khắp nơi trên thế-giới. Nhưng vì cầu cù, thông minh và nhẫn nại, họ đã gây dựng được nên sự-nghiệp ở bất cứ nơi nào họ di-cư tới. Dân chúng địa-phương phần nhiều không ưa thích họ, thái-độ đi từ khinh ghét đến bài xích. Cực điểm là cuộc tàn sát 6 triệu người Do-thái do Đức Quốc-xã gây nên trong cuộc Thế-chiến II. Tuy bị ngược đãi mà người Do-thái không bị tiêu diệt, trái lại, họ còn giữ được bản-sắc và thành công ở khắp nơi và trên mọi lãnh vực kinh-tế, chính-trị, văn-hóa, khoa-học...

Những bậc thiên-hạ kỳ-tài đã làm đảo lộn thế-kỷ thứ 20 như Freud, Karl Marx, Einstein cũng là những người Do-thái.

Một dân-tộc có một lịch-sử như vậy, có một sức sống như vậy, đã phải trải qua bao đau thương gian khổ và cũng đã đóng góp rất nhiều cho văn-minh nhân-oại, phải có một tổ quốc, dù là bé nhỏ đến đâu, để sống còn và phát triển. Tổ quốc mà họ hằng mong mỏi trở lại từ bao thế-kỷ nay là xứ Palestine. Nhưng xứ này từ bao thế-kỷ nay người Ả-rập vẫn sinh sống, không thể vô cớ trục xuất họ đi được. Nhiều học-giả như Chaim Weizmann cho rằng trong cuộc tranh chấp Ả-rập - Do-thái, cả hai bên cùng có lý. Nhưng xét cho cùng, người Ả-rập sống trên một khoảng đất rộng mênh mông, có cho người Do-thái một mảnh đất nhỏ, cuộc sống của họ cũng không bị đảo lộn. Trái lại, được trở về Palestine, người Do-thái có cảm giác như được hồi-sinh. Họ đã tìm thấy

được mảnh đất mẹ của họ. Vì thế mà LHQ đã quyết định bằng một đa số hơn 2/3, cho người Do-thái được lập quốc ở một phần xứ Palestine. Do đó mà một quốc-gia Israël đã ra đời với 65.000 người Do-thái từ khắp nơi trên thế-giới quy tụ lại.

Từ khi thành lập quốc-gia Israël đến nay đã hơn 20 năm, dân số đã vọt từ 65.000 lên đến 2 triệu rưỡi, sức sống của dân Do-thái đã được chứng tỏ một cách hùng hồn bằng cách biến cải một vùng sa mạc thành ruộng lúa, vườn rau, và xưởng máy, sự thịnh-vượng vượt hẳn những quốc gia Ả-rập xung quanh. Israël cũng có một đạo quân hùng hậu, tinh nhuệ, xuất phát từ nhân dân, không những bảo vệ được đất đai mà còn chiến thắng được những đạo quân Ả-rập đông hơn gấp nhiều lần và mở rộng bờ cõi được đến ven bờ kinh Suez và chiếm trọn cả xứ Palestine của người Ả-rập.

Trước tình-trạng đó, ông Goldmann không những không hài lòng mà còn tỏ vẻ lo lắng cho tương-lai của Do-thái.

Đề suy-luận ông đã căn cứ trên hai điều-kiện quyết-định sau đây.

— Điều-kiện thứ nhất là vấn-đề giao-dịch giữa Israël và thế-giới Ả-rập

— Điều kiện thứ hai là vấn đề giao-dịch giữa Israël và người Do-thái ở rải rác khắp nơi trên thế-giới.

Hai vấn-đề này có được giải quyết thuận lợi, thì tương-lai của Israël mới được đảm bảo.

oOo

Về vấn đề thứ nhất, lúc đầu người ta tưởng một cách giản đơn là cuộc tranh-chấp Ả-rập — Do-thái có thể chấm dứt

được bằng một cuộc thỏa thuận giữa hai siêu cường Nga Mỹ. Nhưng lâu dần người ta mới thấy rằng cuộc tranh chấp đó chỉ có hy vọng chấm dứt được bằng một sự thỏa thuận giữa 2 phe lâm chiến.

Théodor Herzl, người sáng lập ra quốc gia Do-thái và phong trào Do-thái đã quan-niệm một cách giản đơn là « đem một dân không có đất đến một đất không có dân ». Và ông đã thực hiện điều đó với dân Do-thái ở đất Palestine.

Quan-niệm đó sai ngay từ đầu vì đa số dân Do-thái ở đâu đã nhập-tịch đó và đất Palestine do người Ả-rập định-cur từ bao thế-kỷ nay không phải là một đất trống.

Lập một nước Do-thái trên đất của người Ả-rập không có sự thỏa-thuận của họ là một thất sách, mặc dù có sự thỏa thuận của L.H.Q. Và ngay từ lúc thành lập, người ta đã phải chứng chọ với sự kháng cự vô trang của người Ả-rập và ngay từ đầu, Israël đã phải dùng tới chiến tranh để bảo vệ quyền sống của mình. Từ ngày lập quốc đến nay, trong vòng 20 năm, đã có 5 trận đại-chiến với thế-giới Ả-rập, Trong 3 trận đó, Do-thái đều thắng lợi, nhất là cuộc chiến 6 ngày năm 1967. Nhưng cả 3 trận đó, rõ ràng đều chưa đưa đến một giải-pháp nào cho cuộc tranh chấp Do-thái Ả-rập và chưa thể coi được là chiến-thắng. Chứng cứ là 3 năm sau cuộc chiến 6 ngày, không một quốc-gia Ả-rập nào sẵn sàng điều đình với Do-thái. Người Ả-rập nói chung vẫn không chấp nhận quốc-gia Do-thái và vẫn hận thù người Do-thái tới cao độ.

Bên cạnh thái độ thù địch mỗi ngày một tăng gia của dân Ả-rập, vị trí của Do-thái trên trường quốc-tế mỗi ngày

một thêm khó khăn, mỗi ngày một cô lập. Những cảm tình ban đầu của phần lớn các nước trên thế-giới đối với sự kháng cự anh dũng và chiến công hiển hách của Do-thái nay đã dần dần mất hết. Ngày nay, phần lớn thế-giới Cộng-sản đều chống Israel. Nước Pháp cũng đã thay đổi thái-độ từ thân-hữu sang không thân-hữu. Thái độ của Anh quốc cũng mập mờ. Hơn 20 nước Á-rập và Hồi-giáo chống Israel, nhiều nước có thiểu số dân theo đạo Hồi (như Ấn-độ) cũng không ưa Israel. Chỉ có một nước là còn thực sự ủng hộ Israel : Hoa-kỳ, kèm theo một số nước Tây-phương khác. Nhưng kinh-nghiệm vừa qua cho biết chưa chắc sự ủng hộ của Mỹ đã là một sự ủng hộ vô điều-kiện

oOo

Về vấn-đề thứ hai là sự liên-hệ giữa Israel và người Do-thái sống rải rác khắp nơi trên thế-giới

Trước hết ta nên biết là hơn 2 triệu người lập thành quốc-gia Israel ngày nay phần lớn là những người được cứu thoát khỏi những trại tập-trung của Đức Quốc-xã, những người ở rải rác các nước Đông-Âu và những người ở các nước Hồi-giáo. Họ thấy không thể làm ăn sinh sống ở các nơi này được nữa và đều hướng về một mảnh đất Do-thái của họ, mà quyền sống được bảo vệ hơn.

Ngày nay trên thế giới, trừ trường hợp Đức Quốc-xã ra, nói chung không một nước nào theo đuổi chính-sách bài Do-thái. Dân Do-thái ở đâu cũng được nhập tịch dân nước đó và được đối xử ngang hàng như bất cứ công dân nào khác. Ở Hoa-kỳ, nhiều người Do-thái đã trở nên những nhà đại tư-bản,

những giáo-sư lỗi lạc, những chính khách đại tài, ảnh-hưởng đến tương-lai của nước này. Vì thế cho nên ít ai nghĩ đến việc trở về đất tổ, nhưng nếu tất cả những người Do-thái sống ở hải-ngoại đều đứng đưng với số phận của Israel, thì quốc-gia nhỏ bé này khó lòng mà tồn tại được. Ta hãy thử xem, khi lập quốc, nếu Israel không được sự ủng-hộ về tinh thần của dân Do-thái hải ngoại, nếu không có tiền bạc và nhân vật lực của họ đổ vào đó để xây dựng, thì làm sao Israel đứng vững một cách oai hùng cho đến ngày nay, giữa những kẻ thù chỉ chực ăn tươi nuốt sống mình.

Do đó Israel cần trở thành một trung tâm thu hút người Do-thái ở rải rác khắp nơi trên thế-giới và muốn vậy Israel không có cách gì khác hơn là phải thoát ra khỏi cuộc chiến hiện tại. Vì chỉ trong hòa bình, với khả năng và phương tiện sẵn có, Israel mới có thể phát triển kinh tế, văn-hóa khoa-học và trở nên một trung tâm thu hút như họ muốn, những thế-hệ trẻ Do-thái ở hải ngoại mới thấy việc trở về xây dựng một nước Do-thái phần vinh là hấp dẫn. Lúc đó hàng tỉ đô-la sẽ được đổ vào, hàng vạn khối óc, hàng triệu cánh tay sẽ củng-cố vị-trí của nước này trên thế-giới. Một nhà tiên-tri đã từng đoán : thế-kỷ thứ 21 sẽ là thế-kỷ của người Do-thái là vì họ nghĩ tới khả năng của người Do-thái sống ở khắp nơi hướng về đất mẹ.

Nhưng điều khó khăn là làm sao thực hiện được hòa-bình, chấm dứt được chiến-tranh trong tình-trạng hiện tại ?

oOo

Muốn có hòa-bình phải làm sao cho người Do-thái khỏi lo sợ cái khối đa

số người Ả-rập ở xung quanh muốn tiêu diệt họ và người Ả-rập cũng không lo sợ người Do-thái tấn công cướp thêm đất của mình và phá tan sự đoàn-kết của phong trào Ả-rập.

Lúc đầu ông Goldman có đưa ra ý-kiến thành-lập một liên-hiệp Trung-Đông (Confédération du Moyen-Orient) trong đó có quốc-gia Do-thái và các quốc-gia Ả-rập. Ý-kiến này cũng đã được cựu Tổng-thống Mỹ Harry S. Truman và cựu Ngoại-trưởng Dean Acheson tán thành nhưng không thực hiện được.

Trước hết là vì phong-trào Ả-rập không phải là một phong-trào thuần nhất. Có những quốc gia khuynh tả như Algérie, nhưng cũng có những quốc-gia cực hữu như Arabie Séoudite. Họ chỉ đoàn kết để chống kẻ thù chung. Nhưng khi cần liên-hiệp trong hòa-bình thì họ lại chia rẽ. Cho dù liên-hiệp có thành hình, Do-thái sẽ ở trong vị-trí tối thiểu-số phải chấp hành đường lối của Ả-rập. Như vậy làm sao Israël có thể chấp nhận được.

Ông Goldman lại nêu một giải-pháp thứ hai là để cho người Ả-rập Palestine thành lập một quốc-gia độc-lập ở vùng Cis và Transjordanie, hợp cùng với quốc-gia Do-thái thành một Liên-bang Palestine-Ả-rập-Do-thái. Biện-pháp này cũng không thực tế.

Về phía Do-thái, Liên-bang đó không đáp ứng được nguyện vọng của người Do-thái là muốn có một tổ-quốc riêng biệt của họ.— Trong Liên-bang đó, người Ả-rập sinh đẻ mau hơn, chẳng bao lâu sẽ lấn át người Do-thái. Và lại người Ả-rập ở trong Liên-bang sẽ dễ dàng, có nhiều

liên lạc với người Ả-rập ở bên ngoài và sẽ là một mối lo thường xuyên cho người Do-thái.

Về phía người Ả-rập thì chắc chắn họ cũng sẽ không chịu như vậy vì trong Liên-bang đó kẻ mạnh sẽ là Do-thái. Hơn hẳn về mọi mặt : khoa-học, kinh-tế kỹ-thuật, tổ-chức, người Do-thái sẽ lấn át họ, biến họ thành một loại công dân hạng nhì trên thực tế, và làm cho họ có cảm giác là bị đè nén chứ không phải là được giải phóng. Các nước Ả-rập sẽ không bao giờ chấp nhận tình trạng đó.

Vậy chỉ còn một giải-pháp thứ ba mà ông bình vực một cách triệt để. Đó là giải pháp trung-lập-hóa Israël.

Ông cho rằng tình trạng Israël không giống như tình trạng của các quốc-gia có chủ quyền khác. Nền độc-lập của các quốc-gia khác ít khi bị ai đụng chạm tới. Còn Israël thì phải luôn luôn dùng tới sức mạnh để bảo vệ nền độc-lập của mình. Nếu muốn cho nền độc-lập đó được vững bền mà khỏi phải dùng đến sức mạnh thì chỉ có một cách là toàn thế-giới, kể cả thế-giới Ả-rập, đều đứng lên bảo-đảm cho nó. Ông cho rằng quốc-gia Do-thái xứng đáng được hưởng sự bảo đảm đó bởi vì dân-tộc Do-thái đã đau khổ quá nhiều trong lịch-sử và cũng đã đóng góp khá nhiều cho nhân-loại.

Đây không phải là một điều không thể thực hiện được vì đã có một tiền-lệ là Thụy-sĩ. Thụy sĩ đã được trung-lập-hóa từ ngót 200 năm nay và đã thực sự đứng ra ngoài mọi cuộc tranh chấp. Để bảo-vệ vị-trí trung-lập của mình, Thụy-sĩ không những không tham gia một Liên-minh nào mà cũng không tham-gia vào tổ-chức Liên-hiệp-Quốc mặc dầu đã cho rất nhiều cơ-quan của tổ-chức này

mượn đất để đặt trụ-sở và mở hội-nghị. Vì Thụy-sĩ cho rằng nếu mina gia nhập LHQ sẽ bắt buộc phải đình đấp với tòn chơi các khối, những quyết nghị của LHQ bắt buộc phải có lợi cho nước này hay nước khác, khối này hay khối khác.

Nền trung-lập của Israël cũng sẽ như vậy. Israël trung-lập không tấn công ai, không đứng về phe ai để chống ai, không cho ai lợi dụng đất của mình để tấn công kẻ khác, không liên kết với bất cứ một phe nào vì phương-diện chính-trị, quân-sự, kinh-tế để đe dọa phe khác.

Nếu cần Do-thái sẽ chấp nhận một đạo quân quốc-tế trên lãnh-thổ của mình để bảo đảm sự trung-lập đó. Làm như vậy không phải cho rằng quân đội Do-thái không đủ sức bảo vệ nước mình, dĩ-vãng đã thừa chứng tỏ điều đó. Việc chấp nhận một đạo quân quốc-tế trên lãnh thổ mình chỉ chứng tỏ thiện-chí hòa-bình của Do-thái và khiến cho đối phương hết nghi ngờ.

Đứng trong tình-trạng trung-lập đó, Do-thái sẽ trút bớt được gánh nặng quốc-phòng và có thể hướng hoàn toàn về phát triển kinh-tế, văn-hóa. Với những tài-năng sẵn có của mình, chắc hẳn Do-thái sẽ thực hiện được nhiều kỳ lạ.

Về phía Ả-rập, nếu họ nhận thấy rõ thiện-chí của Do-thái thì việc trung-lập-hóa này sẽ là một cái lợi cho họ: họ khỏi lo vấn-đề Do-thái xâm lăng, họ cũng khỏi lo Do thái phá vỡ sự đoàn kết của khối họ. Sự trung-lập của Do-thái, nếu được quan-niệm và thực hiện một cách đúng đắn, chỉ có thể có lợi cho phe Ả-rập.

Nếu cả hai bên đều thỏa-thuận về

điều đó thì những điều khác sẽ được giải quyết một cách không khó khăn gì, tỉ-dụ như vấn-đề biên-giới giữa hai bên, vấn-đề dân tị nạn Palestine ... Do đó hai bên mới có thể đi đến thỏa-hiệp và cuộc chiến tranh dằng dai này mới có cơ chấm dứt.

Nhưng vấn-đề chính là trên thực tế, giải-pháp này có thể thực hiện được không? Trong tình-trạng hiện-tại, hai bên còn căm hờn nhau, nghi ngờ nhau thì giải-pháp này xem ra có vẻ không thực-tế.

Mặt khác chính các đại-cường ngày nay cũng đang ở cái thế tranh chấp, quyền lợi chống đối nhau thì làm sao đi đến được một thỏa thuận có lợi cả cho 2 bên.

Hiện nay Liên-xô đang tích cực võ trang cho Ả-rập cũng như Hoa-kỳ võ trang cho Do-thái. Một người Do-thái nói cứ mỗi lần họ phá hủy được một số vũ khí của Ả-rập, lập tức 2 ngày sau, số vũ khí mất đó lại được Nga thay thế ngay. Họ có cảm giác như phải chiến đấu với một đàn kiến vô tận. Nhiều phi-cơ của Ai-cập ngày nay do phi công Nga lái. Nga đã bỏ tới 3 tỉ đô-la để võ trang cho phe Ả-rập và phe này hiện có tới 3750 xe tăng, 4000 súng lớn 1230 máy bay loại khu-trục-cơ MIG và phòng pháo cơ Sukhoi và Tupolev, và có cả loại hỏa-tiến phòng không SA 3 do người Nga điều khiển.

Tình - trạng đó thực nguy khốn cho Israël. Nước này đang xin Mỹ viện-trợ 25 Phantom và 100 Skyhawk. Để tránh khỏi bị gây khó với phe Ả-rập mà ở đó Mỹ có rất nhiều quyền lợi về dầu lửa, Hoa-kỳ đã phải từ chối. Ông William Rogers, Ngoại-trưởng Mỹ, đã phải giải-thích vào

trung tuần tháng 6-70 vì sao Hoa-kỳ muốn hai bên phải dàn-xếp với nhau : " Hoa-kỳ không đi với phe nào, Hoa kỳ chỉ mong hòa-bình " Nhưng ông cũng thêm rằng : " Quyền lợi của Hoa-kỳ buộc chặt với sự sống còn của quốc-gia Do-thái ". Và như vậy Hoa-kỳ là chỗ dựa vững chắc nhất của Do-thái. Do đó một đạo quân thật tinh nhuệ, với những phi-công thật lành nghề, tuy số lượng vũ-khí ít hơn, Do-thái dám chống trả với phe Ả-rập, đông người hơn, được Liên-xô vũ trang đầy đủ, nhưng binh sĩ lại kém tinh nhuệ hơn — Có người đi Israel về quả quyết rằng một số người Do-thái hằng ngày đã cầu nguyện là xin cho họ mãi mãi là láng giềng của người Ả-rập chứ đừng là láng giềng của người Việt-Nam !

Ngày 30-6, Tổng-thống Nixon có đọc một bài diễn-văn trước vô-tuyến truyền-hình, nhân dịp quân Mỹ rút khỏi Kampuchia. Trong bài diễn-văn đó, ông cho rằng tình-hình Trung-Đông còn nguy hiểm hơn là tình hình Đông-Dương. Mới thoạt đầu người ta cho là ông nói quá vì ai cũng biết chiến tranh Đông-Dương lớn hơn nhiều, quân lực Mỹ can thiệp ở đây đã từng lên đến hơn nửa triệu. Chiến-trường ngày nay lại có cơ mở rộng. Viễn-tượng hòa-còn xa vời. Trái lại ở Trung-Đông chỉ có những cuộc xung đột nhỏ, mà chưa có cường quốc nào đã phải can thiệp một cách sâu rộng như ở Việt-Nam.

Nhưng xét cho cùng lời nói của Tổng-thống Nixon không phải là không có lý. Chiến-tranh Đông-Dương tuy trầm trọng nhưng không nguy hiểm bằng chiến tranh Trung-Đông. Ở Đông-Dương các cường quốc đều giới-hạn phạm vi hoạt động của mình và không mạo hiểm đi quá xa.

Còn trong cuộc chiến Trung-Đông Hoa-kỳ nhất định bảo-vệ sự sống còn của Do-thái, nên bó buộc phải viện trợ thế nào để Do-thái có đủ sức chống trả phe Ả-rập. Mặt khác, như trên đã trình bày, bên phía Ả-rập Liên-xô đã càng ngày càng trực tiếp tham dự vào cuộc chiến để gây thiệt hại tối-đa cho Do-thái. Bởi vậy nếu chiến tranh tiếp tục khai-triển tới một mức độ nào đó, hai đại cường có thể chạm trán nhau vì cả hai đều phải cố gắng bảo vệ chỗ đứng của họ ở miền đất này.

Xét cho kỹ, hẳn Tổng-thống Nixon đã không lầm khi đánh giá cuộc chiến Trung-Đông và nếu các bên lâm chiến cũng như các đạ-cường không sớm tìm được một giải-pháp dung-hòa mà quyền lợi hai bên đều được bảo-vệ thì ngòi lửa Trung-Đông biết đâu chẳng là một mối họa lớn cho nhân-loại, trong khi những tiến bộ lớn lao trên phương diện khoa-học và kỹ thuật đang làm cho đời sống của con người mỗi ngày một tươi sáng hơn.

VIỆT-PHƯƠNG

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

BNP

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

Căn nhà người mẹ

Đoản văn THẾ-UYÊN

Mỗi người đều cần có một quê hương để trở về vào tuổi già hay vào những thời kỳ mệt mỏi hay chán nản trong đời. Bởi thế, ai mất quê hương thực sự của mình, đều phải tạo ra quê hương mới bằng cách này hay bằng cách khác.

Rời miền Bắc sau 1954, mang lũ chúng tôi vào Nam, bố mẹ tôi đã từ bỏ nhiều thứ, trong đó có quê nội và quê ngoại, một quá khứ khá dài những vui buồn, và căn nhà đã tạo dựng bằng công khó của hai người, nhất là bằng dấu vết những bàn chân nhỏ cùng các tiếng khóc tiếng cười các đứa bé đã sinh ra và lớn lên trong đó. Tết năm ấy, tết tha hương đầu tiên, bố mẹ tôi không hề buồn bởi vì hai người chưa già và trừ người con lớn còn ở trong quân ngũ nơi xa, gia đình tôi sum họp đầy đủ trong căn nhà cũ kỹ tồi tàn không điện không nước của khu Bàn Cờ. Tết năm ấy, năm của hòa bình, hầu hết những người dân hai miền còn đầy hy-vọng ở tương lai.

Rồi ngày tháng theo nhau qua. Niềm hi vọng ở tương lai của mọi người có còn nguyên vẹn như thế không, tôi không biết. Tôi chỉ biết vào một ngày cuối năm, thứ hy-vọng ở tương lai của gia đình khiêm tốn của tôi đã suy giảm nhiều. Lý do thật giản dị: bố tôi, cột trụ của gia đình, đã thấm mệt, đã chịu thua cuộc đời đi vào tuổi già. Ông đã cam chịu làm một công chức nhỏ cho một cơ quan thuộc binh chủng lo làm nhà xây cầu cho quân đội. Ông thôi không còn nói tới lo xin ra báo, mở

nhà in, tái lập một thời kỳ huy hoàng của ông trong những năm còn trẻ nữa. Trong một đêm khuya đi chơi về bắt gặp ông còn thức soạn chồng giấy tờ cũ — những tấm thiệp mời ông dự buổi lễ này tiệc rượu nọ của cả một thời kỳ đã qua — dưới ánh đèn dầu lù mù và trong tiếng xe chạy ào ào trên con lộ lớn trước nhà, tôi đột nhiên cảm thấy từ thâm tâm một cái gì thúc đẩy tôi ngồi xuống đấy với ông, nói gì chưa biết nhưng cái phải ngồi... Hình như đây là lần đầu tiên tôi lờ mờ ý thức được thế nào là cô đơn của một người thất bại về già bó gối chịu thua. Trong căn nhà tồi tàn này, vợ con đầy đủ đó, năm ngủ yên chung quanh, nhưng có những nỗi cô đơn tự bản chất đã là không sao chia sẻ nổi...

Tôi đã tới ngồi chiếc ghế bên này chiếc bàn mộc, vợ vẫn đọc những tấm thiệp cũ xưa ấy, nghe người già ngồi bên kia nói về cuộc đời, về tuổi trẻ, về những ước vọng vang bóng một thời. Ông nói ông đã làm thất vọng nhiều người, trong đó có mẹ tôi, con gái duy nhất của một gia đình nhiều danh tiếng về văn học cũng như về đấu tranh cách mạng. Ông đã quá rong chơi, quá phung phí tuổi trẻ, để rồi tới lúc này không còn gì. Không một danh tiếng, cũng không

cả gia sản. Và vì dù sao cũng là kẻ cuối cùng của một giòng kẻ sĩ lâu đời, ông đã vừa phải khước từ một đề nghị chính trị nhiều bá đạo nhưng cũng nhiều quyền lợi của chính quyền đương thời... Như vậy ông chỉ còn một đời sống khiêm tốn để sống, cuộc đời của một công chức già, và một căn nhà nhỏ mới được cơ quan cấp phát cho trong một cư xá hỗn hợp, căn nhà ông hẹn tôi mai tới sở kiểm ông để cùng sang nhận. Trong khuya, không biết là vào giờ nào của đêm, ông trầm giọng : «... sau này, bố chỉ ao ước các con làm được cho bố một căn nhà tranh ba gian hai trái trên nền đất nện, trước nhà đào một ao nhỏ có cầu ao dẫn xuống mặt nước nuôi bèo để không vớt cho xanh um ở vùng ven đô nào cũng được».

Tính ông chuyên đoán nên bố con ít khi nói chuyện nhiều, chưa kể có thời kỳ tôi còn ghét ông vì bị bắt phải làm những điều ông muốn và tôi không ưa. Nhưng đêm nay, lần đầu tiên từ khi lớn lên, tôi hiểu bố được một phần nào. Một thoáng nghẹn ngào lẫn khuấy với tình thương mến. Tôi cất tiếng nói, nói rất nhiều. Bây giờ đến lượt ông ngồi nghe tôi nói về những ước vọng của tôi — những ước vọng dĩ nhiên thật cao xa của một thanh niên mới lớn — để rồi sau cùng tuyên bố sẽ làm rạng danh gia đình...

Chẳng biết ông có tin lời đao to búa lớn ấy của tôi không, nhưng ít nhất buổi nói chuyện trong đêm cũng làm hai bố con dễ chịu với nhau hơn khi cùng đến nhận căn nhà nằm đầu dãy của một khu nhà dành cho binh sĩ và nhân viên dân chính. Căn nhà nhìn ra bãi cỏ hoang đầy vòng kẽm gai cũ rỉ, sát vách bên là một khối bê-tông lớn xếp hỗn độn do đập quân viên chính Pháp bỏ lại, căn

nhà vào mùa mưa thì nước ngập, và mùa nắng thì mái tôn hừng hực chói chang.

Gia đình tôi dọn tới ở căn nhà ấy và ở thật lâu. Mẹ tôi vốn có tài thích ứng về mồi sự, nhất là về nhà cửa ruộng vườn. Bãi cỏ hoang, mẹ tôi phát cỏ, cuốc đất lên làm thành vườn. Mẹ tôi trồng nhiều cây trứng cá vì chúng «...vừa chóng có bóng mát vừa chóng có trái cho chúng mày chọc ăn». Mẹ tôi đục thêm cửa sổ hông và khi bọn tôi kêu lên khôì hài là nhìn qua đó thấy đồng đá non bộ (các khối bê-tông ấy) đẹp như thế mà thiếu hàng trúc thưa, bà đi trồng hai dặng mía vì «... đốt mía đẹp kém gì trúc mà lại ăn được». Cứ với quan niệm dung hòa mỹ thuật với thực phẩm ấy, khu vườn nhà tôi dĩ nhiên không thể thiếu vài luống sắn thân và lá thật đẹp mỗi khi trời xanh cao và nhiều nắng. Trong căn nhà nhỏ, và trong khu vườn vừa đẹp vừa ngon do mẹ tôi tạo dựng ấy, chúng tôi đã sống những ngày thật vui và nhiều hạnh phúc. Anh Lam tôi đã đưa chị dâu tôi về ngồi dưới bóng mát của các cây trứng cá nở đầy hoa trắng, trông như có sương đọng. Tôi đã từng đưa người yêu của tôi, người sẽ theo gót chị Lam về làm dâu thứ trong căn nhà này, đi giữa hai luống sắn, ve rặng mía dưới vòm hoa ti-gôn. Tôi đã từng bắc thang đưa nàng lên mái nhà, gọi đứa em trai đã sửa cây xếp cảnh thành một vùng nho nhỏ như tổ chim. — một chỗ để hôn nhau. Rồi đứa em gái kể đã hôn người yêu ngoài bờ cỏ sau bụi tre, đã khóc đã cười và đã đi lấy chồng cũng từ trong căn nhà của bố và khu vườn của mẹ...

Những năm tháng vui tươi rồi cũng

qua đi, chiến tranh đã bộc phát dữ dội làm phân tán lũ con và gửi những sợi tóc đốm lên mái tóc bố tôi. Từ lâu rồi, ông suy yếu nhanh vì bệnh lao. Đêm Trung thu chót, khi chúng tôi treo đèn xếp đầy vườn, trên ngọn cây sắn ẻo lả, trên cành cây, trong lùm tre và bầy cõ ăn bánh uống trà vui vẻ ngoài vườn, ông chỉ còn đủ sức ngồi thu người trên ghế, vừa hút thuốc vừa ho nhìn ra. Bởi thế, khi bước chân vào quân trường, tôi đã nghĩ không hiểu rằng khi chết, ông liệu có được bao đứa con bên giường...

Và tin ông chết trong bệnh viện Cộng-Hòa, chết một mình, đến với tôi khi vừa đi tập trận ở một bãi xa về. Trong khi chờ đợi giấy phép bạn bè đang chạy tứ tung xin hộ, tôi ngồi ở một bộ xi-măng ven võ đình trường, nhớ tới ông trong những lần gặp chót — gặp thật ngắn vì thời hạn đi phép đã chẳng dài bao nhiêu, tôi lại dành hầu hết cho Thi và cho tôi. Lần phép chót, khi tôi mặc xong quân phục, cầm mũ đi ra, ông đã gọi giật lại, ngập ngừng hỏi tôi còn tiền hay không. Tôi mở ví ra còn hơn ba trăm, chia cho bố một nửa... Nước mắt tôi rớt trên cát vỡ các hình ngôi sao nâu, nhưng tôi không kìm giữ vì biết rằng tối nay, vì ở gần Saigon nhất, tôi sẽ là đứa con độc nhất về kịp với mẹ. Trong căn nhà, trong khu vườn, tôi cần trấn tĩnh. Còn ở đây, võ đình trường trải dài vắng ngắt trong sáng chiều... Tôi chỉ khóc ông một lần nữa sau khi mộ đã đắp, ông đã yên nghỉ trong một nghĩa trang xa lạ, yên nghỉ vĩnh viễn trước khi tôi thực hiện nỗi giấc mơ nhỏ của ông trong tuổi già, là làm một căn nhà tranh ba gian hai trái trên nền đất nện, trước nhà có một ao nhỏ thả bèo cho xanh ..

Ông chết đi, sau khi tiền tử tuất đã

trả, cơ quan đòi lại căn nhà đã cấp phát từ bao năm. Mẹ tôi có báo cho tôi biết, nhưng thân làm lính trấn thủ lưu đồn, tôi làm gì được. Chẳng lẽ để các con nhỏ đi ở nhờ bà con họ hàng, mẹ tôi tới cơ quan cầu xin. Chồng chết không gia sản, các con trai đã đi lính hết mỗi đứa một sư đoàn xa... Thế rồi mẹ tôi được cơ quan chấp thuận cho tạm trú ở khoảng đất ngay sát nhà. Còn căn nhà vẫn phải trả.

Mất căn nhà nhưng còn được khu vườn, mẹ tôi đi vay tiền, xin vật liệu về chất đống, nhưng chưa khởi công vì còn đợi tôi về « cất nóc» hay «thương lượng» chi đó. Tới kỳ về phép, ngồi giữa đống gỗ ngồn ngang, tôi uống trà với mẹ trong khu vườn mà sốt ruột chỉ muốn đi — vì Thi ngồi ngay bên, trong vòng tay và bây giờ hai đứa tôi không cần « một chỗ để hôn» nữa, mà cần tìm một chỗ để yêu nhau. Xong tuần trà, mẹ tôi gọi tôi ra khỏi công làm nhà. Tôi nhăn nhó vì sợ mất nhiều thì giờ, nhưng thực ra không có gì: tôi nâng một cái sà gỗ đầu tiên cho mẹ tôi đóng. Thế là xong lễ cất nóc cho một ngôi nhà.

Nhưng căn nhà của mẹ tôi hẳn phải không giống như mọi người. Thiếu gỗ, mẹ chỉ làm có ba vách, vách thứ tư là tường căn nhà cũ. Dù chỉ ba vách cũng vẫn thiếu gỗ, nên cả mặt tiền chỉ làm gỗ phân nửa còn nửa trên đóng lưới, trong làm màn, ngoài treo mảnh tre. Căn nhà trống trải đến nỗi mỗi khi có gió lớn thổi, lá khô theo các khe hở lá tả đầy nhà và khi mưa lớn thì đúng là mưa gió bốn bề. Một căn nhà «gần» thiên nhiên đến mức tối đa, chim làm tổ trên đỉnh màn và đêm kuya dề kêu ni rí dưới gầm giường. Nhưng quả là

một căn chà kiêu liêu trai cho một hàn sĩ trẻ và tôi đã nhiều lần mời bạn văn đến uống rượu nhân dịp xuất bản những tác phẩm đầu tiên trong nơi này, trong căn nhà của mẹ và khu vườn cũng của mẹ.

Rồi thời gian qua nữa. Sau khi phiêu bạt nhiều đơn vị của ba vùng chiến thuật, tôi mới được đòi về Sai-gon. Khi ấy cấp chỉ huy binh chủng sở hữu khu nhà quyết định dùng khoảng đất trong khu vườn của mẹ dự trù làm bể bơi hay sân quần vợt chi đó và xe ủi đất cơ hữu đơn vị đã tới san bằng. Khi tôi về, cứ như Từ Thức về trần, khu vườn đã biến mất không còn dấu vết. Mẹ tôi chỉ nói là đã hết sức năn nỉ mấy người lính, mới giữ được một cây trứng cá duy nhất bảy giờ đã gần như cỏ thụ mọc sát vách nhà. Tôi thoáng buồn rầu khi hiểu tại sao mẹ tôi không tới năn nỉ xin các cấp chỉ huy khu đó, mà chỉ đi nói với mấy người lính lái xe. Và tôi không đủ can đảm đề hỏi mẹ tôi khi năn nỉ, liệu có nói các con bà đều là lính như họ, ủi gì thì ủi, chớ ủi nhà mẹ già em nhỏ của chúng hay không...

Một thời gian sau mẹ tôi theo hai đứa em gái sau chót lên Đà-lạt và tôi cùng gia đình riêng mới tạo dựng, dọn về nhà mẹ ở. Trước khi đi, mẹ dặn coi chừng là có tin đồn sắp có lệnh dỡ nhà trả đất vì cấp chỉ huy binh chủng định biến khu này thành cư xá sĩ quan. Mẹ chẳng dặn thì tôi cũng coi chừng. Làm sao nở đề mất căn nhà của mẹ, căn nhà của cả một thời kỳ, căn nhà duy nhất bọn tôi có được kể từ khi xa miền bắc.

Rồi lệnh bắt dỡ nhà đến thật. Tôi làm đơn xin, viện lẽ thượng cấp đã

định cấp phát lại khu này cho sĩ quan thì dù có là dân bộ binh chân lấm tay bùn tôi cũng là sĩ quan, xin được lưu cư ở khoảng đất nhỏ bé. Đất là đất chung của quân đội và huynh đệ chi binh.. Nhưng một buổi sáng đẹp trời, một văn thư gửi tới cho biết phải dỡ nhà đi, và «vì tình nhân đạo, cho đương sự một thời hạn ba tháng để thi hành lệnh này». Tôi chưa chịu thua, xin đủ giấy tờ chứng tỏ là nhà có ba lính thì lính anh lính em và lính tôi đều không có nhà, dù là nhà mình mua hay nhà cấp phát. Tôi đã đến kêu cầu đập cửa các quan to súng ngắn, mỗi gói quì mìn các sân tướng phủ, viện đủ các lý lẽ, kể cả lý lẽ chế độ miền nam nói chung cũng nên có một công bằng tối thiểu: bố chết nghèo, bắt tất cả con trai đi lính, lính thứ thật và lính phục vụ thanh liêm tiền đầu mà mua nhà cho mẹ, xin hãy cho mẹ già chúng một khoảng đất tá túc...

Nhưng tôi đã thất bại, hoàn toàn thất bại. Lệnh dỡ nhà trực xuất khỏi cư xá được giữ nguyên và không gia hạn thêm lấy một ngày. Còn kèm thêm khẩu lệnh phụ là tới ngày không đi sẽ cho xe bulldozer tới ủi tất và cho An ninh tới bắt. Tôi đành gọi người vào dỡ nhà bán vật liệu — vật liệu còn bao nhiêu giá trị sau bao mùa mưa mùa nắng và nước ngập. Bán được năm ngàn đồng, gửi lên cho mẹ, mẹ lại cho trở lại để «các con lấy tiền mà dọn nhà». Thế rồi đến ngày chót, lại lại một ngày đẹp trời nữa, tôi dọn nhà. Khi buổi sáng trở dậy, mặc bộ đồ trận vào, tôi thấy hơi buồn bã và nhiều chua xót. Biết bao giọt mồ hôi khổ cực của tôi, của anh em tôi đã đổ ra thấm vào những bộ quần áo như thế này, để rồi rút cục xin một khoảng

đất cho mẹ có nhà ở mà còn không xong.

Rút kinh nghiệm, từ giờ bọn tôi lo kiếm đất trước đã trước khi nghĩ đến truyện làm nhà khác cho mẹ. Do một tình cờ, anh Lam tôi quen với tỉnh trưởng vùng Đà-Lạt. Anh liền nói với người bạn ấy cấp cho mẹ tôi một mảnh đất — trên vùng ấy, núi đồi thiếu gì. Lời yêu cầu ấy được thỏa mãn, các con của mẹ tôi đã có dịp chế bà là “tân địa chủ” và tôi đã có cơ hội đề ước mơ là khi nào chiến tranh chấm dứt, các con trai buông súng trở về cầm cưa vác búa vào rừng lấy gỗ về mà làm cho mẹ tôi, lúc đó chắc tóc đã bạc như sương, một căn nhà nhỏ ven một đồi thông già nhiều gió lộng.

Trong khi chờ đợi “căn nhà viễn mơ” của mấy ông anh bao năm chỉ biết tranh đấu tới tranh đấu lui nghèo mặt rệp ra không đi đến đâu — lời mấy đứa em gái tôi — thì chúng ra sức làm việc để dành tiền mua nhà, một căn nhỏ thôi, tôi mấy cũng được miễn là có đất rộng một chút, đề rồi “mẹ gõ cho nó mấy cái là thành nhà ở được, cuộc cho mấy nhất là thành vườn vừa ăn được vừa ngắm được». Mà chúng làm việc thực. Tôi và Thi lên chơi, coi chúng đi làm mà chóng mặt. Quả thực là đầu tắt mặt tối. Nhưng rồi một đứa em gái cùng chồng đã dành dụm được tiền mua một căn nhà gỗ tôi ở đầu một thung lũng nghèo. Và mẹ tôi đã vác búa vác cuốc ra, các con cháu xúm lại, đến khi tôi lên lần nữa, căn nhà đó đã sửa xong, xinh xắn, và ngoài vườn, theo đúng truyền thống của mẹ tôi, cây su-su leo

hiên ngang lên cành mạn, phong lan treo dưới dàn bí, rau thơm xen kẽ với cúc vàng, diêng và gừng cạnh đấy thược dược...

Các con trai không có nhà thì nhà con gái con rề cũng là đẹp rồi. Con nào chẳng là con. Tôi tưởng thế là mẹ kể như có nhà. Nhưng tôi lầm. Trước tết năm nay, một bà mợ của trong họ chết. Khi biết rõ tin tức, mẹ tôi nói: “Mợ ấy chết sau khi con cái đã thành đạt cả cũng sung sướng. Nhưng chết ở nhà con rề thì cũng chưa được gọi là hoàn toàn”. Mẹ tôi chỉ nói thế thôi, nhưng tôi và Thi hai đứa đưa mắt nhìn nhau im lặng. Lại phải tính đến truyện chung sức các con làm nhà cho mẹ thôi. Tôi liền hỏi khoảng đất ngày trước mẹ được cấp phát hiện giờ ra sao... và được mẹ cho biết một vị tình trường sau đã nhân danh một công bằng xã hội nào đó thu hồi lại rồi. Tôi và Thi lại im lặng nhìn nhau vì trong mấy ngày rong chơi lang thang thành phố miền núi này, hai đứa đã thấy biết bao nhà cửa chiếm đất công xây cất bừa bãi..

Thế là đến cuối năm nay, khi cả gia đình chuẩn bị ồn ào đón xuân cùng thiên hạ, thì mẹ tôi rút cục đất cũng không mà nhà cũng không. Và buổi sáng mồng một tết, nhìn mẹ tôi đứng dưới tam quan chùa Linh-phong lộng gió từ dưới các thung lũng lên, tôi chợt nhận ra mái tóc mẹ tôi đã gần như bạc trắng hết dưới ánh nắng đầu xuân, bạc đã gần như sương.

viết cho vu-lan năm nay, 1970

THẾ-UYÊN



THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão Sài-gòn :

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
 có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
 màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Xuất ngoại bằng trực thăng vô trang

Đoàn trực thăng bay thấp dần, chuẩn bị đáp. Bên dưới là cánh rừng chồi rộng, cây thấp. Mấy khoảnh ruộng vàng giữa rừng như các rầy lúa người Thượng trên cao nguyên Trung Việt. Trước mặt trực thăng thấy dãy tre rậm, vài nóc nhà, mái tranh cũ. Anh xạ thủ đại liên lớn con, người Việt, chia thấp mũi súng. Những người lính ngồi máy bay bên kia đều chăm nhìn xuống đất. Đến gần làng, thấy con đường mòn chạy dọc sông, nhiều nhà khác ở xa, đều đường có nhà ngói. Sông rộng trên hai mươi thước, hai bờ thật cao, nước dưới thấp, chảy chậm, xanh đục. Hai chiếc yểm trợ bay sát muốn chụp ngon tre, và như muốn nhào xuống húc cho tóe mấy mái nhà.

Chúng tôi nhảy xuống giữa đám mì con, dàn rộng tiến chậm vô làng. Buổi quá, làm mặc gì nghèo nàn lơ thơ thế này. Đại đội bạn vào sát sông vô sự. Vào nhà đầu tiên, đám người ngồi đờng lóng ngóng mặt hơi hãi, nép vào nhau. Lũ con nít như muốn rút cổ lại nhìn người lạ không chớp. Một chiếc xe gắn máy mới dựng ngang đường xuống bếp, phủ chiếu kín. Đây là căn nhà trệt duy nhất trong xóm. Bà già, người lớn nhất trong gia đình, mặc quần chắp tay bái lia. Một người lính nói một câu tiếng Miên, Nhưng, bất ngờ, bà già bật nói: "Chào ông, chào các ông. Các... ông thương bọn tôi!" Bà tiếp tục bái. Các nhà hai bên đều bị chiếm. Chúng tôi

biểu tất cả yên tâm. "Người Việt với nhau cả đây mà." Thăng bé trai lớn nhất trong đám trẻ nhỏ cho biết xóm này, dài lên khoảng nửa cây số, là xóm người Việt.

Tối thiểu đoàn được nghỉ trong xóm. Một đại đội năm lan qua xóm người Miên. Người Miên ở đây như những nhà tu, họ ở chung một chòm trên 15 nóc nhà, bên cạnh xóm người Việt đông hơn gấp bốn. Cả hai đều không giàu, đều ở nhà chân cao, đen, đông con nít, chỉ khác nhau cái ở quần.

Tôi ngủ nhắm cái nhà quán. Quán tranh, quán nhỏ. Vào quán điều người ta thấy đầu tiên không phải là các vật dụng để bán, mà là người. Chủ quán nhận chúng đám đồng bào chạy nạn, năm bảy chị đàn bà, người già, cùng mấy mươi trẻ con. Chủ cũng là đàn bà, nên khó biết ai chủ ai ở nhờ, 9 giờ lữ nhỏ ngủ gần hết, nhưng mấy đứa còn thức và những lời hát ru của mấy bà mẹ, và tiếng mấy bà khác thuật chuyện, kể lè với các anh lính, cũng đủ làm cái quán ồn lên, như đang có nhiều khách nhậu nhẹt. Các chị nhăn nhó nói về cái nỗi khổ đùm đẽ chạy trốn nó thế nào, cảm giác khi nghe súng đạn gầm thét bên tai lần thứ nhất trong đời thế nào. "Con này nó khóc mà không ra tiếng, rồi nó tiều bầy ra quần. Con kia run lẩy ba lẩy bầy, bước đi không được." Nhà cửa bỏ, cố nhiên đồ đạc cũng bỏ lại

nhiều, đầu phải voi mà mang theo nổi, Chồng chị bị bắt, họ nói là đưa lên Nam vang, vào lính không hiểu bây giờ thế nào. Nếu không bận chồng con như vậy họ đã chạy lâu rồi. Và rằng, xóm làng trên đó, cách đây 20, 25 cây số, nửa ngày đi xuống, khá giả đẹp đẽ hơn nơi này nhiều lắm. Các anh lính ngồi nghe chăm chú, chống cằm, há miệng. Có những ngày không dám múc nước sông cái, hàng đám những xác trôi — Ngày còn ở nước mình tôi cũng đã đọc báo thấy như vậy. Những chiếc bao bố cột túm cần thận chứa bẫy, tám xác trẻ con thiếu đầu. Đôi khi những xác và bao này trôi dày như lục bình trôi lũ lượt trên sông trong các hôm nước mạnh... Họ xâu những xác người vào cây tre dài, như xâu mía róc, rồi cũng thả sông...

Tôi lấy làm lạ thấy đồng đưa hầu dưới chông còn nhiều. Kệ quán còn vở học trò, bút chì, dây thun, dầu lửa, những thứ gì không ăn được. Tôi phát giác một người đàn ông nằm vồng khuaát trong tối, sau màn. Anh này cũng di cư, mẹ anh vợ anh cùng đám con đã chạy trước mười ngày, anh tìm cùng khắp, nơi nào có bóng dáng người bằng bẻ ôm xách là ghé vào, mà cũng chưa gặp. Anh lo, buồn bã. Người anh ta quá tệ, sợ nặng không trên băm-ba băm-bốn ký. Tôi cho anh biết có về nước anh cũng không chắc được đi lính đâu. Anh mời tôi đến thuốc con két. Đây anh về Mộc-hóa không bao xa, nếu đi ban ngày nên đi giữa sông, không che đậy cắm cây trên xuống, cắm cờ Việt cũng được, tôi chỉ có thể chỉ cho anh như thế... Tấm lịch trên vách quảng cáo một hiệu tạp hóa, Thái Sơn. Chắc là Thái Sơn. Trong những tờ báo cũ, tôi đọc thấy nhiều màu quảng cáo nhà thuốc, rạp chiếu

bóng, nhà may, nhà thêu, tiệm bán máy thu thanh, tiệm vải, tên Trung Thanh, Hoa Hưng, Lạc Tho... tôi đoán là Trung Thành, Hòa Hưng, Lạc Thọ. Tờ lịch trông thật rắc rối, n^h được kẻ ra nhiều ô, ghi nhiều số, với chữ Miên, Việt, Tàu, Pháp. Chữ Miên và chữ Việt nằm trên, ngang nhau. Một ngày nào đó sợ còn thêm chữ Anh vào nữa! Nhìn chữ " Canh Tuất " trên mảnh giấy lịch mỏng tôi thấy vui vui ..

Đây là một nơi vô danh thuộc tỉnh Svay Veng. Chúng tôi ngủ thêm một đêm Việt-Nam ngon giấc, có gió thổi nhẹ, và trăng mờ. Ngủ ở đây thì cũng cái trăng buồn này.

oOo

Sáng ngày tiểu-đoàn hoạt động tiếp, lục soát dài lên xóm trên. Một đại đội đi riêng về phía tây, cách một thị trấn nhỏ nằm trên bờ sông cứu-long lối 4 cây số. Hơn 9 giờ đại đội lẻ loi này trúng số. Họ la côm lên trong máy: súng, súng! Tiểu đoàn kéo ngược lại, lên gặp họ. Một kho súng lớn dưới sông. Cả Đại-đội mặt mũi tèm lem, quần áo ướt, cố sức khuân súng lên bờ. Nước sâu tới ngực, có những bó súng cặm ngược đầu báng nhô khỏi mặt nước. Trên ngàn khẩu súng, với mấy trăm thùng đạn. Súng bắn máy bay, đại bác, súng nhỏ, súng cũ, súng còn tốt, đủ cả. Trục thẳng kéo tới một đụn. Khen ngợi, chụp hình, rồi chở súng về. Chắc nhờ vụ này, ngay chiều chúng tôi được kéo ra, ngủ trong một phố khá vui, một thế giới của người Tàu.

Phố này lính Bắc Việt chiếm đóng mười ngày trước. Họ bắt dân trồng hai hàng chuối thẳng rặng trên con đường

đất lớn, làm cho mặt đường nhỏ lại, chỉ còn vừa cho một chiếc xe lội qua, đề tránh máy bay. Chuối mới trồng tàu lá còn héo. Cặp theo hàng chuối còn đào một hào dài, sâu rói rún. Mỗi nhà đều phải đào phần hào và trồng phần chuối trước mặt nhà mình. Chúng tôi được lệnh bảo hộ nhờ chuối, và lấp hào lại. Người ta túa ra làm ngay, nhộn nhịp, như các buổi học sinh, sinh viên, hướng đạo sinh làm công tác quét rác rưởi ở các chợ. Mấy phút sau con đường đã trở lại rộng lớn. Các cô gái và trẻ nhỏ Tàu nói tiếng Miên bưng nước ra bên đường đưa cho đoàn lính uống. Người Tàu ở đâu cũng buôn bán, ở chợ, giàu, và đi miệng.

Chúng tôi được ngủ trễ một bữa, 8 giờ mới nghe kèn báo thức. Cái kèn ác hại này thường ngày vẫn kêu réo lúc 5 giờ hay 5 rưỡi. Cơm xong tiểu đoàn ra đường nhựa, lên xe. Có lẽ đời vùng hoạt động. Như những người mù chúng tôi lắc lư trên xe, ngủ gật, ngắm phong-cảnh, rồi tới đâu thì tới. Qua nhiều đồng ruộng, nhiều làng... Phượn trong các sân trường nở đẹp. Tôi nhớ hôm đi Sài Gòn vẫn còn bầu tinh chưa nghỉ hè. Trường bên này phần nhiều khung trống, sạch và đẹp. Dân chúng xứ này hình như có chủ trương đem tất cả sự dơ bẩn luộm thuộm đổ vào nhà ở, còn sự sạch sẽ thì dành cho trường học, tức cho tương lai. Từ biển cổ tháng 3 các trường nghỉ dạy, nên sân trường nào cũng phủ lá khô, cỏ bắt đầu xanh, và sân sạch buồn. Trong các lớp học hình quốc-trưởng cũ vẫn còn nằm trong học bàn thầy giáo. Hình vẽ con voi, con vịt, em bé đánh răng, các đốt xương, cái bao tử, bản đồ nhận chưa giảng kịp. Nơi

nào cũng có mặt quốc-trưởng Shanouk không dễ gì quên một người quá thân, sáng láng trước mặt mọi người từ mấy mươi năm gần như đức Phật. Trong nhà người ta treo tượng Phật vẽ trên kính. Và treo hình quốc-trưởng. Quốc-trưởng lúc còn trẻ, mặc triều phục, vạm vỡ, đẹp trai, hình chụp từ thấp lưng trở lên. Quốc-trưởng ngồi trên ngai. Quốc-trưởng những năm sau này, mập mạp, mặt hơi lớn. Hình quốc trưởng đứng canh hoàng hậu, canh vua cha, đứng với con trai và con dâu. Trên vách ván, trong các các tờ báo dán ngay hàng, còn hàng trăm hình khác. Quốc trưởng đứng trên xe hơi bóng lộn, có mê-tô đi đầu, đường phố nghẹt người. Quốc-trưởng dự một buổi văn nghệ, vũ nữ uốn mình trên sân khấu. Quốc trưởng mặc đồ lính ngồi trên máy cày. Các bla vở học trò cũng in nhiều hình quốc trưởng. Hình ông mặc đồ thể thao, đứng chân trước chân sau, giơ thẳng tay sắp đánh trái banh. Hình ông mặc quần đùi áo thun cuộc đất. Nhìn các hình này học trò đủ biết những lời dạy thầm của vua: cố học đi, rồi có không thành gì cũng thành được quan trong nhà binh. Và, thể dục cùng lao động chân tay đều cần thiết.

Trong các tờ báo của cơ quan thông tin cấp mà dân đem dán trên vách, trong các tập san dày giấy tốt chữ Pháp, và mấy tờ báo chữ Việt của phe Cộng một số nhà còn giữ, tôi còn được xem hình mấy lãnh tụ Cộng sản, Mao - Trạch - Đông, Chu - Ân - Lai đều già và mập, chủ tịch Bắc-Việt già, mặt ốm, râu, áo Tàu. Trong một chồng giấy chương-trình của các rạp chiếu bóng tôi gặp hai tờ giới thiệu hai phim truyện của Bắc Việt, chiếu

năm 1964. Cả hai phim đều dài trên 2 giờ, nói về các hoạt động của những toán biệt kích miền Nam, vào thời 61-62. Đại khái, biệt kích lọt được vào các làng thương du, làm bùm làm hồ. Về sau nhờ những thanh niên như cán bộ anh dũng trong làng vạch mặt địch, bắt họ. Lướt qua, tôi đoán, các toán biệt kích đã có ngày làm nên chuyện ngoài đó. Báo chữ Miên, hay chữ Pháp, tràn ngập bình Samdech quốc trưởng, như đã nói. Coi nhiều quá người ta dễ có cảm tưởng nước này ít đàn ông, và quanh năm chỉ có một sự việc cần rói đến nhất là ông vua, vua này thế nào, vua làm gì. Cũng như nhìn vua ta dễ có ý : người Miên điều mập mạp, nếu không nghĩ : bao nhiêu sự mập tốt, giàu có trong nước đều dồn vào mình vua. Báo Cộng sản Việt thì không in nhiều hình Chủ-tịch của họ, nhưng họ lại nói quá nhiều đến ông. Việc gì cũng bác nói, từ việc lớn đến việc con con. Mọi chuyện đều có dính đến một sự chỉ bảo, một ý tưởng, một liên-hệ xa xa đến lời, ý, mà « bác » đã nói hôm qua hay nói trong mười mấy năm qua. Đọc đến tờ báo thứ năm người đọc có thể nghĩ là mình đang đọc lại tờ thứ nhất. Nước đầu, rồi mỗi lưng, rồi chái. Mấy mươi năm, chết hàng núi người để chỉ đem đến kết quả là được xô vào ca tụng ào ạt một người.

Đứng trước những bức hình in lớn, quá rõ, vua đứng trên, dân dưới thấp, không rõ có bao giờ đám dân dưới thấp kia tự hỏi rằng : ông vua đi tiêu ngày mấy lần ? Ngài thường ngủ đêm với vợ ngài không. Ông Mao, Samdech quốc trưởng, Hồ chủ tịch, ông Thủ-tướng ngủ dậy có ghèn trong mắt, và có bao giờ các ngài chảy mũi nước

không. Nghi được vậy thì người ta sẽ sáng suốt, dịu dàng, và chiến tranh có thể khác đi.

Tôi thích xem các tập nhật-ký chiến lợi phẩm hơn các loại báo đồ ấy. Lĩnh Bắc Việt nhiều người siêng viết nhật-ký thơ phú, có lẽ do dư thì giờ và buồn. Qua các tập nhật ký thu được — trong xách lưng kẻ chết, trong các căn trại giữa lùm cây, trong một thùng chôn dưới đất, tôi được đọc văn của vài tác giả Bắc lạ tên, cùng thơ của Huy-Cận Xuân-Điệu, Tế-Hanh, Tố-Hữu, Chế-Lan-Viên... trong thơ bây giờ của mấy ông này thiếu mất bóng trăng, mây gió, ngủ đi em. Anh cán-binh, chủ tập nhật-ký thường chịu bỏ nhiều công lao vào tập sách. Bài văn xuôi, bài thơ đều được viết rõ, sạch. Những trang đầu anh ta bố-trí mấy câu tư-tưởng của ông Chủ-tịch, năm bảy câu thơ ông làm hô hào dân trong dịp đầu năm, chắc để che mắt đồng bạn, cán bộ. Nhiều anh cũng viết được vài bài ngắn, tả cảnh những nơi đơn vị đi qua. Nhiều nhất, là nỗi nhớ nhung quê nhà. Bên một câu « nhất định ta thắng, con tin chắc chắn con sẽ về thăm... » là hàng chục câu kêu lên sự buồn đau, nhớ cha mẹ. Kêu tên từng đứa em, như đang viết thư, như trăn trối. Cũng có người nỗi nhớ nhắc lại tỉ mỉ các kỷ-niệm đã có với người tình, như tiểu thuyết : « Thế là mình đã xa nhà 2 mùa xuân, 2 Tết. Tết năm kia, cuối cuối năm — Luận ơi, em nhớ không, buổi chiều cuối năm... » rồi là con đường nhà ta, em đã nói thế này thế nọ, anh nhớ Hà-Nam; anh ta sống với kỷ niệm rất lâu, anh lồi con đau này trải ra trên ba trang giấy lớn. Có anh viết ngay dưới góc trang 2

— sau trang có lời của bác — tên họ anh với tên họ cha mẹ địa chỉ, làng xã đầy đủ, đề « nếu tôi không may, các đồng chí làm ơn gửi tập Nhật-ký này về cho nhà tôi. » Anh ta trẻ quá, nên các điều học tập bao lâu đành cho quên tuột, thành yếu đuối ủy mị... Thơ thường được sửa sóc kỹ, nắn nót từng câu. Ngày 6 tháng 9 Tố-Hữu làm bài thơ khóc bác — bài « Bác ơi » — sau ba ngày bác chết. Đọc bài thơ dài khóc lóc muốn còn hơn cha chết, người đọc có cảm tưởng lúc viết thơ Tố-Hữu đã đề sẵn trên bàn một con dao, hề làm xong câu chót là tự là tự đâm cổ rồi ngã lăn ra chết, chớ không sống nổi vì thương tiếc đầy ứ. Còn Chế-Lan-Viên làm một bài, cũng dài, gọi Chủ-tịch là « Người thay đời tôi, Người thay đời thơ tôi » — tên bài thơ — nước nở thối thiết hơn Hàn-Mạc-Tử « Maria, tâm hồn con ớn lạnh. »

oOo

Chùa chiến với các ông sư áo vàng nhiều chỉ thua cây thốt nốt và nhà sàng... Buổi trưa ông « lục » mang bình đi vòng qua xóm, ghé vào các nhà cho dân cúng cơm. Mọi người kính trọng ông lục rất mực. Họ cho cơm vào bình, cúi bái trước khi ông đi. Có người còn phục xuống đất, vái lạy rồi trao cơm. Các cánh áo vàng, dù vàng, lạng lẽ đi trong xóm kia là hình ảnh tượng trưng cho trời đất, bình yên, chắc họ nghĩ như vậy...

Trong ba tuần — từ ngày quốc tế lao động — bằng thiết giáp, trực thăng, xe vận tải của quân đội Việt-nam, xe vận tải nửa nhà binh, nửa dân sự của lính Miên, và bằng chân, chúng tôi được đi qua một lượt nhiều tỉnh dọc theo biên-giới. Các tỉnh này đối diện Mộc-hóa, Cao-lãnh, Châu-đốc, Hà-tiên. Không tỉnh

nào cách Việt-nam quá 40 phút bay trực thăng. Điều tôi nhận thấy trước nhất là những hàng thốt nốt thẳng đuồn đuồn đầy ngoài ruộng, trong sân, sau hè, bên đường, nơi nào cũng thốt nốt, loại cây mà khi chưa qua đây tôi chỉ được thấy trong giấy bạc đỏ một trăm có hình Tả-quân Lê-văn-Duyệt. Tôi thấy các nhà sàn, trông gần giống nhà người Thượng ở Cao-nguyên Việt, những người đàn bà quấn « xà rồng ». những chùa mái cong, hình như bao giờ cũng nằm tại những nơi đẹp nhất trong làng. Ruộng đất ở đây quá xấu. Ruộng không lầy, đất trắng đục, như chỉ thích hợp với giống dứa, xoài. Lúa mọc ốm, vàng vàng. Dân không giàu là phải. Nhiều nơi cây đại rậm rạp, lẩn át ruộng, mọc ngay giữa ruộng. Khó tìm được những cánh đồng trống nhìn mút mắt ba bốn ngàn thước không một bóng cây cao như bên miền Tây, Vinh-bình, Phong-dinh, Châu-đốc. Người ta không hiểu từ bao đời nay người Miên ở đây họ làm gì ?

Svay Rieng, Takev, Kompong Trach, Kampot, một thành phố miền biển : Kep . . . Chúng tôi chỉ được biết Svay Rieng qua bộ Mặt Bathu, một phần Bathu, một nơi quá gần Mộc-hóa, nơi có mấy xóm nhà lính Bắc-Việt lập giữa đồng trống, nắng cháy, trơ trọi, nước chát mùi rế cây. Mới vào chúng tôi không ngờ sẽ phải cực khổ mấy ngày liền tại xóm mô hình này. Không ngờ dưới đất cỏ lại có thật nhiều súng. Chúng tôi cũng chỉ được biết Takeo qua một nơi cách tỉnh lỵ 7 cây số. Nơi này chúng tôi dựng một tiểu đoàn địch vào giờ ở Saigon chuẩn bị cử hành lễ Phật-đản, máy thu thanh loan báo vài giờ nữa bắt đầu cuộc hưu chiến. Một ga xe lửa

ki á đẹp đầy lính Việt nam, với những khẩu trọng pháo chia hòng về núi; và một phần thành-phố còn ngủ, lính nháy dù Miên canh gác các đầu đường, ngã tư, trên các lầu cao — Những quận lỵ nhỏ nhắn, gồm 15, 20 gian nhà nằm hai bên tỉnh lộ, quốc lộ, nhiều người Tàu. Tỉnh lỵ Kompong Trach tôi qua lại nhiều lần nhưng tôi không biết đó là một tỉnh-lỵ, bạn tôi bảo đây là một thứ Chương-thiện.

Phố xá nào cũng đóng cửa. Người lớn trẻ con đứng trước hè đường, đứng dựa cửa, khoanh tay hay chấp tay sau lưng nhìn chúng tôi ngó nghiêng trên thiết-giáp xăm xập chạy qua. Họ trì chí, buổi sáng chạy ra xem, chiều chúng tôi về họ cũng ra xem, ngày nào cũng vậy. Họ lom lom nhìn các chiếc xe lạ mắt, hung hãn, rồi nhìn chúng tôi. Thấy cái nhìn của họ tôi trực nhớ lại là lính Việt đã có mặt ở đây từ nhiều năm qua, nay đoàn lính ấy đã bỏ chạy... và đoàn lính Việt khác đến. Và, qua cái nhìn đó, tôi bỗng thấy thông cảm với những người dân quê bên mình sống các làng xóm xa xôi. Họ được mấy toán lính giàu sang ngắm họ thế nào? Giống như tôi đang nhìn người Miên đây không? Và khi nhìn các toán lính ấy, đầu họ nghĩ gì? Đến nay mới biết thông cảm như vậy kể cũng quá chậm.

Sau này, tại các phố, thấy nhiều hàng nhỏ bày bán ngay trên hè, trước mặt các tiệm lớn chắc trước kia khá lắm. Họ bán thịt heo, gà nướng, bánh ngọt, bánh mặn cháo, bún, cà phê, nước đá, và xoài. Quanh quần chỉ các món đó. Chúng tôi biết giá 40 riels một con gà cồ, 5 đồng một tô hủ tiếu, một đồng một cái bánh ngọt, một đồng một trái xoài chín. Xoài rẻ. Người ta đổi với

một riel lấy 5 đồng tiền Việt, rồi đem về đổi lại có thể được 7 hay 8 đồng — Thành phố lớn Kampot tôi chỉ được vào chơi vài giờ, nhằm ban đêm. Nó không giống một thành phố nào, không đồ nát và nhiều lính tráng như các nơi bị chiến tranh đến viếng, không vui vẻ như thành phố thanh bình. 6 giờ giới nghiêm. Chúng tôi thả bộ trên các con đường đèn thật sáng, sạch như có người chăm quét từng thước đất, sạch có lẽ nhờ trận mưa lớn khi chiều và dân ít đi phố. Nhà thông tin gần sông mở loa đọc to một bài dài, chắc thuộc loại «bình luận», cứ một hai câu lại thấy có nói đến «Sihanouk», chắc họ đang chửi bới người cũ. Tại phòng Thông-tin này lần thứ nhất tôi thấy hình Lon Nol và S. Matak treo trịnh trọng... Rạp chiếu bóng còn treo tấm bảng vẽ hình một phim họ chiếu hồi tháng 3 Các người bán quá nhũ-tiểu đều nói rành tiếng Việt. Hai cây cầu qua sông nối liền hai dãy phố, nằm im, rất nên thơ. Khách sạn ba tầng. Toàn lính Miên 8 người sắp hai hàng dọc đi tuần chậm giữa đường, súng mang trên vai. Sau đó, trong một chuyến hộ tống, chúng tôi được biết thành phố nghỉ mát Kep. Nó nhỏ, không đẹp lắm, chỉ các trụ điện cong cong là đặc biệt, có lẽ của Pháp, hay Tàu.

oOo

Sắp tối, đoàn xe chạy rẽ qua một tỉnh lộ xấu. Ngang một ngã ba, trước cái sân rộng của ngôi nhà gạch mới có một toán quân Miên đang tập hợp. Họ phân phối công tác đêm. Đứng bốn hàng dọc, hơn một Đại-đội. Họ mặc đồ lính Bắc Việt, một ít đồ lính Mỹ. Có cả quần trắng, áo rằn. Mũ đỏ lính dù, mũ nồi màu vàng, mũ lát, Người

mang dép, người già, người đi chân không. Trông toán quân như có một vụ tập họp đủ mặt lính Mỹ, Trung cộng, Bắc Việt. Súng AK mới, CKC mới, súng Carbine cũng rất mới. Mé đường đắp một ụ đất kiên cố, bao cát chất bên trên. Đám trẻ nhỏ ngồi chơi với người lính đưng gác. . . thêm được một khối người tập tành lao vào cuộc, họ bắn giết. Ban đầu bao giờ cũng lúng túng, ngờ nghệch. Rồi người ta sẽ dạy cho các anh đủ thứ, gồm cả sự can đảm. Sống như uống thuốc ngủ, mang kính mờ quanh năm là can đảm. Chết tức tốc, dơ dáy như chó bị xe cán là chết can đảm, đẹp, và cần thiết. Không lâu các anh sẽ đốt nhà mà không thấy bút rớt trong lòng, giết người có giấy khuyến khích, bắn lẹ chừng nào tốt chừng đó, bắn nhiều bao nhiêu mau lấy lại cái hòa bình các anh vừa đánh mất bấy nhiêu. Các thanh niên trong làng quê 25, 27 tuổi đầu đứng trước súng đạn thấy bỗng thành như những đứa trẻ, đầu dám nhìn lâu một khẩu súng. Đúng là một lũ thua xa trẻ con Việt-nam... Có ngày chúng tôi gặp đám đông đàn ông, phần nhiều trên dưới 30, hân hoan kéo nhau ra xã lãnh AK, Carbine về giữ xóm, đóng một vai dân vệ. Họ nói lú lo, mặt họ vui thật tình. Không hiểu họ nghĩ gì trong đầu. Bên Việt-nam cảnh này đã xảy ra thời 1930, hay trước sau 1945? Họ có nghĩ đến những cây cầu, những phố xá, những con đường sắp trở thành của nợ? và những đêm? — Đường xe hơi ở đây, lâu đời, vẫn tốt. Một vài tỉnh lộ có rải rác ít ồ gà nhỏ, nhưng khó tìm những ổ trâu như trên các con đường khó tả của chúng ta.

.

Nơi nào có lẽ cũng thấy được những

hình ảnh giống như các nơi chúng tôi đã đi qua — nhà có chân, trên người ở, dưới trâu bò và heo gà ngủ. Nước phân bò, ruồi nhặng vo ve bên lũ nhỏ ngồi chơi dưới đất. Cối xay lúa, cái chõng cũ, cái xe bò, chiếc xe đạp, các hủ đựng nước mưa... và một mùi khen khét vương vất đâu trên đồng quần áo sậm màu đất, mùng mền nhăn nhúm, gối đen sì, các tô đĩa nhiều màu, hay trên các đầu tóc như đơm ít màu nâu — người da đen sậm, tóc cứng — Những chiếc váy nhiều màu sắc, hoa lá.

Có nơi người Miên nhìn chúng tôi bằng bộ mặt đờ đẫn, đôi mắt yếu và buồn — Trông họ tôi nhớ các xóm dân dinh điền tôi đã gặp tại một nơi không rõ thuộc Kontum hay Pleiku. Đám dân này ở trong các mái nhà, lớn hơn cái lều giữ dưa một chút. Nhà cửa, cây cối, quần áo đều ngả sang màu đất xám, gần trở thành màu đỏ như đất dưới chân họ. Da mặt đám con nít xanh dễ sợ. Ai cũng mang cái hình dạng lơ lác. Tôi không hiểu trên mười năm nay làm thế nào họ sống được. Càng khó hiểu, những ngày đầu tiên, khi người ta xúc họ đem đồ xuống nơi này, họ xoay sở thế nào. Chắc phải ngủ chung với cọp, chim rắn, và sâu cây. Phần đông họ nói tiếng Bình-định, và tiếng Quảng. Chúng tôi dừng nghỉ tại các xóm này mấy ngày, cho đến lúc đi chắc cũng chẳng ai hiểu được "dinh điền" là cái gì, nó ở chỗ nào — Có nơi người Miên hùng hồ, dữ dằn. Các toán lính hai ba người đi lục soát lẹ, mang súng đạn công kênh, vẫn bị họ vác dao lớn lăm lăm canh cửa. Những tướng này nếu mình tay không thật là khó mà sống được. Tôi nghĩ ngay đến những xóm dân Việt ở những nơi hẻo lánh, ngoài sự sẵn

sàng chết, họ còn biết làm gì?

Tôi mong được lên Nam-vang, để thấy những con đường, đèn đài tôi biết qua các bức hình lớn có quốc trường Sihanouk với đông đảo dân chúng chòm chòm bốn bên. Chiến tranh, đánh nhau hình như không mau chán như gái điếm, nhưng đi vòng vòng mãi trong mô vùng cũng chẳng

thích thú gì. Tôi muốn bắt tay từ giả các tỉnh nghèo khổ chúng tôi dầm hai tháng nay. Những tỉnh khác, chắc phải có nơi vui hơn Kampo'. Những đồng lúa khác chắc phải khác với những mảnh ruộng xấu, loang lổ bờ bụi nơi này.

(Trăm Sasar. 70)

LE VĂN THIỆN

Chúc Mừng

Thân chúc

*Anh Nguyễn-Hữu-Kế
và Chị Nguyễn Cửu Thị Lựu
trăm năm hạnh phúc*

*vợ chồng Nguyễn-Đức-Sơn
vợ chồng Hoàng-Ngọc-Châu*

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

THUỐC ĐỘC

- Em mệt không ?
- Không ! không ! tại sao ?
- Trông em rã rượi Chúng ta nên về ?
- Em làm phiền anh ?
- Sao lại có chuyện đó !

Không ! không ! Tại sao ? Những ngày tháng trong thành phố này chỉ có chiều cao mà không có chiều ngang Nhìn lên mãi sẽ gầy còm và nhìn xuống thì chóng mặt. Ôi mệt mỏi ! tại sao không về ngay bây giờ để người đàn ông đó ngồi lại nơi chiếc bàn anh vẫn ngồi với chính anh (có một con người khác trong tôi — anh nói — rất dễ sợ khi phải một mình với nó) hay với bạn hữu anh.

— Ông Toại nói sao ? các ông là những kẻ thất-nghiệp-nhà-nghề à ?

Sao không về nhà ngay bây giờ ? để làm gì mới được chứ ?

Tắm rửa, nôn ọe và khóc nếu cần. Tôi vẫn khóc như thế, những khi không có gì đáng cho mình xúc động. Tôi là đàn bà mà ! Không ! Tôi chỉ là một đứa trẻ thơ. Chưa trao thân cho một người đàn ông thì chưa gọi là đàn bà (có đáng hãnh diện không con bé Hương ?). A ! Trao thân, một danh từ đẹp đẽ nhưng đáng sợ.

Thụy ngồi trước mặt tôi gầy ốm. Anh cũng có những buồn phiền được đốt cháy âm ỷ tiêu mòn đời sống anh. Thụy ngồi nhìn ra ngoài đường như chờ đợi ai. Ai ? Tôi đã đến ! Đôi mắt Thụy

trũng sâu, thiếu não. Đôi mắt ! Tôi ngại mình sẽ phải bối rối xuôi tay một ngày nào đó. Ngày định mệnh của chúng ta mở ra (hay khép lại ?)

— Đốt cho em thuốc.

— Nãy giờ Hương hút thuốc hơi nhiều. Em nên...

— Em xin anh mà. Anh lại sắp nhắc...

— Thôi vậy ! anh xin lỗi.

Anh xin lỗi. Que diêm lại thắp lên. Que diêm này thứ bao nhiêu trong một ngày ? trong một năm ? trong một đời ? Những que diêm khác ? Thụy vẫn giữ, có vẻ nâng niu nịnh bợ, những mảnh diêm quẹt bla trắng. Tôi vẽ lên đó với bút màu trong sổ ; khu rừag những cành cây đen, người con gái có đôi mắt chết, những mảnh màu ghép lại chẳng có ý nghĩa gì. Thụy bảo em khéo tay có lẽ vậy. Tôi vẽ để giết thì giờ nhàn rỗi bên máy điện thoại — có thể là tôi chờ điện thoại của Thụy hay những người khác, Dũng, Văn, Hoàng... Những người đàn ông ấy muốn gì ? và tôi có gì để họ phải ân cần sẵn đón ? — Hay tôi phải giả vờ chăm chú vào một công việc nào đó để tránh đôi mắt xanh biếc của Mario ?

Hương không giống những cô gái VN khác.

Đó có phải lý do để Mario mua một bông hồng nhung cho tôi vào mỗi sáng thứ hai đến sở. Tôi đã nghĩ

gì về Mario, Dũng, Văn, Hoàng... cả Thụy nữa. Tôi không muốn nghĩ gì hết. Những người đàn ông vây quanh, cười nói hút thuốc. Những đôi mắt thăm thẳm thì buồn bã, say đắm. Tôi xin được yên nghĩ. Tôi muốn được yên nghĩ. Hãy quên đi! Hãy sống: đi, đứng, ăn uống, ngủ thờ như mọi người trong thành phố này, cười mỗi buổi sáng thứ hai nơi bàn việc với bông hồng tươi; thăm trước mặt, đáp đã dịu dàng tia nhìn xanh biếc quyến luyến vây phủ của Mario. Hãy hé môi nhận nụ hôn mê hoặc — chắc là vậy — của Thụy vào mỗi đêm thứ bảy và nuốt vào phổi cho cùng tận mùi lotion cao râu gay gắt vô chanh của chàng. Tôi chợt rùng mình, nghe như nổi gai trên thân thể.

— Anh không nói chuyện gì với em nữa sao?

— Nay giờ chỉ một mình anh nói, em vẫn im lặng. Anh muốn im lặng để được gần em hơn.

— Em xin lỗi anh.

— Không! em chẳng có lỗi gì. Có lẽ anh phải, không! chúng ta chứ! đồng ý, nghĩa là thỏa thuận về câu chuyện sắp nói. Một lời hứa nào đó...

— Đừng là những lời hứa anh! em sợ những lời hứa. Nói với em là đừng bắt em hứa gì cả. Đừng bắt em phải là một cái gì đó với em, với anh hay trong câu chuyện của chúng ta...

Đừng bắt em phải là một cái gì đó. Tôi là cái gì? Sự buồn bã của Thụy, đối tượng tranh dành của Dũng, Văn, Hoàng một miền xa lạ đối tim trong đôi mắt Mario. Tôi không được là gì của chính sao? A! còn là kẻ giữ những bức thư tình của Tấn nữa chứ! Làm sao tôi trả lời được những câu hỏi nóng nảy

của Tấn nữa. em yêu anh, em yêu anh! Không! xin lỗi Tấn dù Tấn chẳng còn nghe được nữa. Tôi chưa bao giờ yêu Tấn? chẳng hiểu sao tôi vẫn khóc mỗi khi Minh đến báo tin Tấn chết.

Chết thật sao Minh? chết! sao dễ dàng quá vậy? ở đâu?

Mãi tận ngoài Đông Hà?

Và đêm đó Minh ngủ lại với tôi để an ủi. Tôi nghiệp Minh quá! Tôi đã đóng kịch với Minh hay đóng kịch với chính tôi. Tại sao tôi khóc. Tôi yêu Tấn thật sao? Không!. Trời mưa ào ạt trên xóm, bên nhà dì vắng tiếng hát một điệu vọng cổ. Đêm đó thứ sáu phải không Minh? Tôi mặc tình đốt thuốc để nhớ Tấn. Tôi cố nhớ về Tấn một lần, một lần rồi tôi sẽ chẳng còn dịp nào nhớ nữa đâu. Minh nằm cạnh cứ làm nhảm mãi về Tấn. Vâng! vâng tao biết rồi, người chết nào cũng đẹp để và hoàn toàn cả. Ngủ đi em mộng bình thường.. Minh mò dậy đặt một đĩa hát vào máy, Khi Minh cúi xuống, sau chiếc áo rộng cổ tôi nhìn thấy trọn bộ ngực trắng ngần tròn trĩnh mát rọi của bạn. Khỏi salem làm tôi lao đao. Hơi thở của anh đó Thụy, một đêm thứ bảy rạo đời môi Thụy bò trên bờ vai. Đôi môi có mọc những gai mềm không? Không! không! tôi không để cho anh tới những nơi anh muốn tới.

— Hay nói chuyện gì về hạnh phúc đi anh.

— Hạnh phúc là gì? chẳng lẽ đất đầu như thế!

— Em không có hạnh phúc vì em không biết định nghĩa chúng.

— Mình em thôi sao?

— Đoạn đường gần sở em người ta đang chặt cây để mở rộng mặt lộ.

— Anh không hiểu...

— Đề yên em nói mà! Em phải đi vâng lời công lý, tiện ghé thăm Minh. Đạt có mặt ở đó và hai người đang cãi cọ lớn tiếng.

— Chắc lại chuyện ghen tương phải không?

— Đại khái vậy đó! Đạt tát Minh một cái bạt tai. Em can mãi không được, giận bỏ về. Tan sở buổi chiều em lại ghé Minh lần nữa, đẩy cửa vào thấy họ nằm ôm nhau ngủ ngon lành. Trên mặt bàn salon còn mấy khúc bánh mì ăn dở. Như thế có phải là hạnh phúc không anh?

— Một thứ hạnh phúc gay gắt.

Một thứ hạnh phúc gay gắt. Chúng là gì? Một ngày mệt ngất, leo đèo hơi nóng phải tưởng cháy quần áo, chín khô queo da thịt? Những đêm Strep o chạy rần rần như kim châm cùng khắp thân thể. Tôi chong mắt nhìn lên nhìn màn trắng, tưởng đâu đó lướt thướt sương mù trên vùng biển cát lún nơi mình ra đời, lớn lên nô đùa, nhảy nhót, ca hát. Đời là vùng xanh trước mặt thuở đó... thuở đó. Những đêm tôi lắng tai nghe tiếng đồng hồ quả lắc lững thững khi xa khi gần đi về và những dịp gõ ngân nga kinh khiếp, nghe như tiếng gọi run rầy. Nơi nào? Nơi nào? cho tôi theo cùng. Những đợt sóng tối bữa xuống. Không! tôi muốn thở. Tôi muốn nôn mửa. Tôi muốn khóc.

Vải trải giường vẫn trắng như vải tiem. Tôi ngã xuống đó mỗi đêm trở về đề sợ hãi (đôi khi ước muốn) có một buổi sáng không còn dậy nữa. Rồi đến một lúc không còn nhìn, không còn nghe, tôi trôi đuối vào giấc ngủ cùng với những gối dài, gối ngắn ngồn ngang. Tôi phải thấy mình được chèn cứng

lại ngay khi tôi nằm xuống, như một kẻ đắm tàu muốn ôm đại những mảnh gỗ trôi dềnh chung quanh — Tôi phải ngủ. Tôi ngủ bây giờ đây! hút hết điếu salem này đi.

Thứ con gái hút thuốc hơi mù như đi điếm.

Má! Má! má không thương con. Một con điếm ra khỏi cửa mình của má sao? Nhưng con vẫn thương yêu má. Thương đó không thể tách rời ra khỏi con vì nó là thịt da, xương máu, lông lá.

Tôi mơ ước một nơi để về (gọi là về). Không có chỗ nào hơn là bên mẹ, tôi hiểu. Nhưng người mẹ đã không muốn nhìn nhận một đứa con gái hư hỏng. Tôi hư hỏng thật sao? từ bao giờ? không! tôi vẫn chỉ là một đứa trẻ thơ. Má! con mong ước chuyển xe trở về và má cho con ở lại mãi mãi. Tôi vẫn mơ ước về thành phố của mẹ của ba, nằm ép giữa núi và biển, suốt mùa gió lang thang qua các ngã đường nhựa sạch sẽ. Tôi không thể quên từng gốc cây trong vườn. Tôi muốn được lột giày đi trên cát lún âm ỉm lòng bàn chân và cười nắc nẻ như trẻ con (còn gì sung sướng hơn được làm trẻ con trở lại).

Một người đàn ông đi ngang bên ngoài cửa kính đưa tay chào Thụy. Tôi thoáng thấy ông ta sau bức hình vẽ ông già Noël và những hình nộm đắp bằng tuyết. Người đàn ông mang kính cận, trông hơi quen quen, chắc đã ngồi chung bàn với chúng tôi một lần. Tuy mỉm cười vẫy tay chào.

— Hương nhớ tên Tự đó không? Bác sĩ sản khoa nhưng lại thích làm chính trị.

— Vậy thì ông ta vừa cứu người vừa giết người.

Thụy cười nói em khéo ví von. Tôi

hốt hoảng nhớ lại chiều nay quên đến phòng mạch ông B. Tôi còn muốn sống đến thế sao?

Cô yên tâm bệnh phổi. — Ông B. muốn tránh chữ ho lao chẳng?

Không đến nỗi đáng sợ như nhiều người tưởng như cô cần phải tĩnh dưỡng, giữ gìn sức khỏe và kiêng cử nhiều thứ.

Đó là lần đầu tiên người ta báo cho tôi, một xác định thì đúng hơn, là tôi mắc bệnh. Dù sao tôi cũng không còn phải nghi ngờ gì nữa. A! Tuber, hơi thở của tôi có tởm như một vũng bùn trong chợ cá hay không?

— *Chiều nay em quên đi khám bệnh rồi, mai vậy! mai vậy!* Chắc có nhớ được không? hay lại quên, lại hẹn một ngày nào khác. Tôi chợt bật cười. Tôi vẫn cười như thế khi mọi người im lặng. Đôi khi thấy mình hôn xướt, xác lác. Tôi khỏi bệnh ư? khỏe mạnh, thơm tho như một mầm đậu vừa ngoi lên khỏi luống đất ẩm. Tôi sẽ lấy chồng Ai? Dũng. Văn. Hoàng, Mario, Thụy hay lão Jean nữa (Cứ cho hẳn vào trong số đó dù đã có lần mình nghĩ lão là tên heo già ngoại quốc dơ bẩn). Tôi sẽ có những đứa con. Nếu là con của tôi và Mario thì mắt chúng chắc sẽ xanh biếc như một khoảng biển êm nhìn từ phi cơ xuống. Biển là tuổi thơ của tôi mà!. Biết đâu tôi lại không tới Rome của Mario, Ừ biết đâu! Một lần ngồi đánh cờ ca-rô với Mario, Hẳn đùa: Chắc cô Hương biết câu đường nào cũng đưa chúng ta tới thành La mã. Tôi bỗng nổi giận vì vẻ tự tin của Mario. Tôi gạch chéo vào ô cuối cùng và trả đùa: Và ngõ nào thì anh cũng thua ván cờ này. Nhưng dù sao Mario cũng có vẻ dễ thương,

kiên nhẫn, và bất thiệp của một người Âu có học. Tiếc thay Mario không phải là người Mỹ để tôi chả có gì phải suy nghĩ về bông hồng nhưng mỗi sáng thứ hai của Mario.

Ngày lạnh đã bắt đầu từ nửa đêm nào đấy trời chợt nổi gió bắc. Những hình vẽ trên cửa kính tiệm quán nhắc tôi mùa Giáng sinh đến gần. Đêm Noel năm ngoái tôi đi lang thang với Tấn mãi gần sáng mới về, lạnh cóng cả chân tay. Đêm cuối cùng với Tấn chỉ như vậy sao? Bây giờ tôi chợt ân hận không để Tấn hôn đêm đó nếu biết Tấn sẽ chết gần một năm sau. Chúng tôi đứng trong một mái hiên cao, bóng tối và ánh đèn điện về khuya mờ mịt bỗng bẽn lẽn như những đợt sóng nhẹ, lạnh căm căm. Tấn cúi xuống khi chuông nhà thờ Đức Bà đổ hồi. Tôi cúi mặt lần tránh. Tôi nhớ đôi mắt buồn ngáy của Tấn sau đó. Tôi đâu có muốn làm nổi buồn phiền của mọi người?. Trên cửa kính trong tiệm ăn người ta vẽ những hình nộm tuyết, ông già Noel đánh trống và chiếc xe do nai kéo đang bay về trời. Tôi tự nhủ sẽ cầu nguyện cho Tấn vào lễ nửa đêm, mong Tấn sẽ đáp chuyến xe đó chứ không phải chiếc xe thiết giáp cháy tiêu tủng của anh và người ta không còn tìm được gì ngay cả hai tấm thẻ kim khí lủng lẳng trước ngực, đã có lần làm tôi bật cười. Tôi không yêu Tấn nhưng cái chết của Tấn là một ám ảnh không rời. Tại sao? Tại sao tôi cứ mãi phải giữ một vai trò trong thảm kịch của người khác và của chính mình.

Lần dự định bỏ đi xa với Thụy đôi khi là những nao nức khó tả trong tôi, cộng thêm những ngại ngùng sợ hãi không duyên cớ. Tại sao không? hoặc

là tôi không muốn tưởng tượng ra chúng, hoặc tôi nghĩ rằng chúng sẽ chẳng bao giờ xảy ra. Tôi vẫn nói với anh rằng tôi cũng muốn đi cùng anh đến một nơi nào đó để thở được, để đỡ buồn chán, ngọt ngào như trong Saigon. Một vài ngày, một tuần hay hơn nữa. Tôi còn mười lăm ngày phép thường niên vẫn để dành đó (cho một dịp may một định mệnh).

Cô nên nghỉ ở vùng bờ biển, hồi này trông cô yếu lắm đó.

Tôi cười nói với Mario là tôi không sao cả, có lẽ tại thiếu ngủ vì kỳ thi tới gần... Nói tới đó tôi lại nghĩ đến Tấn và cái quán học hẻm trong trường luật Tấn vẫn thường đợi tôi với vẻ bồn chồn khó chịu cho đến khi tôi ngồi xuống trước mặt. Vẻ nôn nóng của Tấn khiến tôi thoải mái, tự mãn. Bây giờ thì không, tôi chẳng là cái gì cả...

— Anh vẫn còn ý định đi Đà Lạt ?

Thụy nhìn tôi dò hỏi, yên lặng. Trong sự im lặng đó tôi nghe được niềm bất an nơi Thụy — Có nghĩa rằng em không muốn đi nữa chẳng ? Em lưỡng lự phân vân ?... — Thụy cười nhẹ, cầm chiếc thìa gỗ lên tách trà gọi tính tiền.

— Mình đi vòng vòng một chút

Tôi vừa nhớ ra là phải mua thiệp Noel cho Mario và vài người bạn cùng sở. Chúng tôi được ra đường. Rạp chiếu bóng vừa vắng, đám đông và những khuôn mặt nhợt nhạt. Người ta tụ quanh cái bồn phun nước. Thành phố ban đêm đủ màu sắc huê dạng. Tôi hít một hơi dài và đi sát vào Thụy như tìm được một chỗ vừa đủ nương tựa để khỏi có cảm tưởng mình chìm vào đám đông. Anh nắm tay

tôi những khi băng ngang đường và bàn tay anh thật ấm áp. Nhiều lúc sự chiều chuộng của Thụy làm tôi muốn khóc. Anh săn sóc tôi trong sự im lặng không chút ngờ vực làm tôi lại muốn khóc nhiều hơn. Tôi có cảm tưởng là Thụy nhìn suốt qua tôi, qua mọi ý nghĩ, biểu tượng hành động. Anh như đọc được những lời nói hay mưu toan trong mắt tôi. Điều đó làm tôi sợ hãi, làm tôi muốn lần trốn Thụy, không bao giờ gặp anh nữa. Nhưng cuối cùng ý nghĩ tự chúng chỉ là những cơn nín tuyệt vọng vì tôi không thể nào nói với chính tôi câu nào khác hơn là tôi yêu anh. Thụy có vẻ im lặng buồn bã, bất cần và những thay đổi đột biến trong anh làm tôi chạy theo muốn hụt hơi.

— Đêm Noel anh sẽ có mặt ở Đà Lạt dù em không đi.

Anh định mai đánh điện tin cho chú Cao.

Tự nhiên Thụy nói với tôi như thế khi chúng tôi đang chọn mua vài tấm thiệp Noel. Giọng Thụy quả quyết. Thụy đã nói nhiều lần với tôi về dự định này. Anh muốn trở về thăm Đà Lạt vì nhiều lý do. Thứ nhất là cần phải ra khỏi Saigon ngọt ngào; thứ hai là anh sắp đi lính, anh muốn tìm lại thành phố nơi anh sống những ngày còn đi học của anh. Thụy nói: "kể cũng đến hai năm anh chưa lên đó, nếu có em đi thì lần này hẳn là vui. Anh lại được dịp đọc sách và ngủ quên trước lò sưởi. Nhà chú Cao đứng trên đỉnh đồi gần như lẻ loi. Đằng sau là rừng thông. Buổi sáng thức dậy em sẽ thấy những ngọn cây nổi lên bình trong sương mù. Xuống phố tuy có xa một chút nhưng đi bộ trong trời rét ngọt cũng là một cái thú. Từ đó nhìn xuống hồ thấy gần. Những cây hoa đào bên

bìa đốc chắc đã đầy những nụ hồng nở. Ở đó là tuổi mười sáu của anh với những bài thơ tình ngu ngơ đầu tiên. Đêm giáng sinh mình đi lễ ở nhà nguyện Nazareth, rất nhỏ vừa đủ cho vài mươi người nhưng đẹp và yên tĩnh. Anh nghĩ ở nơi u trầm như vậy người ta sẽ thấy được gần Chúa hơn.»

Tôi hiểu đó là những ngày hạnh phúc của anh. Những ngày bình yên nhất của mỗi đời người. Thụy ghi nhớ chúng bằng hình ảnh lược thướt sương mù trên mặt hồ và những đêm xanh đen trong đời thông sau nhà. Lời nói của anh xô đẩy tôi như những đợt sóng ấm, sớm mùa hè mở mắt nghe tiếng chim sẻ riu rít. Tôi cảm thấy nao nức cũng muốn về thăm N để thăm mẹ và biển của mình một ngày nào đó. Một ngày nào?

— *Em đi chứ... Nếu có thể đến một nơi nào xa hơn thế, thật xa! Anh có biết một nơi nào xa như thế không?*

Tôi không nhìn lên nhưng tôi biết Thụy đang nhìn tôi đăm đăm cố hiểu xem tôi muốn nói gì. Chẳng bao giờ anh hiểu được đâu!

— *Nơi nào? Anh chịu*

Tôi định nói với Thụy rằng nơi xa nhất là cõi chết nhưng lại thôi.

— *Em cũng không biết*

Những đám đông xuôi ngược trên hè phố, sự ồn ào vây níu lấy tôi. Giả dụ nếu chỉ có một mình đứng đó, đang tần ngần không biết chọn tấm thiệp nào cho vừa ý, chắc tôi sẽ chong mắt vì cảm giác mình đang trôi theo đám đông như một nhánh củi mục trên giòng lũ. May còn có Thụy nhưng khi anh ta bỗng trở nên lạ mặt trong tôi. Đôi khi, hiếm hoi nhưng không phải là không có, sự lạ

mặt cảm thấy đó chính là những quyết định, những đổi thay độc đoán ở anh tôi vẫn thường phải đuổi theo hệt hơi. *Em cũng không biết, chỉ là một cách nói; tôi không muốn anh hiểu gì thêm.*

Tôi nghĩ bụng nên mua ảnh bông hồng này cho Mario. Tuy đang chọn hình một ngôi giáo đường nhỏ, tuyết rơi trên những lối quanh và có hàng rào sắt cao vút. A! nguyện Nazareth của anh! Có khi nào em chiếc nhẫn của anh nói đó? Và chúng ta dắt tay nhau đi ra. Mọi người ở phía sau lùi vào sương mù. Hạnh phúc nào trong chúng ta cũng chỉ là ước muốn. Tại sao vậy? Hiện tại của tôi và Thụy hình như luôn luôn chẳng là gì chỉ là một thành phố hỗn độn, cố nờ nức để có cảm tưởng đang hạnh phúc, bình yên. Tôi thì phải ở lại đây dù tôi không không muốn. Đời sống một đứa con gái như tôi nô lệ vào thành phố không thoát ra được. Mọi dự tính của Thụy đều phải ngưng lại (chưa biết bao giờ mới tiếp tục) vì sắp đi lính.

Em nghĩ sao à? Em không biết phải nghĩ thế nào khi anh đi xa. Đi lính và ra mặt trận, thông thường người ta nói như thế. Em còn xa lạ với những chuyện đó. Không biết rồi sẽ cảm thấy gì... Một người bạn học cũ đóng ngoài Quảng-Trị kể về những trận đánh của anh ta và kết luận thắng hay thua cũng chỉ là một thảm kịch không hơn không kém. Vâng! có chứ, oi mà chẳng ít nhất một lần thấy người chết. Em cũng nghĩ Tấn muốn nói tới thảm kịch và những vai trò im lặng bất động đó. Không muốn em rơi về cõi chết à? em không bị ám ảnh gì cả...

Trong tiệm ăn tiếng máy lạnh chạy rì rào, mặt bàn trải khăn trắng bày sẵn muông nĩa bằng bạc. Bông hồng nhung cắm

trong chiếc bình nhỏ xíu nở bung. Vài cánh gấn muốn rụng trông buồn bã. Tiếng xe cộ chạy ngoài đường nghe thoảng xa hút. Thụy chăm chú trên tấm nĩa thực đơn. Trong ánh sáng mờ của ngọn đèn chụp đèn ở cuối bàn tôi thấy anh hốc hác hơn, Bóng tối trên quầng mắt anh chìm đắm. Tuy là người đàn ông bỏ xa tuổi của mình.

Gọi gì ăn đi chứ Hương!

Tôi nói sao em chẳng thấy đói gì cả, Thụy nói không đói cũng phải ăn chứ. Tôi đùa: hình như mình đã tiêu tiền một cách hết sức vô ích suốt buổi chiều nay. Thụy cười đáp;

— Hôm qua anh được bạc, hơn nữa mai mốt anh đi rồi, được ngày nào hay ngày nấy. Thụy vỗ tròn bao thuốc bỏ vào

cái gạt tàn bằng thủy tinh lớn quá khổ để ở một góc bàn, châm cho tôi thuốc cuối cùng. Hơi thuốc bạc hà chọt làm tôi choáng váng lạ thường. Ngọn đèn trước mặt như hao nhằng và mờ đi. Thụy cũng dường như tan vỡ trong khói với khuôn mặt di dạng. Tôi cố mở mắt nhìn Thụy. Thật tôi mệt quá sức, làm sao thì cũng qua hết một ngày thêm một ngày khác, cứ phải cố gắng, chịu đựng mà đi qua. Cô hầu bàn đặt chiếc khăn nóng vào tay, tôi áp lên mặt trong cùng. Một lúc mình bị đốt cháy theo những điều thuốc: khói và bụi của thành phố nung nấu.

Đàn lẳng lẽ đồ xương như một thác thá: lũ đặc quánh.

ĐINH-NGUYỄN

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12

LABOHADZER

- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHỔI.
- MỆT MỎI .

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

SỐ KN 28 MBYTIQCPD

BASTOS *Luxe*



巴
士
多
金
牌
煙
多
地
超
等
名
貴
大
方

Siêu Đẳng Thượng Hảo Hạng

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

ACTIVIT

THUỐC TRỊ LAO LỰC, BỒ MÁU, BỔ PHỔI
BỒI BỔ CƠ THỂ
CÓ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN

Sách Cadao mới phát hành :

- **THI CA TƯ TƯỞNG** tức **ĐI VÀO CÔI THƠ**
cuốn 2 của Bùi Giáng, 120đ.
- **CA KHÚC CỦA QUÁN CÀ-PHÊ BUỒN**
của Carson Mc Cullers, 100đ.
- **THẾ GIỚI TÍNH DỤC** của Henry Miller, 150đ.
- **MẶT TRỜI VÀ DÒNG SÔNG** thơ Phạm Nhuận
mẫu bìa của Đinh Cường, 2 phụ bản màu của Tôn Thất Văn,
in toàn trên giấy quý Croquis, 200đ.
- **TRÍ NHỚ HOANG VU VÀ KHÓI**
tập truyện của Hoài-Khanh, giá 110đ.
- **GIÓ BẮC. TRẺ NHỎ ĐÓA HỒNG VÀ ĐẾ**
thơ Hoài-Khanh, bìa và phụ bản Đinh-Cường giá 200đ.
- **NHÂN SINH QUAN VÀ THƠ VĂN TRUNG-HOA**
của Lâm Ngữ Đường Nguyễn-Hiển-Lê dịch

Thư từ liên lạc xin gửi về : Hộp thư 2287 Saigon

TRUNG TÂM NHÂN XÃ

(Anthroposocialism Center)

2 Nguyễn văn Thinh Saigon

Hoàng-Xuân-Việt sáng lập và điều khiển

T.T.N.X. : Là Học viện đầu tiên ở V.N. để xướng giáo dục Hậu học đường và Bồ túc đại học về các khoa Tự Lập Thân. Giảng huấn tại trường và hàm thụ ở xa.

T.T.N.X. : Phổ biến Nhân xã học là môn học được trình bày trong 74 tác phẩm của Ông Hoàng Xuân Việt thuộc loại Học Làm Người từ 20 năm nay nên Trung tâm không liên hệ gì đến chủ nghĩa nhân vị hay đảng phái chính trị hoặc tôn giáo nào cả.

12 MÔN : Do giáo sư Đại học và Học giả tên tuổi dạy tại T.T.N.X. là: 1) Hùng biện, 2) Xử thế, 3) Lãnh đạo, 4) Dụng nhân 5) Tổ chức, 6) Khoa học ứng dụng, 7) Tâm lý học, 8) Bán hàng, 9) Hôn nhân, 10) Hướng nghiệp, 11) Viết văn và làm báo, 12) Thuật tư tưởng.

ĐẶC ĐIỂM : Phòng tổ chức tiện nghi như Đại học. Mỗi sáng chứa nhứt có thuyết trình. Học sau mỗi giờ có uống trà. Hai tuần mỗi tối chứa nhứt khóa sinh Hội thoại bàn tròn về các môn học. Học cách học và luyện tinh thần.

Nhập khóa : 1/8, 1/9, và 1/10

Huyết mạch miền Nam

Thơ LÊ-THÚY-HÔNG

Ôi! Cửu-Long-Giang chín miệng Rồng
Ra khơi tấp sóng nhớ nguồn sông
Chảy luồng máu đất trong dòng nước
Sông nhà phủ sa lấp Biển Đông

Chia nhánh Tiền-Giang nhánh Hậu-Giang
Đôi dòng huyết mạch của Miền Nam
Máu tim cuộn chảy ôi! trù mẫn
Khởi sóng hòa hơi thở xóm làng

Mỗi cánh cò bay thẳng cánh đồng
Câu hò tiếng hát lướt trên sông
Đêm dăng câu thả xuống ba lá
Tiếng độc huyền rơi... nước nhẹ dòng

Rợp bóng dừa xanh sông Cửa Tiều
Nhà chòi khách đợi chèo đò sang
Bên sông Cửa Đại phà hơi sóng
Xơ xác gà trưa gáy trẻ tràng

Trôi dạt Ba Lai sông nước cũ
Tối rồi về núi cánh chim bay
Đèn chài hiu hắt đêm quăng lưới
Qua cửa Hàm Luông mặt nước đầy

Khói bếp bay hoài trên mái lá
Cỏ Chiên sóng bạc vỗ hồn ta
Tung cao điệu giã gạo theo gió
Cô gái Cung-Hầu cất tiếng ca

Bùn đen diêm trắng bông bần rụng
Mây cuốn buồm xuôi cửa Định-An
Trời rộng Trăn-Đề in đáy nước
Bến nào tách nhẹ mái chèo sang

Mây cao cuộn cuộn bông gòn trắng
Ba-Thắt luân lưu nước lớn rồng
Lịch sử anh hùng khai phá cũ
Còn đây huyết mạch chín dòng sông.

Thơ TRẦN THỊ THAI HÒA

tặng anh Trần-Hoài-Thư

Rồi buổi chiều anh về
nhìn lang xưa mà khóc
nhà từ-đường bom cây sâu giếng đất
ông bà nằm yên mồ cỏ xanh rờn
tuổi nhỏ quê nheo tháng ngày khoai sắn
bây giờ còn đây bụi bờ trống trơn !

Rồi buổi chiều anh về
nhìn hàng cau mà khóc
lá trầu ngày xưa cha mẹ nên duyên
đám ruộng sau hè hai mùa cấy nếp
bánh trái xôi chè cúng kính quanh rằm
kỷ niệm tuổi thơ vẫn còn in đậm
cha mẹ bây giờ nằm yên nằm yên

Rồi buổi chiều anh về
nhìn mái trường mà khóc
nhớ ngày xưa mẹ dẫn anh đi học
buổi ấy bạn đầu trang giấy trắng ngần
đưa anh đến trường mẹ về anh khóc
thầy dọa đánh đòn, bạn lêu vô duyên
năm tháng trôi đều êm như giấc ngủ
và trường bây giờ còn mỗi mái hiên
và trường bây giờ phượng không trở lá
thầy ơi bạn ơi phượng nào đã yên ?
thầy ơi bạn ơi ai còn ai mất ?

Rồi buổi chiều anh về
nhìn dòng sông mà khóc
màu nước còn xanh con đò mất rồi
con đò đưa mẹ làm dâu nhà nội
con đò đưa cha làm rề ngàn ngày
con đò đưa nàng thăm anh dịp tết
và đò đã đưa anh rời quê hương
buổi chiều anh về đò không còn rước
mây trên trời bay mây dưới nước bay
anh đứng bên này nhìn sông mà khóc
anh đứng bên này còn mỗi cánh tay !

Khoảng trống chính trị tại Á - C H Â U

Với thập niên 1970 tình hình Á-châu đã bước vào một khoảng trống chính trị. Người ta cảm thấy lục địa này đang sống trong sự chờ đợi một thay đổi lớn. Nhưng người ta vẫn chưa biết sự thay đổi này sẽ ra sao. Từ nhiều thế kỷ qua Á châu đã là một môi trường cạnh tranh của các lực lượng từ bên ngoài tới. Anh, Pháp, Hòa-lan, Tây-ban-nha luôn luôn đá lẫn nhau để tranh nhau những mảnh đất Á châu. Với thế kỷ thứ 20 một lực lượng mới ở bên ngoài tới đã xuất hiện trên chính-trường Á châu là Hoa-kỳ. Nhưng đồng thời một lực lượng cũng xuất hiện từ bên trong là Nhật. Do đó cuộc đệ-nhi thế-chiến được diễn ra trên lục-địa này dưới hình thức một cuộc đấu võ tay đôi Nhật-Mỹ từ cuối năm 1941 tới tháng 8-1945. Nhưng ngay sau đó Nga-sô, một trong những quốc-gia chiến thắng trong đệ-nhi thế-chiến, cũng nhảy vào chính-trường Á-châu hầu chiếm lại địa-vị đã mất dưới triều-đại cuối cùng của giòng họ Romanov. Song song với các hoạt động của Nga, Trung-hoa nhuộm đỏ toàn lục-địa vào năm 1949, cũng nuôi hy vọng thống-trị Á-châu

trong khi các quốc-gia Âu-châu dần dần bị loại khỏi vùng này.

Nếu giai-đoạn 1945 — 1955, mười năm liền sau cuộc đệ-nhi thế-chiến, là giai-đoạn chiến-tranh giả-phóng, là giai-đoạn thanh-toán chủ-nghĩa thực-dân, thì từ năm 1955 trở về sau chúng ta đã bước sang một giai-đoạn mới là giai-đoạn tranh đấu giữa hai khối Cộng-sản và Tự-do.

Nhưng tới năm 1970 người ta có cảm tưởng đang bước sang một giai-đoạn mới nữa. Cuộc tranh đấu giữa hai phe Cộng-sản và Tự do sau 15 năm đã gần như sa lầy, vì cán cân lực lượng chưa nhất định ngã hẳn về một bên nào.

Ta thấy hôm nay một nước này áp dụng chính sách thân Cộng thì ngày mai một quốc-gia kia loại bỏ được đảng Cộng-sản trong nước ra khỏi đời sống quốc-gia. Trước một tình-trạng giằng co kéo dài đã quá lâu, các lực-lượng liên-hệ đang tìm mọi cách để kiếm cho ra một lối thoát. Nhận thấy sự can thiệp võ trang ở ạt của mình chỉ có một hiệu quả nhất thời, Hoa-kỳ tìm cách từ bỏ vai trò canh-sát của mình. Trước dự-kiến rút lui của Mỹ, Nga chuẩn bị hoạt động mạnh để thay thế. Nhưng tham vọng của Nga vấp phải hai trở lực lớn là

Nhật và Trung Cộng. Mỹ tuy muốn rút lui nhưng lại cố gắng thúc đẩy Nhật thay thế mình trong vai trò bảo- vệ an- ninh Á-châu. Hơn nữa với hồ sơ Nga-Hoa càng ngày càng mở rộng, Trung - Cộng đã chính thức đứng đầu một hệ - phái Cộng-sản mới nhất, quyết chặn giữ không cho Nga xâm phạm tới Á-châu. Vì vậy mà trong lúc Mỹ đang sửa soạn ra đi và Nga, Trung Cộng chưa can thiệp) nổi vào chính trường Á-châu còn Nhật thì chưa muốn tham dự hẳn, tại lục-địa này đang có một khoảng trống chính-trị khiến các quốc-gia Á-châu không khỏi lo ngại phân vân trước tương lai.

Hoa-kỳ chuẩn-bị ra đi

Từ cuối thế-kỷ trước, ngay sau khi hoàn tất cuộc Tây-tiến, mở rộng lãnh-thò quốc-gia tới ven bờ biển Thái-bình-dương, Hoa-kỳ đã nghĩ tới Á-châu. Bành trướng về phía Á-châu, hoạt động mạnh trên biển Thái-bình-dương là một nhu cầu khẩn thiết có tính cách tâm-lý và gần như sinh-lý của người dân Mỹ. Vì vậy mà các sử-gia đã đưa ra « định-luật Thái bình-dương », một định luật luôn luôn hướng dẫn chính-sách đối-ngoại của Hoa-kỳ. Thái-bình-dương được coi như sự nối dài của cuộc Tây tiến (1).

Vì vậy mà năm 1895, lợi dụng một cuộc nổi loạn của dân Cuba chống nhà cầm quyền Tây-ban-nha, Hoa-kỳ đã chiếm Cuba và chiếm luôn cả Phi luật-tân để có đất đứng ở ngưỡng cửa Hoa-lục. Và từ đó Hoa-kỳ luôn luôn cố gắng bảo vệ con đường sang Á-Châu. Trong hai kỳ đại-chiến 1914 — 1918 và 1939 — 1945 Hoa-kỳ nhảy vào vòng chiến cũng chỉ vì vấn-đề Á-châu.

Năm 1945 khi các quốc-gia thực-dân

Âu-châu như Anh, Pháp, Hòa-lan bị đánh đuổi khỏi Á--châu, Hoa-kỳ đã là một quốc-gia góp phần rất nhiều vào công cuộc giải-phóng thuộc-địa. Tại Liên-hiệp-quốc, đại-diện Mỹ luôn luôn đả phá chủ nghĩa thực-dân. Chính cũng chỉ vì Hoa - kỳ làm áp-lực mà các quốc-gia Âu-châu đã phải rời bỏ Á-châu. Nhưng rồi Hoa-kỳ lại vội vã lấp vào chỗ trống do sự ra đi của các quốc-gia Âu-châu tạo nên. Từ đó Hoa-kỳ đã chính thức đóng vai trò cảnh-sát của lục-địa này. Hoa-kỳ đã giúp Nhật xây dựng lại đất nước trên sự sụp đổ của chế-độ quân-phiệt. Hoa-kỳ đã tham chiến tại Triều-tiên để chặn đứng làn sóng đỏ Bắc-Cao, Trung-Cộng và Hoa-kỳ đã tham chiến tại Việt-Nam từ năm năm nay.

Tuy nhiên cuộc chiến tranh Việt-Nam càng kéo dài thì Hoa-kỳ càng nhận thấy rằng những phương-tiện chiến-tranh hùng-hậu và tân tiến, nếu đưa từ ngoài vào chỉ có thể đương đầu với những cuộc tấn công ở ạt loại cổ-diễn mà thôi. Trong chiến-cuộc Việt-Nam, đại kỹ-nghệ chiến tranh của Hoa-kỳ không đủ khả năng để tiêu diệt chiến-tranh loại chủ-công-nghiệp của phe Cộng-sản Á-châu. Muốn đạt tới mục-tiêu này, ông Nixon cho rằng chỉ có cách là dùng những phương-tiện « bản-xứ », những phương-tiện địa-phương. Đó là ý-nghĩa chính của việc « Việt-hóa » cuộc chiến tranh hiện nay, hay nói rộng hơn trao trách nhiệm lại cho người Á-châu để cuộc tranh đấu hữu hiệu hơn.

Ngoài ra dư-luận tại Hoa-kỳ đã tỏ ra mệt mỏi trước những hy-sinh về vật chất cũng như về tinh thần, khi mà an-

(1) L.I.S Xin xem bài « Những đặc-tính của chính-sách đối-ngoại Hoa-kỳ » (Bách-Khoa số 275 ngày 15-6-1968) của Từ-Trì.

ninh quốc nội của Hoa-kỳ chưa bị trực tiếp đe dọa. Vì vậy mà Tổng-thống Nixon đã đưa ra thuyết mang tên ông đề áp dụng một đường lối mới tại Á-châu.

Theo thuyết Nixon thì trong tương lai Hoa-kỳ sẽ tránh mọi cuộc can thiệp võ trang trực tiếp tại Á-châu. Quân đội Hoa-kỳ sẽ rút khỏi vùng này và chỉ để lại một vài căn cứ quân-sự quan trọng để đối phó kịp thời khi Cộng-sản dùng chiến-tranh cõ-điền ở at tấn công mà thôi. Trách-nhiệm chống chiến-tranh du-kích của Cộng sản sẽ trao lại cho người Á-châu vì họ hiểu rõ tình hình hơn và do đó có thể chiến đấu hữu hiệu hơn. Hoa-kỳ sẽ chỉ đóng góp vào việc chống Cộng bằng cách tăng-gia viện-trợ kinh-tế để giúp các quốc-gia Á-châu tranh đấu trong lãnh-vực chính-trị và xã-hội mà thôi.

Vì thuyết Nixon không được rõ rệt lắm nên mỗi người đều hiểu theo cách riêng của mình. Đối với Thượng Nghị-sĩ Mike Mansfield thì ông cho rằng với "thuyết Nixon", Hoa-kỳ chỉ can thiệp khi nào nền an-ninh của Hoa-kỳ bị đe dọa mà thôi. Vì tại Hoa-kỳ có nhiều người nghĩ như vậy nên các lãnh-tụ Á-châu hết sức lo ngại.

Những phản-ứng của dân chúng Hoa-kỳ trước cuộc can thiệp của quân-đội Mỹ tại Kampuchea vào tháng 5-1970 đã khiến cho người ta càng ngày càng tin rằng trong một tương-lai gần đây Hoa-kỳ sẽ khó có thể tiếp tục đóng vai trò tích-cực tại Á-Châu. Ngay chính Tổng-thống Nixon cũng nói rằng ông quyết định can thiệp ở Kampuchea là để bảo đảm cho việc rút quân được sớm hơn. Với dự-kiến rút lui của Hoa-

kỳ người ta e ngại rằng rồi đây Á-châu sẽ có một khoảng trống chính-trị. Và người ta tự hỏi ai sẽ lấp, vào khoảng trống này? Nga, Trung Cộng hay Nhật?

Những mưu toan của Nga-sô nhằm trở lại Á-châu

Trong khi Mỹ muốn ra đi, Nga lại muốn trở lại chính-trường Á-châu để lấy lại vai trò đã mất từ đầu thế-xy này. Thật vậy, từ khi bị bại trận trước Nhật-bản năm 1905, ảnh hưởng của Nga càng ngày càng lu mờ trên lục-địa này. Sau khi chiến thắng vào năm 1945 người ta đã tưởng Nga có thể trở lại để chia ảnh-hưởng với Mỹ tại Hoa-lục, Triều-tiên, và nhiều nơi khác. Nhưng một sự-kiện bất ngờ đã xảy ra là cuộc cách-mạng cộng-sản Trung-hoa. Với một Hoa-lục trở thành cộng-sản người ta thấy một hậu-quả khôn hại là Cộng-sản Nga-sô càng ngày lại càng bị gạt ra khỏi đời sống Á-châu. Tuy một số lớn lãnh thổ Nga nằm trên lục địa Á-châu, nhưng các quốc gia Cộng-sản vùng này luôn luôn coi Nga là một quốc-gia Âu-châu.

Khi Mao-Trạch-Đông bắt đầu thành lập một hệ phái Cộng-sản mới, tách rời khỏi quyền lực Mạc-tư-khoa, thì Nga-sô cũng không còn có tiếng nói ngay trong các nước Cộng-sản Á-châu nữa. Vì vậy mà Nga luôn luôn tìm cách chiếm lại địa vị đã mất và chỉ chờ một cơ hội thuận lợi là hoạt động trở lại. Và cơ-hội này đã tới với Nga khi cựu Tổng thống Mỹ Johnson loan báo quyết-định ngưng oanh tạc một phần lãnh-thổ Bắc-Việt vào tháng 3-1968. Song song với sự xuống thang của Mỹ, Nga đã cố gắng khai thác tình-trạng yếu kém của Trung-Cộng, do cuộc Cách-mạng Văn-hóa gây nên, để nhằm thay thế Mỹ.

Mỹ cũng đã ngầm ngầm khuyến-kích

Nga can thiệp vào vấn đề Việt-Nam để ngăn chặn ảnh hưởng của Trung-Cộng. Vì Trung-Cộng tạm thời bị cô-lập sau khi cuộc Cách-mạng Văn-hóa bùng nổ nên Nga đã là một nước Cộng-sản chính ủng-hộ Bắc-Việt trong lãnh-vực kinh tế cũng như quân-sự. Tàu Nga chở vũ-khí và máy móc từ Vladivostok tới Hải-phòng đều được Hoa-kỳ nhắm mắt làm ngơ. Khuyến khích Nga ủng hộ Bắc-Việt tức là Mỹ đã cố gắng đẩy Bắc-Việt ra khỏi vòng lệ-thuộc của Trung-Cộng.

Năm 1965 khi triệu tập Hội-ngị Tachkent giữa Ấn-độ và Hồi-quốc, Nga nhắm mục-đích chính là can thiệp vào đời sống chính-trị Á-châu. Và từ đó, nếu lời tố cáo của Trung-Cộng là đúng, thì Nga đã cố gắng xin Ấn-độ cho đặt các căn cứ hải-quân ở trên bờ biển Ấn-độ.

Khi Sukarno bị lật đổ, ảnh-hưởng Trung-Cộng ở Nam Dương bị loại bỏ, Nga đã nhảy vào để đầu tư và cộng tác kinh-tế với tân chính-thể ở Djakarta. Từ đó Nga luôn luôn tìm cách hợp tác với Miến-điện, Ấn-độ, Kampuchea, Mã-ai-Á... và cố gắng khai thác sự bất bình của các nước này trước các hành động cuồng-tín của một Trung-Cộng đang làm mối cho những hỗn-loạn của cuộc Cách-mạng Văn-hóa.

Cuối năm 1969, Brejnev, Tổng Thư-ký Cộng-đảng Nga đã đi xa đến độ đề-nghị thành lập một hệ-thống liên-phòng tại Á-châu để chống lại đế-quốc chủ-nghĩa và "bành trướng chủ-nghĩa". Nếu khi nói tới "đế quốc chủ nghĩa" Nga ám chỉ Mỹ thì khi nói tới "bành trướng chủ nghĩa" Nga không nghĩ tới ai khác ngoài Trung-Cộng.

Cuộc đụng độ vũ trang tại biên giới

Nga-Hoa trên sông Oussouri vào tháng 3-1969 đã chứng-minh sự rạn nứt trong « tích anh em Nga-Hoa » và ý chí can thiệp của Nga tại Á-châu. Nhưng những hoạt động của Nga chưa mang lại được những kết quả tốt đẹp vì Nga vấp phải chính sách bành trướng không kém tham vọng của Trung-Cộng. Đương đầu với Mỹ chưa đủ, Trung-Cộng nhất quyết không để cho Nga xâm nhập vào lục-địa Á-châu mà Trung-Cộng coi là lãnh-vực riêng của mình. Cuộc tranh chấp Nga-Hoa đã vượt quá khuôn khổ lý-thuyết Mác-xít để đi vào khuôn-khố chính-trị mà môi-trường là lục-địa Á-châu.

Mục-tiêu thống-trị Á-châu của Trung - Cộng

Cản trở đầu tiên cho mưu toan thôn tính Á-châu của Nga-sô lại chính là « nước anh em » Trung-Cộng. Cũng như Nga-sô, Trung-Cộng muốn làm bá chủ cả Á-châu. Trước hết thống-trị Á-châu, là đáp ứng với nguyện vọng sâu xa của dân Trung-hoa. Người Trung-hoa, nhất là Mao-trạch-Đông, không bao giờ quên rằng tổ tiên của họ đã được các nước lân bang thần-phục và triều cống trong lịch-sử, rằng Hồ-tắc-Liệt đã mở rộng nền thống trị của Trung-hoa từ Á sang Âu cho tới tận thủ-đô Vienne của Áo. Ngoài ra vào những thế-kỷ trước, các quốc-gia Âu-châu đã sâu xé lãnh thổ Trung-hoa khiến người dân nước này thấy cần phải rửa mối hận lịch-sử.

Vì vậy mà một năm sau, khi chiếm được chính quyền ở Hoa-lục, chính phủ Cộng-sản Bắc-kinh đã đưa quân ò ạt sang tham chiến tại Triều-tiên mà không tham-khảo ý-kiến của Nga. Nhưng nếu bước tiến của Trung-Cộng bị Mỹ và Liên-Hiệp-Quốc chặn đứng ở Triều-

tiên ngay sau đó, thì Trung-Cộng lại thắng lợi lớn về mặt ngoại-giao tại hội nghị A-Phi ở Bangdung năm 1955. Sau hội nghị này Trung-Cộng đã cố gắng đóng vai trò lãnh đạo khối Á-Phi. Đồng thời Trung-Cộng đã thu hút được cảm tình của các quốc-gia A-châu quan trọng như Hồi-quốc, Nam-dương, Miến-điện v.. v.. Với chính-sách nhích lại gần Tây-phương của Nga, Trung Cộng đã có một cơ-hội tốt đẹp để không những loại bỏ Nga khỏi Á-châu mà còn đề thiết-lập một hệ-phái Công-sản mới, cách-mạng hơn, thiên tả hơn.

Bắt đầu từ năm 1966, Trung-Cộng đã bước vào một giai-đoạn thất bại tạm thời. Ngoài những khó khăn kinh-tế tại quốc nội, Trung-Cộng đã dẫn thân vào một cuộc "Cách-mạng Văn-hóa" đầy phiêu-lưu, khiến tình-hình Trung-Cộng đã hết sức hỗn loạn trong những năm qua. Ở bên ngoài Trung Cộng lại còn bị một thất bại chua cay nhất là vụ Tổng-thống Sukarno bị quân đội lật đổ tại Nam-Dương và đảng Công-sản Nam-Dương gần như bị tiêu diệt. Hơn nữa nhịp độ quá mau lẹ của cuộc "Cách-mạng Văn-hóa" đã đưa Trung Cộng tới chỗ bất hòa với hầu hết các nước lân cận. Từ vài năm qua Trung Cộng đã ở trong một tình trạng cô-đơn trên lục-địa Á-châu. Năm 1970, Thái-tử Sihanouk bị lật đổ tại Kampuchea khiến cho Trung Cộng mất một điểm tựa tại Đông Dương. Tuy nhiên chính phủ Bắc-Kinh đã lợi dụng dịp này để đón nhận chính phủ lưu vong của Sihanouk trong khi Nga nhất định duy trì bang-giao chính thức với chính-phủ Lon Nol ở Nam-Vang. Và đây cũng là một dịp để Trung Cộng tố cáo Nga đã trường-giả-hóa, đã xét lại chủ-nghĩa Mác-Lê để

rời bỏ đường lối cách-mạng. Với lập luận trên, Mao-trạch-Đông chính thức đứng lên thay thế Nga sô để lãnh đạo phe cách mạng trên thế-giới. Tại Á-châu, Trung Cộng cố gắng lập một mặt trận giữa Sihanouk, Souphanouvong và các lãnh-tụ Bắc-Việt. Vào cuối tháng 5 vừa qua tờ Pravda của Nga và tờ Nhân-dân nhật-báo của Trung-Cộng đã đả kích nhau kịch liệt. Những hoạt động này không ngoài mục đích ngăn cản Nga trong mưu toan thôn tính Á-châu.

Nhưng đối - thủ của Trung-Cộng không phải chỉ là Nga-ô mà thôi. Ngoài Nga ra, Trung-Cộng cũng còn phải đối phó với lực lượng đang lên của Nhật do Mỹ yểm trợ.

Nhật tái xuất-hiện trên chính-trường Á-châu.

Sau 25 năm tái thiết trên diêu tàn của một nước Nhật quân phiệt bị xụp đổ sau cuộc Đệ-nhi Thế-chiến, Nhật-bản của năm 1970 đã trở lại thành một đại cường quốc kinh-tế. Với một sản lượng quốc gia là 170 tỷ Mỹ-kim, Nhật ngày nay là một quốc gia giàu mạnh vào hạng thứ 3 sau Mỹ và Nga.

Tuy nhiên sự trù phú của Nhật dựa vào nền thương-mại quốc-tế, vì Nhật phải nhập cảng nguyên-liệu từ bên ngoài vào và kỹ nghệ Nhật phải bán sản phẩm ra ngoài quốc. Để bảo đảm sự cung cấp điều hòa các nguyên-liệu và cũng để tìm tiêu trường cho sản phẩm kỹ-nghệ của mình, Nhật bắt buộc phải có một chính-sách hoạt-động tại Á-châu.

Nhưng hiện nay hoạt động của Nhật chỉ giới hạn trong lãnh vực kinh-tế mà thôi. Vì từ khi bại trận tới nay an-ninh của Nhật đã được quân-đội Mỹ bảo

đảm. Kinh tế Nhật trở nên phồn thịnh một phần cũng chỉ vì không phải chi - phí cho vấn đề quốc-phòng. Nhưng khi bước vào thập niên 1970, các điều kiện chính-trị Á-châu đã thay đổi nhiều. Nhật không còn có thể ngồi hưởng-thụ một cách vị-kỷ như trước nữa. Cái mặc nguyên-tử của Mỹ trong 1/4 thế-kỷ đã bảo-đảm an-ninh để cho Nhật phát-triển kinh-tế. Giờ đây Nhật cần phải đóng góp vào công cuộc bảo-vệ an-ninh và hòa-bình chung. Người Mỹ cũng đã nghĩ như vậy nên khi Thủ-tướng Nhật Sato sang Hoa-thịnh-đốn vào mùa thu năm 1969, chính phủ Hoa-thịnh-đốn đã bằng lòng trả lại quần đảo Okinawa cho Nhật với điều-kiện là Nhật phải đóng một phần nào vai trò cảnh-sát tại Á-châu. Hơn nữa các nhóm tả phái ở Nhật luôn luôn biểu-tình phản đối minh-ước phòng-thủ chung Mỹ-Nhật, nên Nhật sẽ dần dần phải tính chuyện can thiệp quân-sự và chính-trị tại Á Châu. Chính phủ Trung Cộng cũng nghĩ như vậy nên ngay sau cuộc hội-kiến Nixon - Sato, chính phủ Bắc-Kinh đã lớn tiếng tố cáo Nga, Mỹ và Nhật cấu kết với nhau để thống-trị Á Châu.

Tuy nhiên Nhật còn hết sức ngao ngại trước vai trò mới ở Á-châu. Vì nếu thay thế Mỹ ở vùng này, Nhật sẽ phải trực tiếp đương đầu với Trung-Cộng, phải tăng-gia quân-phí và phải chế tạo bom nguyên-tử. Đóng một vai trò quan trọng hơn ở Á-châu sẽ có những ảnh-hưởng không nhỏ tới đời sống chính-trị của Nhật. Thật vậy nếu phải chế-tạo vũ khí dù là hạch-tâm, nguyên-tử hay cò-diễn thì chánh phủ Nhật cũng sẽ phải trao cho giới kỹ-nghệ-gia trong nước những

nhiệm-vụ mà tầm quan trọng mỗi ngày một lớn. Các giới đại kỹ-nghệ và đại tư-bản sẽ dần dần cấu kết với giới quân-phiệt Nhật để đi tới chiến tranh như vào năm 1941. Vì vậy mà hiện thời Nhật đang cố gắng trì hoãn mọi quyết-định can-thiệp ở Á-châu.

oOo

Mỹ muốn rút khỏi Á châu mà chưa được, Nga muốn trở lại Á châu mà không xong. Trung Cộng cũng muốn bành trướng nhưng lại bị cả Nga lẫn Mỹ cản trở. Nhật chưa đủ mạnh để tính chuyện can thiệp tích cực vào đời sống chính-trị Á-châu. Lục địa này hiện đang sống trong một tình-trạng chờ đợi khắc khoải. Người ta không hiểu lực-lượng nào có thể đủ sức mạnh để thay thế Mỹ. Và bất cứ một lực lượng nào cũng làm cho các dân-tộc Á-châu phải e ngại. Sự hiện diện của Nga sẽ chỉ là một hình-thức che-dấu của chủ-nghĩa thực-dân Âu-châu. Sự can thiệp của Trung-Cộng sẽ là bước đầu của giấc mơ Đại-Hán. Sự tái xuất hiện của Nhật cũng sẽ làm cho người ta e sợ không kém vì các dân Á-châu ngày nay vẫn chưa quên chính sách Đại Đông-Á của Nhật 30 năm về trước. Trong tình-trạng này người ta thấy chỉ có một giải-pháp là các dân-tộc Á-châu tự lập lấy khoảng trống chính-trị do sự ra đi của Hoa-kỳ tạo nên. Tổ chức thành một lực-lượng độc-lập để tự bảo-vệ là hy vọng duy nhất của Á-châu. Hội-nghị Djakarta vào tháng 5 vừa qua có lẽ là bước đầu của những nỗ lực chung để đi tới đoàn kết tại Á-châu.

TỪ-TRÌ

sách do nhà An-Tiêm xuất bản

* **KHUNG TRỜI NHỎ HẸP** (The narrow corner)
của Somerset Maugham, Đỗ Khánh Hoan dịch

* **TRIẾT HỌC VỀ TÁNH KHÔNG**
của Tuệ Sỹ

* **NÓI CHUYỆN VỚI KRISHNAMURTI**

do Carlo Suares thực hiện

Nguyễn Minh Tâm dịch

sách đã được phát hành khắp nơi .

« Trọn vẹn tâm hồn tôi là một tiếng hét, tiếng kêu,
tiếng la. Và tất cả tác phẩm của tôi là luận về tiếng
la, tiếng hét ấy »

Nikos

KAZANTZAKIS

PHẠM-CÔNG-THIỆN dịch

PHẠM - HOÀNG xuất bản

sách đã có phát hành khắp nơi

Vu-lan về, Lá Bối mời bạn đọc :

* **BÔNG HỒNG CÀI ÁO** (tái bản lần IV)
Nhất-Hạnh

* **ÁO EM CÀI HOA TRẮNG** (tái bản lần II)
Võ-Hồng

* **LÀM CON NÊN NHỚ**
Đông-Hồ và Lộc-Đình

* **TRẬN ĐÒN HÒA GIẢI** Võ-Hồng

Sách đều in trên giấy satiné hồng

C Á I « U - M Ặ C »

tại Hán-Thành

Cái tò mò

Đề tài được chọn để đem ra thảo luận tận hội nghị Văn bút quốc tế lần thứ 37 họp tại Hán thành năm nay là: «U mặc trong nền văn học Đông phương và Tây phương».

Một thắc mắc đầu tiên nảy ra: Tại sao chọn đề tài này? Có gì đang xảy đến cho văn chương u-mặc chăng?

Những kẻ ra đề bài cho biết ngay: Có. «Người ta tự hỏi phải chăng u mặc đang biến mất trong văn chương cũng như trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta.»

Như vậy nghĩa là vì sự văn chương u mặc chết mất nên năm nay phải họp văn nhân từ năm châu bốn biển để bàn cãi về số phận nó.

Được biết lý do như thế chúng tôi đến phòng họp với vài sự tò mò. Thử xem cái u mặc Tây phương và Đông Phương được giải thích khác nhau ra sao; và thử xem cái chết của u-mặc được giải thích ra sao?

Cái khó khăn

Thực ra, không những tìm ra cái khác nhau giữa u-mặc Đông Tây rất khó, mà ngay đến tìm hiểu về cái bản thân của u-mặc cũng đã rắc rối lắm rồi.

Cả u-mặc mà chúng tôi dùng đây, tự nó phản ảnh cái lúng túng của người

Tàu. Trung quốc có nền văn hiến lâu đời đến thế, có kho ngôn phong phú đến thế, mà đến lúc cần dịch chữ «humour» cũng loay hoay bối rối, cuối cùng đành chọn cái phép dễ dãi nhất, là khôiphiên âm.

Người Tàu bối rối, người Pháp coi bộ cũng linh quynh không kém. Và người Pháp xài cái phép dễ dãi hơn Tàu: là dùng nguyên chữ «humour» của Anh, khỏi cần dịch nghĩa khỏi phiên âm.

Đến lượt người Nhật, theo lời ông Takeshi Muramatsu tại hội nghị, cũng đến như người Tàu mà thôi.

Không biết trên thế giới có bao nhiêu trường hợp luống cuống như thế. Riêng tại nước ta, dường như chúng ta đã làm ngơ, né tránh sự khó khăn cho đến ngày nay: hiện thời chúng ta chưa có một tiếng chính thức để dịch chữ «humour». Nói «u mặc» chẳng qua là nói theo người Tàu. Ông Đào Duy Anh dùng chữ «hoạt kê», cũng là gượng ép lắm thay. Ông Nguyễn văn Khôn thêm vào mấy chữ «khôi hài, hài hước», chỉ càng làm cho mơ hồ bất định thêm.

Cái hài hước (le comique) làm ra cái cười (le rire). Hài hước là vấn đề rộng lớn, bao gồm nào là trào phúng, hoạt kê châm biếm, nào là mỉa mai, hóm hỉnh, nào là lộng ngôn, xảo ngữ v.v.. Trong bấy nhiêu lối hài hước, lối nào gần với

humour hơn cả? Ấy là một mặt của cái khó.

Mặt khác, là câu chuyện Đông Tây. Hẳn nhiên là Đông-phương khác với Tây phương; nhưng hãy đi sâu thêm một chút, hãy hỏi cái cười của Đông phương khác với của Tây phương thế nào, đã khó giải đáp rồi. Hướng chi lần này người ta không chịu dừng lại ở niềm vui, ở cái cười tổng quát, mà người ta còn muốn đi xa tí vào một sắc thái riêng biệt của cái cười, là humour; rồi lại muốn đối chiếu cái sắc thái mong manh tế nhị ấy giữa Đông với Tây! Khó ơ là khó. Hội nghị đã « tìm những lối đoạn trường mà đi ».

Về chỗ tò mò thứ hai — cái chết của u-mặc — chúng tôi cũng lấy làm băn khoăn lắm. U-mặc là một yếu tố của cái cười, nói u-mặc đang biến mất, có nghĩa là một phần nào cái cười đang giảm thiểu trong cuộc sống ngày nay chăng? Có sự giảm thiểu ấy thật sao? nó xảy ra ở đâu? Riêng tại Việt Nam ta, rõ ràng tiếng cười mỗi lúc một rõ to hơn. Không lúc nào chúng ta có nhiều báo trào phúng bằng lúc này, có nhiều cây bút trào phúng bằng lúc này. Nói cái cười đang chết, khiến chúng ta nổi gai ốc cùng mình.

Cái cười, dưới nhiều hình thức, hoặc châm biếm, hoặc mỉa mai, hoặc phúng thích, hoạt kê v.v., thường thường có ý nghĩa nhạo báng, chế diễu. Sự nhạo báng có nhiều cơ hội phát triển ở một xã hội dân chủ hơn ở trong khuôn khổ các chế độ độc tài. Lịch-sử nhân loại không phải càng ngày càng tiến về chỗ tự do đó sao? Lẽ nào dưới các triều vua chúa phong kiến, dưới thể chế nô lệ, lại có nhiều khúc khích nghịch ngợm hơn tại các khu

Đại-học bên Hoa-Kỳ ngày nay.

Quả khó thực

Vài điểm thắc mắc ấy muốn tìm ra sự giải đáp ở hội nghị, quả có khó.

Cuộc họp các nhà văn không giống như cuộc hội họp các nhà chính trị, quân sự có nhiệm vụ ký kết một thỏa ước: Hội nghị văn nghệ không cần đưa đến một quyết nghị, các phái đoàn không cần tranh đấu cho một mục tiêu, một lập trường nào; trong cuộc thảo luận không cần bàn qua cãi lại cho vỡ lẽ phải trái về một vấn đề nào.v.v..

Tài tử bốn phương gặp nhau, tay bắt mặt mừng thế là quý rồi, làm quen với nhau, tiêc tùng với nhau, du ngoạn với nhau, chụp bóng chung với nhau...: thế càng thêm quý. Thế là góp phần làm tăng thêm mối thông cảm giữa giới cầm bút không phân biệt tín ngưỡng, quốc gia, chủng tộc, không phân biệt nam nữ v.v..

Còn việc thảo luận? — Cố nhiên nhà văn cũng khỏe đọc diễn văn, tham luận như bất cứ giới nào khác. Một số khách danh dự của hội-nghị được mời đọc những bài thuyết-trình dài, các đại biểu khác ai muốn nói được dành cho bảy phút. Và suốt thời gian hội nghị, không có buổi thảo luận nào là thừa thì giờ, thiếu người phát biểu.

Tuy vậy, các ý kiến dôi dào ấy khỏi phải tự đối chiếu với nhau. Ông tự do nói gà, bà tha hồ nói vịt. Các bản tham luận không đối đáp, không bắt bẻ nhau: Ai lo nói phần nấy. Kể sau thường nói những điều không liên quan đến lời của người trước, mà cũng có thể không liên quan chặt chẽ mấy với đề tài. Được tất, miễn đừng vượt quá bảy phút, thì không ai dám cắt lời ai.

Trong các vị khách danh dự, có bốn vị diễn thuyết :

— Ông Tony Mayer (Pháp) thuyết về : *Trí xảo và U-mặc* (Esprit et Humour).

— Ông John Updike (Mỹ) thuyết về *U-mặc trong Tiếu-thuyết* (Humour in fiction).

— Ông Eun-sang Lee (Đại Hàn) thuyết về *Các đặc điểm của U-mặc Đông phương* (Oriental characteristics of humour).

— Ông Lâm Ngữ Đường (Trung-hoa) thuyết về : *U-mặc ở Đông phương và Tây phương* (Humour in East and West).

Đọc qua các nhan-đề, chúng ta hi vọng rất nhiều ở bác sĩ Lâm Ngữ-Đường, người được tôn xưng làm ông vua các văn-chương u-mặc. Nhưng nội-dung câu chuyện của ông — như đọc giả nhận thấy trong bản dịch ở số báo này — chỉ nêu lên cái dí dỏm ở vài nhân vật bên Tây và ở vài nhân vật bên Đông, và không so sánh, phân tích. Bác sĩ Lâm nói rất lý thú, nhưng ông không muốn đi quá sâu vào vấn đề, gây ra sự căng thẳng; ông muốn cho cử tọa được thoải mái.

Ông Tony Mayer có đưa chúng ta đi tìm chân tướng của cái gọi là "humour" bên nước: Anh, ông cũng có cử ra

những trường hợp "humour" ở nước họ nước kia, nhưng ông không đi tới sự phân biệt bên Đông bên Tây.

Còn ông John Updike thì ông đi vào một bộ môn văn học riêng biệt, ông không nhằm giải đáp vài điểm tò mò nêu trên của chúng ta.

Tóm lại, chỉ còn trông cậy vào bài của ông Eun-Sang Lee (cũng viết là Yi Un-Sang): rất cuộc lại vẫn người Đại-hàn giải đáp đề tài do người Đại-hàn đặt ra.

Ấy là về phần các khách danh dự. Còn về phía các vị đại-biểu thì phần nhiều các ý kiến phát biểu đi vào các vấn đề chuyên biệt: có vị nói về cái cười trên sân khấu, có vị nói về cái cười trong xã hội hiện đại, và thường thường người nước nào thích trình bày văn tắt về văn học trào phúng của nước nấy, như muốn giới thiệu cho bạn bốn phương biết qua loa mấy nét về xứ mình. Không có vị đại-biểu nào thay mặt cả khu vực Đông phương, cũng không có vị nào nhân danh Tây phương, vì vậy không thấy có ý kiến đối chiếu Đông Tây.

Một đại biểu Đại-hàn kể câu chuyện thần thoại: Ngày xưa ngày xưa, có một con cọp và một con gấu cùng muốn làm người. Trời ra điều kiện, bắt phải nằm yên trong hang đủ trăm ngày. Cọp

Mới xuất bản :

HỒ THÍCH

TRUNG QUỐC TRIẾT HỌC SỬ

Bản dịch của Huỳnh Minh Đức

Sách dày trên 750 trang khổ lớn. Giá 500\$

Bán tại: Nhà sách Khai Trí 62 Lê Lợi Saigon

không chịu được, nửa chừng bỏ ra; gấu kiên nhẫn ở hang đủ thời hạn, và được hóa làm một cô gái lấy hoàng tử nhà Trời làm chồng. Cặp vợ chồng nọ sinh con đẻ cái, làm dân Đại-hàn! Dân tộc Đại-hàn thừa hưởng ở bậc Gấu tổ tiên đức gan lì nhẫn nại và thực thà, cho nên nụ cười của người Đại-hàn cũng là nụ cười hồn nhiên chất phác.

Một đại-b ều Việt-Nam kể câu chuyện ba ông đồ làm thơ con cóc...

Một đại biểu người Nga di cư ở Luân-đôn kể những mẩu chuyện dân chúng và giới trí thức Nga-sô trêu chọc nhà cầm quyền độc tài v.v...

Tất nhiên, nghe chuyện đời xưa con gấu, nghe thơ cóc v.v... thì vui không biết mấy; nhưng còn lâu mới nhận ra cái cười nào là « humour » cái cười nào không phải, cái « humour » nào là có tính cách Đông phương, cái nào có tính cách Tây phương và tại sao nó đang chết rụi cả lũ, ở Đông lẫn Tây v.v...

Nó là cái gì đởm

« Humour » thực ra nó là thứ hài hước như thế nào? Tại sao mà nó thành ra một chữ khó dịch đến như thế?

Ông Herman Closson là người Bỉ nói tiếng Pháp, đầu tiên, tại hội nghị ông lưu ý đến những rắc rối xung quanh cái danh-từ có quốc tịch Anh này. Người Anh là tổ sư của humour, chữ « humour » là chữ Anh. Nhưng ở Anh-quốc thì chữ ấy có ý nghĩa rất giản dị, rộng rãi: « humour » là hài-hước nói chung. Đối với người Anh, nói đùa là « humour » thế thôi.

Nhưng đối với các dân-tộc khác, ai

nấy nhận thấy người Anh có một lối đùa đặc biệt, khác thiên hạ: đùa mà tinh bơ, véo mà không cười. Các dân tộc khác cao rằng « humour » là tên gọi thứ hài-hước ấy, bèn hí hục tìm chữ thích hợp để dịch. Thành thử ở Anh tiếng « humour » chỉ cái hài-hước, còn ở các xứ khác, thay vì phiên-dịch người ta lại tìm một tiếng để mô tả cái hài-hước ấy. Vất vả là phải, bởi vì mỗi dân tộc có một lối cười, làm sao tìm ra trong ngôn ngữ xứ mình một tiếng thật thích hợp, nghĩa là đặt ra để mô tả đúng lối cười riêng biệt của người? Đối với câu chuyện danh từ này, Paul Valéry đã nói toạc ra rằng: « Tiếng humour không thể dịch được. Nếu không thế, người Pháp đã không xài thẳng tiếng ấy. Nhưng người Pháp xài nó chính là vì cái ý nghĩa mơ-hồ mà họ gửi vào nó. »

Cái cười kiểu ăng-lê, vất vả về danh-từ xong, thiên hạ lại vất vả về nội-dung của danh-từ, về các đặc điểm của nó.

Hài-hước là một giòng họ lớn lao, trong đó « humour » có một người anh em gần gũi nhất tên gọi là « esprit ». Vấn theo ông nhà văn Bỉ nọ, thì người Anh không có một danh-từ nào hoàn toàn đồng nghĩa với « esprit » (Tuy vậy người Anh vẫn ngang nhiên lấy tiếng « wit » để dịch tiếng « esprit »). Hai anh em ấy là đầu đề một bản tiểu-uyết-trình dầy dài của ông Tony Mayer. Đó là một việc phân biệt tế-nhị.

Trước tiên, hãy bắt đầu bằng một sự phân biệt thô thiển hơn giữa cái humour với tiếng cười do sự nhạo báng, châm biếm. Bác-sĩ Lâm-Ngữ-Đường bảo châm biếm như ngọn gió lạnh cắt da cắt thịt, còn humour thì như làn mưa dịu dàng,

như ngọn suối róc rách, như ánh nắng vàng trên cánh đồng xanh; châm biếm gây một vết thương đau đớn, còn humour thì gây khoái cảm. Khoái như gãi ngứa vậy. Càng gãi càng khoái, cho nên đọc văn humour càng đọc càng ham, càng muốn đọc thêm mãi.

Xưa nay vẫn có nhiều người đồng ý với bác sĩ Lâm về điểm ấy. Max Jacob cho rằng humour khác với mỉa mai ở chỗ nó không gây ra nạn nhân, nó chỉ che giấu cảm xúc làm cho vui vẻ chứ không làm tổn hại (Pas d'ironie ! Elle vous dessèche et dessèche la victime : l'humour est bien différent : c'est une étincelle qui voilé les émotions, répond sans répondre, ne blesse pas, amuse.) Emile Henriot cũng xác nhận humour chỉ có mục đích cho vui, vô hại (... l'humour se pourrait définir : une gaieté gratuite, n'engageant rien, mise là pour le seul plaisir de la plaisanterie. Alors que l'ironie... comporte un jugement et fait toujours une victime.)

Căn cứ vào đặc điểm căn bản là cái chỗ vô hại, cái tinh cách rất "lạnh" ấy, chúng tôi có ý muốn dùng chữ "đi dỏm" để dịch tiếng "humour".

Cái hài đối với cái bi, như hài-kịch (comédie) đối với bi kịch (tragédie); Vậy những danh-từ có tiếng hài (khôi

hài, hài hước) có lẽ nên dịch một danh-từ có tính cách tổng quát là *comique*

Trong dòng họ này, có phái lạnh phái dữ, phái dữ có mỉa mai (ironie), châm biếm, nhạo báng (moquerie, raillerie). Thứ văn loại dùng vào mục-đích ác độc này (satire) thiết tưởng nên được dịch bằng những danh từ có tiếng trào (là cười nhạo) hay tiếng thích (chọc ghẹo) chẳng hạn : trào phúng, trào lộng, phúng thích v.v... Phái lạnh có những lối đùa giỡn, giễu cợt, hoạt kê : plaisanterie, amusement. Đùa giỡn cũng vô hại, nhưng danh từ này gợi ra một cái cười hơi có vẻ toe toét. Trong từ-ngữ Việt, các tiếng dí dỏm, hóm hỉnh, cũng gợi ra một thứ cười lạnh, mà ý-nghĩa hơn, kín đáo hơn. Có lẽ « humour » là đây chăng ?

Văn dí dỏm thì bác sĩ Lâm đọc cũng khoái như gãi ngứa vậy, và bác-sĩ có thể tha hồ đọc, không cần phải phòng ngừa, e ngại bị xây xát, đau đớn.

Ó không phải là cái dí dỏm ?

Nhưng bác-sĩ Lâm và cái chủ trương nết lạnh của ông không thể thuyết phục mọi người. Một mình Ông Tony Mayer đã sưu tầm sơ sơ được tám mươi lăm

Nên tìm đọc:

QUYỀN SỬ GIA TRỊ CỦA HỌC GIẢ
NGUYỄN THIỆU LÂU

QUỐC SỬ TẠP LỤC

Sách dày trên 700 trang khổ to. Giá 650\$

Bán tại : Nhà sách Khai-Trí 62 Lê-Lợi Saigon

cách định-nghĩa khác nhau về u-mặc « Trong đó có những định-nghĩa không loại bỏ tính chất độc ác ra ngoài. Rốt cuộc ông ta phải trình bày cái u-mặc như là một chiếc mặt nạ bị khoét trống ở miệng, nơi lỗ trống ấy lộ ra một nụ cười.

Người ngoài chỉ trông thấy nụ cười ấy thôi, còn bên trong mặt nạ là niềm vui chăng, là nỗi buồn chăng, là cơn uất hận dữ-dẫn chăng... : không ai biết được.

Một hầu-tước về nhà, bắt gặp vợ mình lờ lững trong tay một vị Giám mục. Người chồng lặng lẽ bước tới đứng trước cửa sò và bắt đầu ban phép lành cho khách qua đường. Người vợ hoảng hốt hỏi : « Mình làm vì vậy ? » và được chồng trả lời. « Đức Giám-mục đã làm công việc của tôi, tôi xin làm công việc của Ngài. » Vị hầu-tước trong câu chuyện của Chamfort ấy, phía sau nụ cười ông ta, ai bảo không có niềm cay đắng ?

Thomas Moore bị xử-giáo, khi trèo lên giàn, cho cõ vào tròng, ông bảo người đao phủ : « Nhờ bác đỡ giúp tôi lên, lúc xuống tôi sẽ xoay xử lấy. » Phía sau nụ cười ấy, biết bao nhiêu là khắc khoải ?

Công dụng của mặt nạ là để che giấu ; đó cũng là công dụng của lời nói u-mặc.

Câu nói u-mặc che giấu các xúc động, và đó là điểm then chốt để phân biệt nó với xảo-ngữ (Esprit). Một xảo-ngữ là một lời nói khéo léo, tài tình, khiến người nghe bật cười, là một trò vui hoàn toàn chỉ liên-hệ đến lý-trí. Còn u-mặc thì liên-hệ đến sự xúc-cảm. Xảo-ngữ thường đòi hỏi một trình độ trí-thức, một mức văn-hóa nào

đó ; còn u-mặc thì không : phải là nhiều chữ nghĩa mới tìm được những xảo-ngữ hay ho, nhưng dĩ dỏm hay không dĩ dỏm là tùy tính người không dính líu gì đến trình độ học vấn.

(Cho tới đây, chúng tôi vẫn cố gắng thử dùng tiếng « dĩ dỏm » thay cho tiếng « u-trặc », nhưng nhận thấy sự gương gào, ép uồng : nào ai xác-định được cái hóm hỉnh, dĩ dỏm của chúng ta là thiên về lý-trí hay liên-quan đến các xúc-cảm ?

Cái việc trùm lên các xúc-cảm một nét hài hước, theo sự giải-thích của Freud là đều có lợi ích lớn lao. Nơi chúng ta có một bản-năng tự-vệ, chống lại những gì gây đau đớn, tổn thương. Nhưng ngoài đời sống có quá nhiều bất trắc, nghịch cảnh mà chúng ta phải chứng kiến, đối đầu : cô vợ trẻ trong vòng tay người khác, chiếc thùng lọng chờ ta dứt đầu vào v.v... Đối với những xúc động đau đớn như thế, tiềm-hức chúng ta cố gắng « kiểm duyệt », ngăn chặn lại ; và để lọt qua cửa ải kiểm-đuyệt này, các mối xúc động phải trá hình, tự trùm lên mình một mặt nạ ngộ nghĩnh.

Không phải tất cả chúng ta đều có tài hóa trang một cách hài-hước cho các xúc-cảm. Nhưng ai thiếu khả năng ấy, phải bị các nỗi thống khổ mãnh liệt đập vào tâm hồn đến ê chề ? Những kẻ may mắn khác, nhờ u-mặc, có thể chấp nhận các bà xã hung dữ, như Socrate, Abraham Lincoln, các bà vợ lẳng lơ, như ông hầu-tước của Chamfort v.v..., chấp nhận nghịch cảnh mà sống cuộc đời miễn cưỡng, lạnh lặn. U-mặc không có tài biến hung thành cát được, nhưng ít ra nó cũng giúp ta tiêu trừ hóa giải được phần lớn sự tàn phá của cái hung nộ, và

làm cho cuộc đời còn có vẻ đáng sống hơn.

Đông Phương và Tây Phương

Dù không giới thiệu nổi một phần mười của cái số "tám mươi lăm định nghĩa" mà ông Tony Mayer đã nói, việc tìm hiểu u-mặc đã kéo dài quá đáng. Chúng ta sốt ruột vì mãi chưa đi đến chỗ chính yếu của đề tài cuộc họp. là : ở Đông và ở Tây phương.

Theo chỗ tôi nghe được, hình như chỉ có ông có ông Yi Un-Sang là đề cập đến sự phân biệt này. Nhưng ông đề cập mấy lời vắn tắt, rồi vội vã bảo đó không phải là việc của ông : ông muốn nói nôm về các đặc điểm của u-mặc Đông phương.

Thế cũng là quý hóa lắm.

Tuy nhiên, khi nghe xong tất cả, mới hay bài diễn văn của ông Yi cũng không đáp ứng đầy đủ ý ông muốn. Một phần, nó có vẻ lẫn lộn u-mặc với các hình thức hài-hước khác : với châm biếm, với trào phúng nhằm chỉ trích, chế nhạo. Một mặt, cái Đông phương mà nó đưa ra chỉ vốn vẹn gồm có : Trung Hoa, Nhật bản và Đại Hàn.

Về cái cười Trung hoa, ông Yi kể câu chuyện An tử đi sứ sang Sở vua

Sở muốn làm nhục ông, sai lời một tên ăn trộm ra, rồi bảo " Tên này gốc người nước Tề, tại sao bên xứ ông nhiều trộm cắp thế ?" An-tử đem câu chuyện cùng một giống cam, trồng ở xứ này thì ngọt đem qua xứ kia lại chua để biện bác.

Về cái cười Nhật-bản, ông Yi thuật chuyện Tsukahara Bokuden, tay kiếm lừng danh nhất thế-kỷ 16 : Một hôm Tsukahara Bokuden cùng sang một chuyến đò với một võ sĩ vô danh tiêu tốt, bị anh này thách đấu kiếm. Kiếm sư hẹn lúc lên bờ sẽ thi tài. Thuyền cập bến, kiếm sư chờ anh chàng kia lên bờ xong, bèn lấy sào đẩy mạnh một cái xô thuyền ra giữa vời, và bảo : " Như thế là thắng lợi mà không cần động thủ. »

Về cái cười Đại Hàn, trong các chuyện viển đẩu có câu chuyện lấy từ trong sách Phật *Paig-yu-gyong* : Một người về nhà vợ, đói quá, vớt trộm một nắm gạo bỏ vào miệng. Anh ta chưa kịp nhai nuốt, thì bị cô em vợ trông thấy, tưởng anh rề sừng mồm, chạy lại hỏi han. Anh nọ ảm ớ mãi, không dám há miệng để nói. Nhà, vợ hoảng hốt, cho mời thầy đến, hãy thuốc định lấy kim ra châm

NGUYỄN LIÊN

NGOẠI GIAO và NGHI LỄ

Các vấn đề ngoại giao — Quyền bất khả xâm phạm — Ngoại giao đoàn — Các lãnh sự — Nghi lễ Việt-Nam và ngoại quốc — Cách tổ chức các buổi lễ, bữa tiệc, cuộc tiếp tân. .

Sách dày gần 400 trang, khổ to, in đẹp. Giá 500\$

Bán tại Nhà sách Khai - Trí, 62 Lê - Lợi Saigon

chích vào miệng Túng thể anhe hàng đành phua cả gạo ra.

Trong cái Đông Phương rút gọn của ông Yi, nụ cười có phần lặng lẽ quá, nếu không nói là... lạt lẽo. Người nghe chuyện không dám nghi đó là đặc điểm của Đông phương, chỉ ngờ là đặc điểm của một lối chọn chủ văn: Ông Yi đã không chọn đúng vào kho tàng văn chương u-mặc Á đông chăng? Ngay cả đến những biện luận thông minh sắc bén của An-tử, thiết tưởng cũng không giúp ông Yi được mấy trong sự chứng minh, bởi vì đó không hẳn là u-mặc.

Tuy thế nhận định tổng quát của ông Yi nghe thật khoái, vì nó làm vẻ vang cho phương Đông nhiều lắm. Đại khái theo ông, tinh thần văn hóa Tây phương đặc biệt ở chỗ phát huy ra «cha-yu» (liberté, tự do), còn văn hóa Đông phương thì từ lâu vẫn đặt căn bản trên «cua yon» (Nature, Tự nhiên); hơn nữa văn minh Tây phương đề cao «chi-sik» (connaissance, trí thức) còn văn minh Đông phương thì lại chú trọng cái «chi-hyé» (sagesse...?). «Cha-Yu» ở trong «chayon» mà ra, «chi sik» bắt nguồn từ «chi huyé» mà ra; vậy thì văn hóa Tây phương rõ ràng thua sút văn hóa Đông phương, chỉ là cái ngọn của văn hóa Đông phương.

U-mặc là một yếu tố của văn hóa, vậy văn hóa Đông phương so với văn hóa Tây phương khác nhau thế nào thì cái u-mặc Đông phương khác với cái u-mặc Tây phương thế ấy. Nghĩa là khác một cách đầy hãnh diện.

Ngoài ra ông Yi còn cho biết thêm u-mặc Đông-phương xuất tự tâm lý, u-mặc Tây phương do luận lý, u-mặc

Đông phương có tính cách sáng tạo phong phú u-mặc Tây-phương thì mang đậm màu sắc xã-hội.

Chúng tôi ngờ mình đang bị bạn đọc mắng mỏ là trình bày rối râm, không sáng sủa. Bị mắng là phải. «Nhưng gì người ta nhận thức rõ thì đến đạt sáng sủa» chúng tôi đã làm quá sức mình, đòi đến đạt một vấn đề mình nhận thức chưa rõ ràng chút nào.

Cái bực mình của bạn đọc, trước tiên, đó là chỗ ầm ức của chúng tôi: một điểm tò mò chưa được thỏa mãn sau cả tuần hội họp.

Cái chết của u-mặc

Về điểm tò mò thứ hai — cái chết của u-mặc — chúng tôi lược lật được đó đây những ý kiến không hẳn là để giải đáp.

Bác sĩ Lâm-Ngữ-Đường bảo: «Tinh chất độ lượng, u-mặc, nồng nàn, đầy nhân tính của đạo Khổng đã bị lãng quên, và những môn đồ Tân Khổng giáo đã gò bó học thuyết của Ngài trong một mô qui luật đạo đức... Các môn đồ Tân Khổng giáo mà bác sĩ Lâm ám chỉ có lẽ là hạng Tống Nho, từ Chu Hi về sau. Như thế trong quan niệm của bác sĩ Lâm, u-mặc mất tích từ lâu lắm, lâu quá lắm rồi, chứ đâu phải chỉ mới đây, trong xã hội hiện đại?»

Ông Tony Mayer dẫn một đoạn dài trong tác phẩm của Stephen Colville. «Con người hiện đại chỉ lo làm cái nợ cái kia đến hết cả thì giờ. Hẳn quên đến cả sự hiện hữu của thế giới bên ngoài, hẳn không biết đến thú đọc sách, tình bè bạn, đến tôn giáo, nghệ thuật, hẳn chỉ nói có một thứ ngôn-ngữ, cái ngôn ngữ nơi tiệm buôn của hẳn, và, trong cuộc chạy

đuôi diên cuồng những quyền thế, danh vọng, của cải, hẳn luôn luôn hy sinh các bận tâm về tinh thần. Nhưng văn-hóa là một nhu cầu, và không có nền văn-hóa nào tốt bằng nền văn-hóa cho thấy các mối tương quan thực giữa con người và tạo vật dưới khía cạnh u-mặc. U-mặc đem lại một sự nghỉ ngơi sau cái nghiêm chỉnh, sự nghỉ ngơi mà thời kỳ hiện tại cảm thấy một sự cần thiết đến đau đớn. Tất nhiên là hoạt động, chiến đấu không thể và không nên ngừng. Nhưng phải trả chúng về đúng chỗ và hạn định đúng mức độ của chúng. U-mặc, là đạt đến một mục đích như thế. Là đưa cái minh-triết cổ thời vào cuộc sống. »

Giáo sư Stephen Colville viết những lời trên đây cách nay đã hơn nửa thế-kỷ. Nửa thế kỷ trong nhịp tiến hóa ngày nay là một khoảng thời gian dằng dặc.

Như vậy, đại khái các nhà văn lớn than tiếc là than tiếc một cái u-mặc đã mất từ khuya, mất tự bao giờ, và theo các ngài muốn tìm nó phải lần mò trở về « cổ thời » (antique), hay ít ra phải ngược lại hàng vạn năm. Nhận xét ấy khiến chúng ta an tâm phần nào, vì sự mất mát tai hại này không còn

thuộc trách-nhiệm lớp người đang sống hiện nay.

Nhưng mất u-mặc mà xã hội càng ngày càng cứ y cứ ần ỉ, nhàm nhỡ, mà văn chương hải nước càng phát triển lan tràn. Thế thì khi nói u-mặc đã mất, người nói đặc biệt chú trọng phân biệt u-mặc với cái thứ hải hước khác.

Theo Freud, u-mặc giúp ta vượt qua các xúc cảm, giúp ta nhìn nhận mặt các hoàn cảnh éo le, các nỗi thống khổ, mà không run sợ, bằng cách cải dạng các xúc cảm nọ, các hoàn cảnh, thống khổ nọ cho thành ra vẻ ngộ nghĩnh. Tài ấy là cái tài vẽ hề lên mặt đào thương cho bớt vẻ sâu bi, thảm não.

Văn nhân triết-gia không ưa cách nói toạc sống sượng của nhà phân-tâm-học. Lâm-Ngữ-Đường giải thích u-mặc như là « lòng trắc ẩn bao la nó thấm vào cuộc sống con người một cách sâu bi nhưng thân ái », như là một cách « b.êu lộ sức mạnh tinh thần, vượt thắng các nghịch cảnh, như là « tính chất độ lượng » v.v... Ông Yi Un-Sang thì giải thích u-mặc bằng một thái độ mà danh từ Đại Hàn gọi là « Swai-rak », Nhật bản gọi là « Sharé ». « Swai-rak », theo ông Yi, là « gió mát và trăng trong sự cơn

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ thuật, đến phút chót chúng tôi phải đành lại cho số tới bài « U-mặc ở Đông-phương và Tây-phương » của Lâm ngữ Đường và các mục Thời-sự văn-ngệ, Thời-sự khoa-học trong phần « Sinh-hoạt » và Sách Báo Mới.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn đọc và quý bạn phụ trách các mục trên đây.

mura", là thanh thoát, mát mẽ, trong sáng". Danh từ ấy, chúng ta đọc là sai lạc, và hiểu nghĩa là phóng khoáng, không chịu ràng buộc.

Tóm lại, vụ nhà hiền triết Socrate bị vợ mắng nhiếc một hồi rồi tát lên đầu một chậu nước, mỉm cười tự nhủ: "Sau sấm sét đến mưa giông", vụ ấy có cách giải thích đẹp đẽ như là một thái độ "sai lạc", độ lượng, v.v..., lại có cách giải thích như là một lối tự lừa dối để tránh khổ đau.

Một đàng, các triết gia và văn nhân thích cái thanh nhã cao thượng; một đàng, ông bác sĩ phân tâm không ngại đưa ra sự thực tàn nhẫn. Tuy vậy, cả hai bên đều gặp nhau ở chỗ công nhận nụ cười u-mặc khiến con người dễ dàng chấp nhận các nỗi bất bình ở đời.

Và chính nụ cười ấy bị mất.

Ngày nay chúng ta vẫn cười hồ hốt, vẫn làm thơ, viết văn, vẽ tranh hài hước; nhưng đó là chúng ta chế giễu nhau, công kích nhau, chọc giận nhau. Tiếng cười ồn ào ấy biểu dương một thắng lợi, cho nên kẻ này nổi lên cười thì kẻ bên kia nóng mặt. Tiếng cười ấy không hề có ai kêu bị mất bao giờ. Tiếng cười để khua rộn cuộc sống không thiếu; có thiếu chăng là thiếu cái cười để giúp nhau chịu đựng cuộc đời. Tức cái cười u-mặc.

Cũng trong thời gian Hội nghị Văn bút quốc tế hội họp ở Hán thành, tạp chí *L'Épress* có tìm giáo sư Konrad Lorenz để thảo luận về cuộc sống trong xã hội hiện đại. Nhà thông thái 67 tuổi già này cũng có một câu trách đả trẻ ngày nay thiếu u-mặc: "... Một trong những đặc điểm đáng ngại nhất của hạng thanh niên chống đối mà tôi được gặp là họ gần như mất hẳn cái khiếu u-mặc. Họ tự lấy làm quan trọng một cách tuyệt đối, bởi vì họ quá yên trí rằng chỉ có họ

là những người đạo đức và trước họ không hề có ai như thế. . Nếu họ có một chút xiêu lạc thì họ sẽ thông minh hơn." (Giáo sư K. Lorenz mong họ "thông minh" hơn, bác sĩ Lâm sẽ mong họ "độ lượng" hơn, ông Yi thì nói họ "sai lạc" hơn, còn Freud có lẽ sẽ bảo rằng nếu họ chụp được lên cái phi đạo đức quanh mình một mặt nạ ngộ nghĩnh thì họ sẽ dịu bớt sự ghê tởm cuồng nộ.)

Như vậy bảo rằng u-mặc đã chết chẳng qua muốn nói người xưa biết tha thứ mà chúng ta bây giờ thì quá cuồng tín, cố chấp, hóa nên cuộc sống đầy xung đột gay go.

Thật vậy chăng? — Xưa đến chừng nào thì thực sự xưa, thì con người hoàn toàn độ lượng? Đến thời Mahomet chẳng? thời thập tự viễn chinh chẳng? Đến thời những cuộc chiến tranh tôn giáo kéo dài hàng trăm năm chẳng? Đến những vụ đốt người ở ngoại đạo chẳng? Đến những cuộc tàn sát của Tần Thủy Hoàng chẳng?

Còn "nay", cái thời "nay" xấu số thiếu u-mặc, bác sĩ Lâm cho nó bắt đầu từ đời Tống, bên Tàu, nhưng mãi đến hiện giờ vẫn còn một nhân vật tên gọi Lâm Ngữ Đường được tôn làm "U-mặc đại vương"! Vị thủ tướng Anh quốc mới qua đời không bao lâu là Winston Churchill cũng nổi tiếng về u-mặc. Và nghe qua các bản thuyết trình của đại biểu các phái đoàn tại hội nghị, hình như không có vị nào không giới thiệu được một số nhà văn u-mặc hiện đại của nước mình. Sao lại có một thời kiểu u-mặc mà thừa nhiều con người u-mặc đến thế.

Pốt cuộc về khoản cái chết của u-mặc này cũng còn đôi chút ngờ vực: Phải chăng đây cũng chỉ là một cảm tưởng chủ quan? cái cảm tưởng cho rằng hột cơm thối trước ăn ngon hơn hột cơm bây giờ? cho rằng hoàng kim đời đại của nhân loại ở đời Nghiêu Thuấn?

TRANG-THIÊN

Thời sự thế-giới

T U - T R I

Ba biển chuyên được dư-luận quốc-tế đang chú ý theo dõi là những biển chuyên cuối cùng tại Trung-Đông, việc Mỹ dự tính rút bớt quân tại Đại-Hàn và những khó khăn của Thủ-tướng Tây Đức Willy Brandt. Thật vậy tại Trung Đông, hai quốc gia Nga và Mỹ càng ngày dẫn mình vào một cuộc can thiệp gần như công khai để duy trì cán cân lực-lượng hiện-hữu. Tại Á-Châu Mỹ đã bắt đầu áp dụng tích cực "thuyết Nixon" khiến cho các đồng-minh Á-Châu của Mỹ tỏ ra hết sức lo ngại. Và sau cùng là những khó khăn tại quốc nội cũng như tại quốc ngoại mà ông Willy Brandt bắt đầu vấp phải khiến nhiều người tự hỏi không hiểu nội-các xã hội của ông có khả-năng tồn tại được không.

Leo thang chiến-tranh tại Trung-Đông

Từ nhiều tháng nay một sự-khiến khiến các quan-sát-viên đều tỏ ra lo ngại là những hành động can thiệp của Nga tại Trung-Đông. Nga đã gửi nhiều hỏa-tiên địa-không SAM-2 sang Ai-Cập, phi công của Nga cũng được gửi sang để huấn-luyện cho các phi công Ai-cập và trong tháng tới 200 phi công Ai-cập sang Nga học tập sẽ trở về nước để xử dụng các oanh-tạc-cơ do Nga viện trợ. Trước sự tăng cường của không lực Ai-cập, Do-Thái tỏ ra hết sức lo ngại. Nước này từ xưa tới nay chỉ nhờ có không quân để đương đầu với quân đội của các quốc gia Ả-rập có đông dân. Ngày nay ngoài bộ binh đông đảo, các nước Ả-rập nhờ Nga mà

đã có một không-lực hùng hậu không kém Do-thái nên người ta sợ rằng các quốc gia Ả-rập sẽ lại tấn công để thanh toán Do-thái một lần nữa. Cán cân lực lượng giờ đã thực sự ngã về phía Ả-rập. Các hỏa-tiên địa-không SAM-2 vừa rồi đã hạ được 6 phi cơ của Do-thái trong vùng kiah Suez và hiện thời số tổn thất về sinh mạng của Do-thái đã lên tới một mức độ mà chính-phủ Tel Aviv không thể chấp nhận được là 30 người chết mỗi tháng. Không những vậy, Nga lại còn đang sửa soạn chuyển cho Syria nhiều dàn hỏa-tiên.

Trước sự tiến triển quá mau lẹ của tình hình Trung-Đông, ngoại-giao Mỹ đã tỏ ra hết sức lúng túng. Từ trước tới nay Hoa-kỳ muốn duy trì cán cân lực-lượng nên đã nhiều lần từ chối không chịu bán vũ khí cho Do-thái. Hơn nữa nhiều nước Ả-rập có mỏ dầu hỏa như Arabie Séoudite đã dọa là nếu Hoa-kỳ bán vũ khí cho Do-thái thì họ sẽ phá hủy những ống dẫn dầu và các cơ-sở khai thác dầu của Hoa-kỳ ở nước họ. Ngoại-trưởng Mỹ William Rogers đã đưa ra nhiều sáng-kiến ngoại-giao như ngưng chiến 90 ngày, như là các quốc gia Ả-rập thừa nhận Do-thái và nước này phải đáp ứng lại bằng cách trao trả những đất đai họ đã chiếm được của Ả-rập vào năm 1967. Nhưng những sáng-kiến của ông Rogers chỉ có một kết quả là cả Do-thái và Ả-rập đều bất bình trước chính-sách hòa giải của Mỹ. Trong khi ông Rogers có thái-độ hết

sức hòa hoãn thì ông Kissinger, phụ-tá đặc-biệt về vấn-đề an-ninh của ông Nixon, lại có một thái-độ cứng rắn. Trong một cuộc họp báo, ông đã cảnh cáo Nga là Hoa-kỳ, sẽ phải dùng biện-pháp để «đuổi» Nga ra khỏi vùng Trung Đông. Tổng-thống Nixon hình như đã nghe ông Kissinger nên không những đã ra lệnh bán máy bay cho Do-thái mà, trong một cuộc họp báo truyền-hình, ông đã tố cáo A-rập là hiếu chiến. Tổng-thống Nixon nói: « Do-thái không bao giờ muốn đuổi A-rập ra ngoài biển mà chính các quốc-gia A-rập muốn đẩy Do-thái xuống biển ».

Những quyết định mới của Tổng-thống Nixon đã nâng cao tinh thần của Do-thái và tại đây dân chúng đang có một tâm-trạng tương tự như vào tháng 6-1967. Người ta nói nhiều tới một mọi chiến tranh ngừa địch (guerre préventive) để chặn trước những mưu-đồ xâm-lăng của A-rập. Nhưng một trận chiến tranh như vậy trong hiện tình chính-trị ở Trung Đông sẽ đưa tới một cuộc đụng độ trực tiếp giữa Nga và Mỹ mà hậu quả sẽ hết sức nguy hiểm cho hòa-bình thế-giới.

Thuyết Nixon đã bắt đầu được áp dụng mạnh tại Á-châu

Trước đây khi nói tới thuyết Nixon người ta nghĩ rằng thuyết này chỉ được áp dụng tại Việt-Nam để Mỹ có cơ rút lui khỏi cuộc chiến hiện tại. Nhưng trong tháng 7 vừa qua, tức là hơn một năm sau khi thuyết này được công bố, chính-phủ Hoa-kỳ bắt đầu áp dụng cho cả Á-châu nữa.

Sau khi rút bộ binh khỏi Kampuchea, Hoa-kỳ đã đi xa hơn trong việc áp dụng thuyết Nixon. Ông William Rogers đã đi

thăm nhiều nước Á-châu trong những ngày vừa qua. Và ông đã lợi dụng phiên họp thường niên của Tổ-chức Liên-phòng Đông-Nam-Á (S E A T O) để bàn với các chính phủ Á-châu về việc rút bớt quân đội Mỹ tại Đại Hàn. Hiện thời có khoảng 60.000 quân Mỹ đồn trú tại Đại-Hàn. Ông Nixon dự tính rút khoảng 40% số quân này về. Nhưng quyết định của ông Nixon đã gặp phải một phản-ứng rất mạnh của các quốc-gia Á-châu. Ngay-trưởng Thái-lan đã không ngần ngại đả kích các Thượng Nghị-sĩ Mỹ có đầu óc bệnh-hoạn đến nỗi chủ-trương Hoa-kỳ khước từ mọi trách-nhiệm ở Á-châu.

Tại Nhật, ông Rogers cũng được đón tiếp bằng một sự lạnh nhạt không kém. Vì rút quân Mỹ khỏi Đại-Hàn sẽ khiến cho công cuộc phòng thủ lãnh thổ Nhật trở nên khó khăn, nhất là khi mà Nhật chưa có quân đội hùng mạnh.

Tại Đại-Hàn, dư luận đã tỏ ra hết sức xúc động. Người ta cho rằng Hoa-kỳ đang tái phạm những lỗi lầm của họ vào năm 1950, khi họ rút quân đi để cho Bắc-Cao có dịp tấn công Nam Cao.

Sở dĩ chưa quốc-gia Á-châu nào muốn Mỹ rút quân khỏi lục-địa này vì tại đây chưa một quốc-gia nào đủ mạnh để tự đảm nhiệm việc quốc phòng. Ngoài ra công cuộc hợp-tác quân-sự và kinh-tế giữa các quốc-gia Á-châu chưa được chặt chẽ. Và các quốc gia này cũng chưa chuẩn bị gì để cộng tác hữu hiệu với nhau. Tuy cũng bị Cộng-sản đe dọa, tuy cũng lo sợ trước những âm mưu bành trướng của Trung-Cộng, các quốc-gia Á-châu vì những đòi hỏi nội bộ nên chưa có một

tin thần tương trợ, Thái-lan, đến tận bây giờ, cũng chỉ yểm trợ Kampuchea bằng cách gửi lương-hực thuốc men và phi cơ đi thám thính mà thôi. Đại-Hàn cũng không tỏ ra nồng nhiệt trước việc tham chiến tại Kampuchea. Người ta hy vọng rằng sự thực-thi "thuyết Nixon" sẽ là một dịp khiến các quốc-gia Á-châu ý-thức được điều cần thiết về sự hợp-tác giữa các quốc-gia trong vùng.

Những khó khăn của Thủ tướng Tây-Đức Willy Brandt

Tháng 10 năm ngoái khi liên kết với đảng Tự-do để lập chính phủ với một đa số mỏng manh là 72 phiếu tại Quốc-hội, ông Willy Brandt đã được nhiều người đặt hy-vọng vào ông. Ông hứa sẽ bình-thường-hóa bang-giao với các quốc gia Đông-Âu. Và ngay khi cầm quyền, ông Brandt đã gửi các nhà ngoại-giao Tây-Đức đi khắp các quốc-gia Cộng-sản Á châu để thương-thuyết khiến Bộ Ngoại-giao Tây-Đức đã có lúc thiếu cả nhân viên để làm việc.

Các quốc-gia Cộng-sản Đông - Âu vì cần viện-trợ của Tây-Đức nên đã nồng nhiệt đáp ứng những sáng-kiến ngoại-giao của ông Brandt. Vì vậy Đông-Đức cảm thấy mình cô đơn mà phải bằng lòng thương thuyết với Tây Đức. Nhưng sau hai cuộc hội-đàm lịch-sử giữa ông Brandt và Stoph, cả hai nước Đông và Tây Đức vẫn chưa đạt được một kết quả nào có thể coi là khả quao. Đô g Đức nhất định đặt điều kiện tiên-quyết là Tây Đức phải thừa nhận họ rời họ mới thương thuyết.

Song song với các cuộc tiếp-xúc với Đông Đức, ông Brandt lại còn gửi cố-vấn riêng của ông là Egon Bahr sang Mạc-tư-khoa thương-thuyết với Nga một hiệp-ước từ bỏ việc xử dụng

võ lực. Trong cuộc thương thuyết trên người ta đã thực hiện được nhiều tiến bộ một cách mau lẹ vì hiệp-ước này sắp được ký kết trong một ngày gần đây. Tuy nhiên bản dự thảo hiệp-ước đã làm cho nhiều người Đức phải bất bình. Vì nếu Tây Đức hứa sẽ ngầm thừa nhận các đường biên-giới được Nga thiết-lập sau đệ-nhi thế-chiến thì Nga lại không làm một điều gì để nhượng bộ Tây Đức. Chính-sách đối-ngoại mà ông Brandt đặt nhiều hy vọng đã không mang lại cho ông những thành-quả mong muốn:

Nhưng trong chính-sách đối nội ông Brandt cũng không có nhiều may mắn hơn. Tuy khi nhậm chức ông đã hứa sẽ cải-tổ các trường Đại-học, cải-tiến dịch-vụ xã-hội, quân phân lợi-tức, nhưng sự thật thì ông chưa làm gì nhiều để thực hiện được những mục-tiêu này. Đồng thời nạn lạm-phát xuất hiện tại Tây-Đức với tỷ lệ là 3,80/o một năm cùng với nạn khan hiếm nhà ở. Đề đối phó với những vấn-đề này, Thủ-tướng thuộc đảng Xã-hội Willy Brandt đã phải quyết định tăng thuế khếo ngay các đảng-viên Xã-hội cũng phải bất bình.

Hiện thời uy-tín của ông Brandt đã xuống nhiều và tại Tây Đức người ta bắt đầu tự hỏi không hiểu sao đảng Xã-hội Đức, mỗi khi nắm được chính quyền đều không thể nào thực hiện đúng với Chương-trình của mình đã đề ra mà còn hành động ngược lại là khác nữa. Và ông Brandt với một đa số mỏng manh 72 phiếu có thể ở lại ghế Thủ-tướng được lâu không. Nhất là đảng Tự Do liên-kết với ông đã bị thất bại nặng nề trong hai cuộc bầu-ử địa-phương gần đây.

HỘP THƯ

— Tạp chí Bách-khoa đã nhận được bài của quý bạn sau đây :

Hồ Minh Dũng, Tâm Đông Phương, Quang Ngọc, Hoàng Ngọc Châu, Tống Khê, Khúc đoàn Nguyễn, Hoàng Ngân, Nguyễn Vạn Linh, Lê Từ Nương, Đinh Xuân Phương, Nguyễn Phước Chính, Nguyễn Tử Uy, Lê Đức Vinh, Lưu Như Thủy, Trần nh. Hach, Vương Phong Lan, Chu Minh Thủy, Lê Văn Trung, Ninh Thế Trường, Hoàng đình Huy quan, Nguyễn kim Phương, Lê Bá Lăng, Lăng Yêm, Đoàn Huy Giao, Dương Phú Yên, Trần Văn Duận, Bùi Nghi Trang, Lê Sơn Tông, Nguyễn Thủy, Cao Nguyên Vũ, Viễn Phương, Trần Thái Hòa, Hoàng Hà, Đỗ Quang, Tôn Nữ Thanh Thủy, Khế Iêm, Ý Yên, Lâm Hào Dũng, Lam Điền Nguyễn Thứ, Hoàng Trần, Đơn hành, Dương Linh, Nguyễn như Mân, Cao Quang Văn, Trần Hoài Thư, Phạm bá Tấn.

Xin trân trọng cảm ơn quý-bạn. Những bài nào đăng được chúng tôi sẽ trả lời bằng thư riêng hoặc nhắn tin trên 2 số báo tới đây.

— Ô. Phương Đình (Cà Mau) Xin gửi địa chỉ về tòa soạn ngay để tiện liên lạc. Rất mong những sáng tác khác nữa.

— Ô. Nguyễn Tăng Liên (KBC. 3939) : Sẽ đăng « Dừng dừng » (Thầy giáo mới) trong số tới.

— Ô Thi Độ OPT : Kỳ này, phút chót vì kẹt bài quá nên phải bỏ lại cả mấy bài và luôn cả mục « Sinh hoạt » và « Thời sự văn nghệ » nên Tin văn-nghệ của anh cũng không đăng được, mong anh thông cảm cho.

— Ô. Lê Miên Tường (Huế) : Mong anh gửi thêm cho những bài khác nữa.

— Ô.Ô. Mạnh Viêm Long, Phạm Ngọc Lưu, Trần Huệ Ân (Tuy-Hòa) Đã nhận được thư và sáng tác của các anh. Sẽ có thư riêng.

Quân Mông-cô làm cách nào vượt qua Vạn-lý-trường-thành để chiếm Trung-Quốc ? Họ làm thế nào để trèo qua trên rặng núi Pamir cao 4000 thước và vượt qua sa mạc Tử-thần để đánh tan đế-quốc Hồi ? Họ tổ chức và huấn luyện những đại-đoàn pháo binh như thế nào ? Chiếc cung, đôi giày và con chiến mã của họ ra sao mà các sử gia cho là yếu tố chiến thắng ? Và, từ một tên du mục hiền lành, tại sao Thành-Cát-Tur-Hãn nổi cơn phẫn nộ đến mức gây cảnh núi xương sông máu làm kinh hoàng cả lịch sử nhân loại ?

Đề có thể giải đáp những câu hỏi trên, mời bạn đọc quyển :

THÀNH - CÁT - TUR - HÃN của Nguyễn-Trọng-Khanh

— Một cuốn sách xây dựng công phu với những sử liệu đặc biệt như : *Mông-cô bí sử*, *Đế quốc đồng cỏ* của Viện Đại-học Hambourg... và hình ảnh của Viện Bảo tàng Moscou ..

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

Địa chỉ : 21 Nguyễn-Thiện-Thuật Sài-gòn — Đ.T : 92.017